



Atala PRISM

CÁC NỀN TẢNG

ĐỊNH DANH PHI TẬP TRUNG



MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	6
1. Giới thiệu	7
1.1 Blockchain	8
1.2 Danh tính là gì?	9
1.3 Sử dụng danh tính	10
1.4 Quản lý danh tính.....	11
1.5 Đạo đức	12
2. Các mô hình danh tính	15
2.1 Mô hình tập trung và cách hoạt động.....	15
2.1.1 Khái niệm mô hình tập trung	15
2.1.2 Sự hoạt động của mô hình tập trung	15
2.1.3 Ưu và nhược điểm của mô hình tập trung	15
2.2 Mô hình Liên minh và cách hoạt động	16
2.2.1 Khái niệm mô hình liên minh	17
2.2.2 Sự hoạt động	17
2.2.3 Ưu và nhược điểm của mô hình liên minh.....	18
2.3 Mô hình tự chủ danh tính Self-sovereign identity model	19
2.3.1 12 nguyên tắc của Mô hình SSI –Model.....	20
2.3.2 SSI hoạt động như thế nào?	21

MỤC LỤC

2.3.3 ZKP	22
2.3.4 Mật mã Cryptography	23
2.3.5 Quyền riêng tư theo thiết kế Privacy by design	24
2.3.6 Hạn chế Drawbacks	25
3.Các khái niệm về SSI	27
3.1 Người sở hữu/ người giữ (Holder)	28
3.2 Người cấp phát/ Bên phát hành (Issuers)	28
3.3 Người xác thực	29
3.4 Kết luận	29
Câu hỏi ôn tập	31
4. Tin cậy (Trust)	33
4.1 Tam giác niềm tin (Trust triangle)	34
4.2 Niềm tin kim cương	35
4.3 Khung tin cậy (Trust framework)	36
4.4 Khung cơ quan quản trị tin cậy (Governance framework)	37
4.5 Bảng đăng ký tin cậy	39
4.6 Mô hình kim cương niềm tin mở rộng	39
4.7 Bài tập (Worksheet)	41
Câu hỏi ôn tập	47
5.CHUNG - COMMONS	51

MỤC LỤC

5.1 Khảo sát thường dân Examining commoners	52
5.2 Sự thành lập cộng đồng Forming a common	52
5.3 Ví dụ cụ thể -Real example.....	54
5.4 Chương trình tiên phong Pioneer program	55
5.5 Ví dụ về bộ giáo dục Ethiopia.....	56
Câu hỏi ôn tập	57
Phụ lục	62
Đạo Đức	62
1. Đạo đức học của Aristotle.....	62
2. Đạo đức Nho giáo	63
3. Đạo đức của Phật giáo	64
Nguyên tắc Kỹ thuật -Đạo đức	66
6.1 Thành thật: Tôn trọng Sự Thật.....	67
6.2 Tự Kiểm Soát: Trở Thành Tác Giả của Những Khao Khát Của Chúng Ta	69
6.3 Khiêm tốn: Biết những gì chúng ta không biết.....	72
6.4 Công lý: Đề cao lẽ phải.....	74
6.5 Can Đảm: Nỗi Sợ Thông Minh và Hy Vọng	75
6.6 Sự đồng cảm: Mối quan tâm đầy cảm thông đối với người khác	79
6.7 Chăm sóc: Yêu thương phục vụ người khác	85
6.8 Lịch sự: Tạo ra Mối Liên Kết Chung.....	87

MỤC LỤC

6.9 Tính linh hoạt: Thích ứng khéo léo với sự thay đổi.....	93
6.10 Quan điểm: Giữ vững Tổng Thể Đạo Đức	98
6.11 Trí tuệ Kỹ thuật Đạo đức: Đoàn kết các Đức Tính Kỹ thuật Đạo đức.....	100
6.12 Sự Hào Hiệp: Lãnh Đạo Đạo Đức	101
6.13 Lòng Hào Hiệp: Lãnh Đạo Đạo Đức	102
8 Nguyên tắc thiết kế để thành công chung.....	105

LỜI NÓI ĐẦU

Chúng tôi cảm ơn các độc giả và những người trong lĩnh vực bảo vệ dữ liệu cá nhân đã quan tâm đến Atala đây là khóa học tiên phong trong lĩnh vực bảo vệ dữ liệu của chúng tôi. Trong cuộc sống của chúng ta ngoài những dữ liệu cá nhân chúng ta sở hữu thì dữ liệu này còn được sử dụng tại cơ quan, công sở hoặc nơi quản lý thông tin dân cư mà chúng ta đang sinh sống. Do đó việc chủ động tự bảo vệ dữ liệu cá nhân hoặc một tổ chức, doanh nghiệp, chính phủ là chủ đề hấp dẫn mà chúng tôi tin rằng có thể mang lại tác động xã hội tích cực, lâu dài trên toàn cầu. Hiện nay, hệ thống SSI (*Self-Sovereign Identity*) được sử dụng để cải thiện quản lý chuỗi cung ứng bằng cách làm cho luồng dữ liệu trở nên đáng tin cậy, minh bạch hơn, giúp cho các hoạt động quản lý linh hoạt và hiệu quả hơn. Các kỹ thuật được triển khai tuân thủ theo nguyên tắc thiết kế bảo mật của SSI mang lại quyền tự chủ và sở hữu kỹ thuật cho các cá nhân.

Tài liệu này sẽ giới thiệu về các khái niệm cơ bản cần thiết để xây dựng hệ sinh thái phi tập trung của riêng từng chủ thể như: người cấp phát hay bên phát hành, người sở hữu, người xác minh hay bên xác thực, các môi trường tin cậy, các khung cơ sở quản trị, các đăng ký tin cậy, ... Những khái niệm và công cụ này đưa yếu tố con người vào các ứng dụng Web3, cho phép chúng ta đưa các hoạt động bản sắc của bản thân chúng ta vào các ngữ cảnh blockchain sử dụng các thuật toán đồng thuận không cần phê duyệt, chống kiểm duyệt và sáng tạo trên Cardano, Ethereum hoặc bất kỳ loại tiền điện tử nào khác. Một số ví dụ dẫn chứng cho việc sử dụng cơ sở hạ tầng phát triển của SSI mang lại như: SSI có thể cung cấp giao thức quản trị cho các tổ chức phi tập trung như DAO (Decentralized Autonomous Organizations), hỗ trợ việc phát triển các hệ

thống giáo dục, nghề nghiệp; tạo mạng lưới xã hội và kinh doanh trong cộng đồng di cư và SSI có thể được sử dụng để tạo các hệ thống trung thành mới mà không phụ thuộc vào các bên trung gian đồng thời tăng tính minh bạch và tin cậy cho người dùng.

Chúng tôi luôn mong muốn xây dựng một hệ thống sẽ cải thiện cuộc sống của mọi người mang lại lợi ích xã hội tích cực trên tinh thần làm việc cố gắng cải thiện được thúc đẩy bởi các giá trị đạo đức. Chúng tôi được truyền cảm hứng từ cuốn sách “Technology and the Virtues” đây chính là động lực giúp chúng tôi suy nghĩ cách xây dựng các hệ thống tin cậy tạo ra ảnh hưởng xã hội tích cực lâu dài.

Để có thể thực hiện được mục tiêu đề ra là xây dựng các ứng dụng SSI tuyệt vời những thành viên trong cộng đồng Pioneer tham gia xây dựng hệ sinh thái này luôn tìm ra các cách mới để hợp tác với nhau mang lại nguồn lợi chung.

Chúng tôi hy vọng bạn sẽ thích cách chúng tôi xử lý các nền tảng để xây dựng các hệ sinh thái mở khóa tính di động cho mọi người trên toàn thế giới. Điều này chỉ là bước đầu tiên trong một hành trình dài và mạnh mẽ vào thế giới các cơ hội mà Web3 mang lại cho bạn.

Tony Rose,
Head of Product, Atala IOG

Chúng ta không thể tiếp tục chấp nhận sự thiếu hiểu biết về khoa học, sự lơ là đối với môi trường vật lý của chúng ta và việc không phát triển tiềm năng con người nữa, bởi vì có quá nhiều điều quan trọng đang bị đặt vào tình trạng nguy hiểm.

Patterns of Commoning, 2015, p. 118

1. Giới thiệu

Chào mừng bạn đến với Atala PRISM cơ bản. Chúng tôi rất hân hạnh khi có bạn tham gia cùng chúng tôi trong hành trình này khi chúng tôi khám phá về danh tính, như nó hiện tại, và những gì nó có thể trở thành trong tương lai. Với tài liệu dưới đây, mục tiêu của chúng tôi là khám phá những phức tạp của danh tính trong thế giới kỹ thuật số và đề xuất cách chúng ta có thể cải thiện hệ thống mà chúng ta đang sử dụng ngày nay.

Những thông tin riêng tư cá nhân của bất kỳ ai đó không chỉ cá nhân đó sở hữu, mà những thông tin này đang ngày càng được tiết lộ với doanh nghiệp khi chúng ta sử dụng dịch vụ trực tuyến, vậy nên chúng ta đang tìm cách bảo vệ những dữ liệu cá nhân quan trọng trong khi sử dụng các dịch vụ này. Trong nhiều trường hợp, chúng ta đánh đổi sự kiểm soát về bản thân để lấy sự tiện lợi và truy cập nhanh chóng. Hôm nay, chúng ta đang đứng ở một ngã rẽ - liệu chúng ta có tiếp tục đi theo con đường cho phép các công ty có giá trị hàng triệu và tỷ đô la kiểm soát danh tính và dữ liệu của chúng ta không? Hay chúng ta có tái chiếm lại sự kiểm soát về danh tính và dữ liệu của chúng ta không?

1.1 Blockchain

Trong suốt 15 năm qua, công nghệ mới nổi đã mở cửa để cho phép người dùng quản lý danh tính của họ. Công nghệ blockchain đã là một sự phát triển cách mạng. Tiền điện tử là điều mà hầu hết mọi người nghĩ đến khi nói đến blockchain, chúng là một phần quan trọng, nhưng blockchain còn cung cấp nhiều hơn trong tính tiện ích. Bitcoin đã là tia lửa vào thời điểm thích hợp. Vào năm 2009, sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008, sự xuất hiện của nó đã tạo ra sự độc lập tài chính và tạo ra tính di động, truy cập và một phương thức thay thế cho hệ thống ngân hàng truyền thống. Trong những ngày đầu, nhiều người phản đối nó cho rằng Bitcoin sẽ không bao giờ có thể đạt được hay có giá trị. Ngày nay, nhiều người, doanh nghiệp, và thậm chí là các quốc gia sử dụng và chấp nhận nó là pháp luật. Câu chuyện về Bitcoin là hữu ích khi nói đến tính tiện ích. Có một công cụ, blockchain, mà Satoshi Nakamoto đã hình thành, công cụ này rất quan trọng trong việc xây dựng một hệ thống tài chính mới, và có một nhu cầu, cuộc khủng hoảng tài chính. Kết hợp blockchain với một giao thức tài chính mới là bước đầu tiên trong một chuỗi dài các đổi mới trong công nghệ blockchain.

Blockchain là gì? Nó được gọi là “sổ cái”, chúng ta có thể hiểu blockchain như một máy chủ phân tán - có nghĩa là không có một cá nhân nào kiểm soát hoặc có thông tin. Nó được phân phối trên hàng trăm hoặc hàng ngàn nút. Một nút là một bản sao duy nhất của tất cả dữ liệu, tăng cường tính toàn vẹn và phân phối của thông tin. Những nút này hoạt động cùng nhau để tạo thành một mạng hỗ trợ cho blockchain. Chúng cũng giúp xác minh các khối khi chúng được tạo ra, điều này đảm bảo rằng những gì được viết vào chuỗi là chính xác. Nếu một phần của chuỗi bị gián đoạn, miễn là còn nhiều nút hơn trong mạng, nó sẽ vẫn hoạt động và chạy.

Mỗi khối trên blockchain hoạt động như một thùng chứa chứa các giao dịch. Mỗi giao dịch trong một khối có thể đại diện cho nhiều điều. Một trong những giao dịch mà hầu hết mọi người sẽ quen thuộc là giao dịch tài chính. Nếu tôi mua ADA, giao dịch đó sẽ được viết vào blockchain của Cardano, cùng với hàng chục giao dịch khác chứa mua bán. Những giao dịch này tạo thành một khối được xác thực bởi các nút. Việc xác thực là rất quan trọng vì nó chứng minh rằng dữ liệu là chính xác khi được phân phối trên mạng (tất cả các nút).

Cuộc trò chuyện này có vẻ không hợp lý trong một cuộc trò chuyện về danh tính - nhưng không phải vậy. Chúng tôi đang đặt nền móng cho các khái niệm sẽ được giới thiệu sau này. Một trong những suy nghĩ tự nhiên liên quan đến Bitcoin và blockchain là người dùng tin tưởng và tin rằng nó an toàn, chống kiểm duyệt và có thể di động. Đối với một số người, nó đã cho phép truy cập vào một hệ thống tài chính lần đầu tiên trong cuộc đời họ. Những điểm này không nên bị loại bỏ như là chiến lược tiếp thị hoặc điểm nói chuyện. Khi chúng tôi khám phá các khái niệm sâu hơn, chúng tôi sẽ thảo luận vì sao chúng quan trọng đối với danh tính tự chủ và làm thế nào chúng có thể có được.

Không có sự nhận thức khiêm tốn, các nguyên tắc đạo đức không ít hoặc không có quyền lực nào để hướng dẫn hành động của chúng ta. Vì ngay cả một nguyên tắc đạo đức vĩnh cửu và phổ biến cũng giả định rằng chúng ta có thể tưởng tượng ra việc áp dụng nguyên tắc đó vào ngày hôm nay có khả năng duy trì hoặc làm giàu chất lượng cuộc sống của chúng ta vào ngày mai.

"Công nghệ và Đức Tính", 2016, trang 6

1.2 Danh tính là gì?

"Danh tính" là bản sắc của chúng ta. Nó bao gồm các đặc điểm không thay đổi của chúng ta như chủng tộc, giới tính, dân tộc, ngày sinh, và các hình ảnh đặc biệt như tài khoản trực tuyến, nơi chúng ta lưu trữ tiền, nhà cung cấp điện thoại di động của chúng ta, v.v. Khi chúng ta hoạt động trong cuộc sống hàng ngày, liên lạc, nói chuyện với mọi người từ đó mọi thứ chúng ta tương tác với nhau được coi là một phần của danh tính của chúng ta. Chúng ta có thể có các tương tác, trao đổi với người lạ, gia đình, bạn bè hoặc doanh nghiệp, chúng ta có thể để lại thông tin của chính mình. Thông tin mà chúng ta chia sẻ với cá nhân mỗi người có thể được lưu trữ trong bộ nhớ của người đó, tương tự, thông tin mà chúng ta chia sẻ với nền tảng xã hội hoặc doanh nghiệp được lưu trữ trong một phương tiện lưu trữ dữ liệu – do đó thông tin này có thể cả hai bên đều được biết khi cần. Khi chúng ta giao tiếp với mọi người, chúng ta có thể kiểm soát cẩn thận thông tin mà chúng ta chia sẻ để giảm thiểu rủi ro của chúng ta. Nhưng với các tương tác kỹ thuật số phức tạp hơn thì chúng ta không kiểm soát được luồng dữ liệu đã lưu trữ. Có những phần thông tin mà chúng ta bắt buộc phải cung cấp. Khi chúng ta nhắc đến danh tính, chúng ta nói đến bất kỳ cá nhân, tổ chức, tập đoàn, doanh nghiệp, đối tượng vật lý hoặc kỹ thuật số nào. Chúng tôi sẽ sử dụng thuật ngữ thực thể trong toàn bộ văn bản này với ý nghĩa này. Mỗi cá nhân có mức độ tin cậy khác nhau mà mất thời gian để phát triển. Đó là một quyết định cá nhân được thẩm nhuần trong kinh nghiệm sống của chúng ta. Không ai nên bị ép buộc phải chia sẻ thông tin nếu họ không thoải mái với điều đó. Ý tưởng này không phải là một phát hiện đột phá đất đai, nhưng quan trọng là phải nhớ quyết định đó nên là của chúng ta. Chúng ta nên có khả năng phân biệt giữa ai chúng ta là và thông tin về chúng ta được xác minh. Nếu tôi nói màu yêu thích của tôi là màu xanh dương, có thể là đúng, nhưng không có cách nào để chứng minh điều đó. Nếu tôi bắt buộc phải chứng minh tuổi của mình, đó là điều mà tôi có thể xác minh bằng một chứng minh nhân dân của chính phủ hoặc một giấy chứng nhận sinh. Một ví dụ khác tôi có tài khoản ngân hàng SHB, họ biết về tôi và số tiền tôi có vì tôi có một tài khoản với ngân hàng này. Nếu tôi đi vào ngân hàng VCB và

yêu cầu số tiền của mình, họ sẽ không có hồ tôi hoặc số tiền của tôi và có thể giả định rằng tôi đang cố gắng cướp ngân hàng. Chúng ta không đi đến một ngân hàng khác để truy cập vào tài khoản của chúng ta - chúng ta đi đến ngân hàng của chúng ta, nơi mà chúng ta được biết đến. Danh tính đại diện một phần thông tin của chúng ta. Điều này rất quan trọng để phân biệt giữa ai chúng ta là và việc xác thực thông tin về chúng ta.

Danh tính là một lực lượng vô hình tuyệt vời mà kiểm soát toàn bộ cuộc sống của bạn. Nó vô hình như trọng lực vô hình, nhưng lại kiểm soát toàn bộ cuộc sống của bạn.

Tony Robbins

1.3 Sử dụng danh tính

Trên toàn cầu, mọi người sử dụng danh tính của họ theo cách khác nhau. Một người ở Hoa Kỳ có khả năng sử dụng giấy phép lái xe hàng ngày hơn một người ở Nhật Bản, nơi giao thông công cộng được truy cập rộng rãi hơn. Mỗi khi chúng ta sử dụng điện thoại di động, mạng xã hội, email, tin nhắn, truy cập tài khoản ngân hàng, hoặc bật đèn, chúng ta liên quan đến danh tính của mình. Chúng ta có một mối quan hệ với những thực thể này thông qua các tài khoản hoặc thông tin đăng nhập cần thiết để tương tác với họ. Nếu chúng ta không có thông tin đăng nhập, làm thế nào mà nhà cung cấp dịch vụ điện thoại hoặc công ty điện biết được chúng ta đã sử dụng bao nhiêu điện và nơi nào để gửi hóa đơn?

Điều này không khác biệt so với việc tương tác với một tiện ích hoặc một dịch vụ, như một tài khoản email. Chúng ta có các nhân cách mà chúng ta có được thông qua một tên người dùng và mật khẩu, điều này cấp cho chúng ta quyền truy cập vào hộp thư đến, danh bạ, lịch, v.v. Chúng ta không lưu trữ dữ liệu đó. Nó có thể truy cập thông qua quyền hạn - thông tin đăng nhập của chúng ta.

Chúng ta tạo ra những kết nối này khắp mọi nơi trong suốt cả ngày của mình. Chúng ta có thể đứng xếp hàng ở quán cà phê địa phương và tương tác với một người lạ. Người phục vụ cà phê yêu thích của chúng ta có thể có con cái chúng ta hỏi thăm, điều này là một mối quan hệ sâu sắc hơn. Doanh nghiệp chính thức hơn, nơi chúng ta cung cấp tên và thông tin thanh toán của mình.

Trong khi chờ đợi cà phê của chúng ta, chúng ta có thể đang nhắn tin với bạn bè, duyệt mạng xã hội hoặc nói chuyện với ai đó qua điện thoại. Những tương tác này liên quan đến công ty điện thoại di động và các cá nhân chúng ta giao tiếp với. Chúng ta có thể dễ dàng thêm vào hàng chục tương tác trong vài phút chờ đợi. Một cách kín đáo, chúng ta có thể ước lượng có khoảng 15 kết nối trong suốt 15 phút tại quán cà phê.

Nếu chúng ta bắt đầu tính tổng số này trong suốt cả ngày, đó là 60 kết nối mỗi giờ và gần đạt tới 1.000 kết nối trong mỗi 16 giờ thức dậy. Hãy nhớ, ước lượng này ở mức thấp nhất của thang đo - trong nhiều trường hợp, con số này sẽ cao hơn nhiều trên thực tế.

Hy vọng điều này đã giúp diễn đạt được sự quan trọng của danh tính của chúng ta trong cuộc sống hàng ngày. Thường thì, chúng ta không nghĩ đến những mối liên hệ này hoặc thậm chí cân nhắc tham gia và chia sẻ thông tin - nhưng chúng ta liên tục có những tương tác này suốt cả ngày.

Giá trị của danh tính thường đi kèm với mục đích

Richard Grant

1.4 Quản lý danh tính

Có rất nhiều ý tưởng về danh tính kỹ thuật số mang tính bất lợi. Nhiều ý tưởng này xuất phát từ cuốn sách 1984. Công dân luôn bị giám sát liên tục về hành vi của họ và thông tin họ chia sẻ. Khái niệm về anh trai lớn là một lo ngại đáng tin cậy, nhưng khi chúng ta đi qua cách hoạt động của nó, chúng tôi hy vọng sẽ làm tan biến những nỗi lo này. Sự không ổn định về việc hư cấu trở thành hiện thực là điều dễ hiểu. Một trong những cách tốt nhất để đối phó với những câu chuyện này là sự minh bạch. Phần nào, đó là những gì chúng ta đang làm ở đây. Hiện có một số mô hình danh tính được sử dụng ngày nay. Nhìn vào mỗi mô hình và cách chúng hoạt động sẽ làm sáng tỏ những vấn đề và lợi ích. Người trung bình hiện có khoảng 100 tài khoản trực tuyến. Do số lượng các tài khoản tăng lên, nhiều người đã chuyển sang các công cụ quản lý mật khẩu hoặc tài khoản. Các công cụ này giúp tổ chức các nhân cách của chúng tôi - nhưng hầu hết đều yêu cầu một tài khoản và mật khẩu khác để truy cập hoặc mở khóa công cụ quản lý chính nó. Một giao thức phổ biến để quản lý các đăng nhập của chúng ta một quy trình đăng nhập một lần (SSO). Giao thức này cho phép chúng ta đăng nhập vào một dịch vụ khác thông qua một mối quan hệ hiện có. Một ví dụ về điều này là Google. Nếu bạn có một tài khoản với Google, bạn có thể sử dụng thông tin đăng nhập đó để truy cập hàng trăm, nếu không hàng nghìn, dịch vụ khác. Những dịch vụ cung cấp SSO được gọi là IDP (nhà cung cấp danh tính). Họ cung cấp những tiện ích nhưng có nhiều điểm không lợi ích mà chúng ta sẽ khám phá sau này.

Tài liệu vật lý là một vấn đề khác hoàn toàn. Hiện nay, nhiều trong số các tài liệu của chúng ta được cấp bởi một văn phòng duy nhất và thường được in trên giấy đặc biệt có dấu niêm phong và/hoặc các biện pháp bảo mật khác. Nếu chúng ta mất tài liệu hoặc nó bị đánh cắp, việc lấy

lại một bản sao là phức tạp. Thông thường, chúng ta phải chứng minh ai chúng ta là bằng một số hình thức để có được một bản sao. Quá trình này cực kỳ nhàm chán, khó khăn và tốn thời gian.

Vấn đề cuối cùng cần thảo luận là việc đánh cắp danh tính. Việc phân lớn danh tính của chúng ta nằm trong tay người đang gia tăng. Các tài khoản kỹ thuật số của chúng ta có thể bị chiếm đoạt, tiết lộ bất kỳ dữ liệu nào liên kết, như tài khoản ngân hàng, thẻ tín dụng, v.v. Việc đánh cắp xảy ra trong các tài liệu vật lý, nhưng danh tính kỹ thuật số phổ biến hơn do các lỗ hổng trong các hệ thống hiện tại.

Tư tưởng lý tưởng đạo đức là không có "gì đó để giấu," và do đó không có gì để mất từ một xã hội minh bạch. Như CEO và Chủ tịch của Google Eric Schmidt từng nói trong một cuộc phỏng vấn tin tức mở cửa, "Nếu bạn có điều gì đó mà bạn không muốn ai biết, có lẽ bạn không nên làm điều đó từ đầu." Ngoài việc sự kết hợp khó tin giữa sự thận trọng và tội ác, triết lý này bỏ qua sự thật rằng thông tin về tôi thường cũng là thông tin về những người khác mà tôi chia sẻ cuộc sống của mình, và do đó tập trung chỉ vào việc liệu tôi có điều gì để giấu không là một thái độ tự thiện sâu xa đối với những vấn đề riêng tư, một thái độ không tương thích với đạo đức của quan điểm đạo đức.

Technology and the Virtues, 2016, Trang 191

1.5 Đạo đức

Dù chúng ta đang làm việc trên loại sản phẩm nào, chúng ta cần phản ánh về hành động của mình. Cho dù đó là một thuật toán, giao diện người dùng, trải nghiệm, hoặc bộ cảm biến phần cứng, tất cả các quyết định của chúng ta đều ảnh hưởng đến người dùng của sản phẩm của chúng ta. Liệu chúng ta đang tạo ra một điều gì công bằng và có trách nhiệm đối với cá nhân và nhân loại? Ai xác định những nguyên tắc đạo đức này? Đây là những câu hỏi lớn. Việc trả lời câu hỏi phụ thuộc vào lý thuyết triết học chúng ta tuân theo. Liệu chúng ta có dựa vào các triết lý cổ xưa như Aristotle, Confucius và Buddha - hay là các nhà triết học hiện đại, có thể là sự kết hợp của tất cả? Quyết định về khung nhân đạo nào để tuân theo không phải là điểm tập trung ở đây; điều quan trọng là áp dụng một số suy nghĩ này vào những gì chúng ta xây dựng. Chúng ta sẽ không đi sâu vào các ý tưởng triết học và tranh luận về đạo đức. Có hàng chục cuốn sách được viết bởi những người đã nghiên cứu chúng trong nhiều thập kỷ. Để tiếp tục đọc về các khung nhân đạo này, hãy tham khảo mục Đạo đức trong Phụ lục. Một câu hỏi mà chúng ta phải tự đặt ra để tạo ra công nghệ thân thiện với người dùng hơn cho tương lai, mà không đi sâu vào đạo đức là: Cuộc sống tốt là gì? Mỗi triết lý định nghĩa nó khác nhau dựa

trên ý kiến của họ. Là những người trong lĩnh vực công nghệ mới nổi, chúng ta nên có một ý tưởng về cuộc sống tốt đẹp là gì đối với người dùng của hệ thống của chúng ta để chúng ta có thể tạo ra công nghệ hoạt động cho mọi người. Điều đó cần được suy nghĩ kỹ lưỡng, lập kế hoạch và nghiên cứu trước khi đưa ra thế giới. Có nhiều vấn đề đạo đức cho một sản phẩm đối mặt với danh tính, nhưng một số quan trọng là: tính tiện lợi, an ninh, quyền riêng tư, quyền tự chủ và kháng kiến. Chúng ta phải hiểu rõ những thách thức bên ngoài không gian địa lý của chúng ta để xây dựng một sản phẩm có thể sử dụng được cho tất cả. Một ví dụ về điều này là một cuộc trò chuyện tôi có với một người đàn ông từ Zambia, Châu Phi. Anh ấy giải thích rằng không có tài liệu chứng minh thân nhân hoặc giấy chứng sinh được phát hành. Ở Zambia, tài liệu phổ biến nhất được sử dụng để chứng minh ai là một giấy chứng nhận rửa tội. Ở hầu hết các quốc gia phương Tây, ý tưởng này dường như là không thể tin được vì đó là một tài liệu kỷ niệm. Đây là một ví dụ về sự cân nhắc và hiểu biết chúng ta nên có khi tạo ra bất kỳ sản phẩm nào.

Ánh sáng mặt trời là loại thuốc khử trùng tốt nhất. Một lý do là chúng ta sẽ ngu xuẩn nếu bỏ qua các nguồn tài nguyên phong phú cho nhiệm vụ của chúng ta đã có sẵn trong các truyền thống đạo đức cổ điển của Aristotle, Confucian, và đạo Phật. Những tài nguyên này không chỉ là về mặt lịch sử, mà còn là các trụ cột khái niệm chung của các hệ thống này sẽ được phát hiện là quan trọng đối với việc quản lý thành công tình trạng hiện tại của chúng ta. Chúng ta cũng nên nhận ra rằng mọi hiểu biết của con người về phẩm hạnh đạo đức đều mang dấu vết của một hoặc nhiều truyền thống quá khứ, và con người luôn tìm kiếm sự hiểu biết từ những nhà hiền triết đạo đức của lịch sử, người cũng như cố gắng nâng cao bản thân và cộng đồng của họ ra khỏi các mẫu hành vi hẹp hòi, thấp kém, ngu dốt và phá hủy.

"Công nghệ và Đức Tính", 2016, trang 61-62

Các mô hình danh tính Identity models



2. Các mô hình danh tính

2.1 Mô hình tập trung và cách hoạt động

2.1.1 Khái niệm mô hình tập trung

Mô hình tập trung (Centralized Model) là một phương thức quản lý và kiểm soát thông tin trong đó quyền lực và kiểm soát tập trung vào một cơ quan hoặc tổ chức duy nhất. Ở mô hình này, tất cả các quyết định và quản lý thông tin đều được thực hiện bởi một thực thể duy nhất (một tổ chức, cơ quan chính phủ hoặc doanh nghiệp). Người dùng hoặc các thực thể khác phụ thuộc vào cơ quan tập trung để cung cấp và quản lý thông tin của họ.

Ví dụ về mô hình tập trung: ID của chính phủ, hộ chiếu, tài khoản do các nhà cung cấp dịch vụ internet, mạng xã hội cấp

Trong mô hình tập trung, quyền lực và kiểm soát đều tập trung vào một số ít tổ chức hoặc thực thể duy nhất, làm cho họ có thể áp đặt quy định và hạn chế đối với người dùng.

2.1.2 Sự hoạt động của mô hình tập trung

mô hình hoạt động theo quy trình như sau: người dùng đăng ký tài khoản mới bằng cách cung cấp thông tin như tên người dùng hoặc địa chỉ email và mật khẩu. Thông tin này được sử dụng để xác thực danh tính của người dùng trong hệ thống và sau đó được lưu trữ bởi dịch vụ. Tuy nhiên, người dùng chỉ có quyền truy cập hạn chế để kiểm soát tài khoản và dữ liệu của mình. Có thể thấy sự hoạt động của mô hình tập trung là khá đơn giản.

2.1.3 Ưu và nhược điểm của mô hình tập trung

Ưu điểm

Mô hình này đã mở ra cánh cửa cho Internet như chúng ta biết ngày nay. Internet rộng lớn với thông tin hữu ích, tiện ích và dịch vụ. Chúng ta cần cái đó vào thời điểm đó, và đây là giải pháp tốt nhất với công nghệ có sẵn.

Nhược điểm

Với công nghệ mới mà đã trở nên có sẵn, các điểm tiêu cực tăng lên đáng kể. Điểm đầu tiên là chúng ta là cá nhân, không có đại diện trong mô hình này. Chúng ta có quyền ủy thác cho đại diện gián tiếp thông qua dịch vụ hoặc tổ chức cung cấp kiểm soát và truy cập có hạn. Tất cả dữ liệu của chúng ta thuộc về công ty, không phải chúng ta, điều này là một vấn đề đang trở nên ngày càng rõ ràng hơn.

Nếu chúng ta xóa tài khoản của mình, chúng ta sẽ mất quyền truy cập vào mọi thứ do thiếu tính di động của dữ liệu. Vì chúng ta đang nhận quyền, chúng ta cũng không kiểm soát quyền truy cập. Bất cứ lúc nào, tài khoản của chúng ta có thể bị xóa, điều này sẽ ngăn chúng ta không thể lấy dữ liệu của mình. Chúng tôi đã đề cập đến gánh nặng của việc quản lý tất cả các tài khoản này, điều đó là rất thực tế. Mỗi dịch vụ hoặc tổ chức có chính sách bảo mật và quyền riêng biệt, ví dụ, độ dài và yêu cầu mật khẩu khác nhau, điều này làm phức tạp hóa phần quản lý.

Chúng ta nợ rất nhiều điều với mô hình này vì đó là Internet chúng ta biết ngày nay - nhưng có một cái gì đó tốt hơn.

những yếu tố không thuộc về thiết kế thử nghiệm có thể ảnh hưởng tích cực đến kết quả của thử nghiệm. Khi những tương tác ngoài thử nghiệm này tăng cường hiệu ứng mong muốn, chúng có thể đem lại lợi ích. Điều quan trọng là những yếu tố này không được tính đến từ trước trong mô hình thử nghiệm, và không ai có thể dự đoán được chính xác cách chúng sẽ ảnh hưởng. Tuy nhiên, điều quan trọng là chúng tồn tại hoàn toàn bên ngoài mô hình thử nghiệm chính thức. Điều này ám chỉ rằng, trong quá trình thử nghiệm, có những yếu tố không kiểm soát có thể phát sinh và ảnh hưởng đến kết quả, và điều này cũng có thể có tác động tích cực.

"Nước chảy chỗ trũng làm đầy, sự việc nào cũng có phương cách." Trong cuộc sống, khi gặp phải những trở ngại hoặc khó khăn, chúng ta thường có thể tìm ra cách giải quyết bằng cách tận dụng những điều không được dự kiến trước.

What of the “disorder” outside the realm of the experimental design? Extra-experimental interactions can in fact prove beneficial when they strengthen the desired effect. There is no a priori reason for anticipating what their effects might be; what is significant is that they lie wholly outside the experimental model. Seeing like a State, 1999, Trang 291

2.2 Mô hình Liên minh và cách hoạt động

2.2.1 Khái niệm mô hình liên minh

Mô hình Liên minh là Mô hình tập trung đã cải tiến tập trung giải quyết thách thức trong quản lý tài khoản bởi các nhà cung cấp danh tính Identity Providers (IDPs). Dưới đây là những ví dụ phổ

biến nhất về IDPs mà mọi người thường thấy trên Internet.



2.2.2 Sự hoạt động

Ý tưởng của mô hình liên kết là chèn một nhà cung cấp dịch vụ xác thực IDP (Identity Provider) giữa người dùng và dịch vụ hoặc tổ chức. Người dùng có một tài khoản với IDP và thông qua thông tin đăng nhập đó, họ có thể truy cập vào nhiều dịch vụ khác nhau mà không cần phải tạo ra các tài khoản riêng biệt cho từng dịch vụ. Hình thức đăng nhập này được gọi là "đăng nhập một lần" SSO (Single Sign-On).

Khi một người dùng cố gắng truy cập vào một dịch vụ, họ sẽ được chuyển hướng đến IDP để xác minh danh tính của họ. Sau khi xác thực thành công, IDP sẽ cấp cho dịch vụ một thông tin xác thực hoặc "văn bản nhận dạng" mà dịch vụ sử dụng để cho phép người dùng truy cập. Quá trình này giúp người dùng không cần phải nhập thông tin đăng nhập lại mỗi khi họ truy cập vào một dịch vụ mới, từ đó tiết kiệm thời gian và tăng cường sự tiện lợi.

Các trang web hoặc dịch vụ sử dụng cùng một IDP được gọi là liên kết. Do đó, mô hình này được gọi là "liên kết", và từ đó có tên là "mô hình liên kết". Điều này giúp tạo ra một mạng lưới đơn giản hóa quản lý danh tính, giảm thiểu số lượng thông tin đăng nhập mà người dùng cần nhớ và tăng cường tính bảo mật.

2.2.3 Ưu và nhược điểm của mô hình liên minh

Ưu điểm

Ưu điểm lớn nhất của mô hình này là ít quản lý tài khoản hơn. Có khả năng sử dụng SSO để truy cập các dịch vụ khác là rất thuận tiện.

Nhược điểm

Chính lợi ích trên cũng gây ra nhiều mang lại nhiều hạn chế. Các Liên minh là các hệ sinh thái riêng biệt, vì vậy không có một IDP duy nhất để kiểm soát chúng. Có nhiều IDP đồng nghĩa với việc có nhiều tài khoản với các IDP khác nhau để truy cập vào mỗi hệ sinh thái của Liên minh.

Nhược điểm lớn nhất của mô hình này là việc quản lý tài khoản và bảo mật thông tin.

Vấn đề về bảo mật và quyền riêng tư: Do một IDP (Identity Provider) phục vụ nhiều trang web, các tiêu chuẩn bảo mật thường sẽ được điều chỉnh xuống mức thấp nhất giữa các thành viên. Điều này có nghĩa là nếu một trang web có một tiêu chuẩn mật khẩu thấp, thì cả hệ thống SSO cũng sẽ bị giảm xuống đến tiêu chuẩn đó.

Tập trung dữ liệu: Việc tất cả dữ liệu đăng nhập được tập trung vào một nơi có thể tạo ra một lỗ hổng bảo mật lớn. Kẻ tấn công chỉ cần tấn công một điểm duy nhất để có thể truy cập vào nhiều tài khoản của người dùng.

Có thể so sánh với "cái bẫy mật ong" và "mỏ vàng": Trong khi "cái bẫy mật ong" là một chiến lược để lôi kéo kẻ tấn công vào, mỏ vàng đề cập đến việc tập trung một lượng lớn dữ liệu có giá trị, làm cho nó trở thành một mục tiêu hấp dẫn cho các kẻ xấu. Kẻ cướp ngân hàng nếu tấn công có thể tìm cách truy cập vào một hệ thống IDP tập trung dữ liệu của hàng triệu người dùng thì nó sẽ có khả năng sinh lợi rất lớn, tương tự như việc cướp một ngân hàng lớn có nhiều khách hàng và tiềm năng lợi nhuận cao; nhưng nếu tên cướp chọn tấn công ngân hàng nhỏ thì sẽ bớt rủi ro hơn nhưng khả năng kiếm lợi sẽ hạn chế hơn.

Quyền riêng tư trong việc sử dụng các Identity Provider (IDP) có các đặc điểm sau:

-*Giám sát hoạt động đăng nhập của người dùng:* Một IDP có khả năng giám sát hoạt động đăng nhập của người dùng trên các tài khoản kết nối của họ. Điều này có nghĩa là IDP có thể thu thập thông tin về việc người dùng đăng nhập vào các dịch vụ và trang web khác nhau.

-Mất quyền truy cập và mất dữ liệu khi chuyển đổi hoặc chấm dứt tài khoản: Sau khi tạo các tài khoản của bên thứ ba bằng cách sử dụng một IDP, nếu người dùng quyết định rời khỏi hoặc tài khoản bị chấm dứt, họ sẽ mất quyền truy cập vào các tài khoản liên quan và tất cả dữ liệu được liên kết với chúng cũng sẽ bị mất.

-Không có khả năng chuyển dữ liệu: Trong mô hình này, không có khả năng di động dữ liệu, có nghĩa là người dùng không thể mang theo thông tin của họ khi họ chuyển từ một IDP sang một IDP khác hoặc khi họ không còn sử dụng dịch vụ của một IDP nào đó nữa.

Mặc dù mô hình này mang lại sự thuận tiện và dễ sử dụng cho người dùng, nhưng nó cũng đi kèm với những hạn chế nghiêm trọng về quyền riêng tư và bảo mật dữ liệu. Do đó, mô hình nhận diện cần có các quy tắc rõ ràng và minh bạch về việc thu thập và chia sẻ dữ liệu của người dùng. Mặc dù mô hình này từng được coi là giải pháp tốt nhất trong một thời gian dài, nhưng hiện đã có một lựa chọn tốt hơn.

Công nghệ giám sát không phải là điều mới lạ. Trong suốt thời gian có óc sáng tạo, con người đã sử dụng chúng để tìm ra cách quan sát, lắng nghe và theo dõi nhau thông minh, động cơ của họ đã đa dạng như các phương tiện. Những hàm ý của chủ đề đối với các câu hỏi về đạo đức, công bằng và bản tính nhân loại cũng đã thu hút sự quan tâm sâu sắc.

Technology and the Virtues, 2016, Trang 188

2.3 Mô hình tự chủ danh tính *Self-sovereign identity model*

Chúng ta nhận thức rõ sự tiến hóa của Internet từ Web 2.0 đến Web 3.0 và tầm ảnh hưởng của công nghệ di động, đặc biệt là sự xuất hiện của điện thoại thông minh như iPhone vào năm 2007. Web 2.0 được giới thiệu vào năm 2005, đánh dấu một bước tiến lớn trong cách con người tương tác với Internet, tạo ra môi trường nền tảng cho các dịch vụ trực tuyến đa phương tiện và tương tác xã hội. Sự xuất hiện của điện thoại thông minh đã thay đổi cách chúng ta sử dụng Internet và quản lý danh tính của mình. Công nghệ di động đã cho phép người dùng truy cập Internet và các dịch vụ trực tuyến mọi lúc, mọi nơi. Điều này đã thúc đẩy việc số hóa trong các lĩnh vực như ngân hàng di động và bảo hiểm, mang lại sự tiện lợi và linh hoạt cho người tiêu dùng. Web 3.0 được mô tả như một giai đoạn tiếp theo trong sự phát triển của Internet, mang theo các công nghệ như khối blockchain và phân cấp hóa, cũng như một mô hình danh tính mới gọi là danh tính tự chủ (SSI). Những thay đổi này **yêu cầu cải thiện về tính bảo mật, quyền riêng tư và hiệu suất trong việc quản lý danh tính** trên Internet, khi công nghệ trở nên ngày càng quan trọng và tích hợp sâu vào cuộc sống hàng ngày của chúng ta.

“Tại sao không chỉ đơn giản chấp nhận tương lai khi nó đến? Tại sao phải cố gắng nhìn rõ hơn qua màn sương của các biến cố kỹ thuật xã hội hiện đang che khuất tầm nhìn của chúng ta? Có một câu trả lời đơn giản. Sự mù lòa kỹ thuật xã hội ngày càng tăng, một điều kiện mà tôi sẽ gọi

là mù lòa kỹ thuật xã hội cấp tính (acute technosocial opacity) làm cho việc nhận biết, tìm kiếm và bảo vệ mục tiêu cuối cùng của đạo đức trở nên ngày càng khó khăn - một cuộc sống đáng lựa chọn; một cuộc đời tươi đẹp”. Technology and the Virtues, 2016, Trang 6

2.3.1 12 nguyên tắc của Mô hình SSI –Model

SSI giới thiệu các khái niệm mới làm thay đổi hoàn toàn các mô hình hiện có. Quyền kiểm soát dịch chuyển từ trung tâm sang các cá nhân. Trước khi chúng ta tìm hiểu về cách nó hoạt động, hãy **xem xét mười hai nguyên tắc được công bố bởi Quỹ Sovrin vào năm 2020 thay mặt cho toàn bộ cộng đồng SSI**. (<https://sovrin.org/principles-of-ssi>):

01. Đại diện: Một hệ sinh thái SSI sẽ cung cấp phương tiện cho bất kỳ thực thể nào - con người, pháp lý, tự nhiên, vật lý hoặc kỹ thuật số - được đại diện bằng bất kỳ số lượng danh tính kỹ thuật số nào.
02. Khả năng tương tác: Một hệ sinh thái SSI sẽ cho phép dữ liệu về danh tính kỹ thuật số của một thực thể được đại diện, trao đổi, bảo mật, bảo vệ và xác minh một cách tương tác thông qua các tiêu chuẩn mở, công khai và không thu phí bản quyền. Mục tiêu của việc này là để đảm bảo rằng người dùng có quyền tự chủ và linh hoạt nhất có thể khi điều chỉnh và quản lý thông tin về danh tính kỹ thuật số của họ trên môi trường số hóa.
03. Phi tập trung: Hệ sinh thái SSI không được yêu cầu phải phụ thuộc vào một hệ thống tập trung để đại diện, kiểm soát hoặc xác minh dữ liệu danh tính kỹ thuật số của một thực thể. Người dùng có thể tự mình kiểm soát và quản lý dữ liệu về danh tính kỹ thuật số của họ, sử dụng các công nghệ mật mã và giao thức phân cấp hóa, mà không cần sự can thiệp của bất kỳ tổ chức nào khác. Điều này tăng cường tính bảo mật, sự riêng tư và quyền lợi của người dùng trong việc quản lý danh tính của họ trên mạng.
04. Kiểm soát & đại lý: Hệ sinh thái SSI sẽ trao quyền cho các thực thể có quyền tự nhiên, con người hoặc pháp lý liên quan đến danh tính của họ để kiểm soát việc sử dụng dữ liệu danh tính kỹ thuật số của mình, cho phép việc kiểm soát này thông qua việc sử dụng và/hoặc ủy quyền cho các đại lý và người bảo vệ mà họ lựa chọn, bao gồm cả cá nhân và tổ chức, thiết bị và phần mềm.
05. Tham gia: Hệ sinh thái SSI sẽ không yêu cầu quyền nhận dạng chủ sở hữu tham gia.
06. Công bằng và bao gồm: Một hệ sinh thái SSI sẽ không loại trừ hoặc phân biệt đối xử đối với những người nắm quyền về danh tính trong phạm vi quản lý của nó. Điều này đảm bảo rằng mọi người, không phân biệt về nguồn gốc, vị trí xã hội, hoặc bất kỳ yếu tố nào khác, đều có quyền được tham gia và được xem xét một cách công bằng trong hệ sinh thái SSI.
07. Khả năng sử dụng, khả năng tiếp cận và tính nhất quán: Một hệ sinh thái SSI sẽ tối đa hóa tính khả dụng và khả năng truy cập của các đại lý và các thành phần SSI khác cho các chủ quyền về danh tính, bao gồm việc duy trì tính nhất quán trong trải nghiệm người dùng.

08. Tính di động: Một hệ sinh thái SSI sẽ không hạn chế khả năng của người nắm quyền về danh tính di chuyển hoặc chuyển giao một bản sao của dữ liệu danh tính kỹ thuật số của họ cho các đại lý hoặc hệ thống mà họ lựa chọn.

09. An ninh: Một hệ sinh thái SSI sẽ trao quyền cho những người nắm quyền về danh tính để bảo vệ dữ liệu danh tính kỹ thuật số của họ khi đang lưu trữ và khi đang di chuyển. Để kiểm soát các định danh và các khóa mã hóa, và sử dụng mã hóa end-to-end cho tất cả các tương tác.

10. Tính xác minh và tính xác thực. Một hệ sinh thái SSI sẽ trao quyền cho người nắm quyền về danh tính để cung cấp bằng chứng có thể xác minh được về tính xác thực của dữ liệu danh tính kỹ thuật số của họ.

11. Quyền riêng tư và tiết lộ tối thiểu: Một hệ sinh thái SSI sẽ trao quyền cho những người nắm quyền về danh tính để bảo vệ quyền riêng tư của dữ liệu danh tính kỹ thuật số của họ và chia sẻ tối thiểu dữ liệu danh tính kỹ thuật số cần thiết cho bất kỳ tương tác cụ thể nào.

12. Minh bạch: Một hệ sinh thái SSI sẽ trao quyền cho người nắm quyền về danh tính và tất cả các bên liên quan khác để dễ dàng truy cập và xác minh thông tin cần thiết để hiểu về các động cơ, quy tắc, chính sách và thuật toán dưới đây, mà các đại lý và các thành phần khác của hệ sinh thái SSI hoạt động.

Các nguyên tắc này liên quan đến cuộc thảo luận về đạo đức và đạo đức mà chúng ta đã đề cập trong phần giới thiệu. Chúng ta nên đánh giá các nguyên tắc kỹ thuật về đạo đức cùng với các nguyên tắc SSI để đảm bảo chúng ta tạo ra một nền tảng phục vụ nhu cầu cá nhân và mang lại lợi ích cho tất cả mọi người. Để đọc thêm về 12 nguyên tắc kỹ thuật trên, vui lòng tham khảo Phụ lục: Các Nguyên Tắc Kỹ Thuật - Đạo Đức.

Chúng ta phải hài lòng với việc chỉ ra những đức tính có lẽ là quan trọng nhất đối với sự phát triển; đặc biệt là những đức tính đang chịu áp lực từ các thực tiễn kỹ thuật - xã hội đương đại của chúng ta. Mười hai đức tính kỹ thuật - đạo đức mà chúng ta sẽ tập trung vào là: 1-TRUNG THỰC, 2- Tự kiểm soát, 3-khiêm tốn, 4- CÔNG LÝ, 5- Sự can đảm, 6- Đồng cảm, 7- Quan tâm, 8- Văn hóa, 9- linh hoạt, 10- Có quan điểm, 11- Sự hào hiệp, 12-Sự hiểu biết kỹ thuật-Đạo đức. (Technology and the Virtues, 2016, Trang 120)

2.3.2 SSI hoạt động như thế nào?

DID (Decentralized Identifier) nhận dạng chúng ta - không phải là tên hoặc số ID do chính phủ cấp. Nó giải quyết vấn đề riêng tư ngay từ đầu. Thú vị thay, một cặp DID mới được tạo khi chúng ta kết nối với một người đồng đẳng. Một người đồng đẳng là bất kỳ thực thể nào mà chúng ta thiết lập kết nối. Cặp DID là rất quan trọng vì nó ngăn chặn việc tổ chức dữ liệu của chúng ta, làm cho việc xác định tất cả những người chúng ta có mối quan hệ trở nên không thể.

Mỗi DID có 1 khóa công khai và 1 khóa bí mật. Khóa công khai được biết đến với mọi người mà không quá quan tâm - hãy nhớ rằng DID không có thông tin cá nhân đi kèm. Chỉ chủ sở hữu biết về khóa bí mật của DID. Điều này cho phép chủ sở hữu cung cấp chữ ký số, chứng minh họ là chủ sở hữu. Các khóa quan trọng đối với cách SSI hoạt động và cung cấp một mức độ bảo mật cao - vì ngay cả khi về lý thuyết có thể, nó sẽ gần như không thể cho ai đó giả mạo một chữ ký số mật mã.

Tài liệu DID (DID Document) lưu trữ một số siêu dữ liệu rất đơn giản về DID, cụ thể là chi tiết kỹ thuật về cách DID được tạo ra. Có thể đặt thông tin cá nhân vào tài liệu DID, trong phần được dành cho thông tin bổ sung - nhưng không khuyến khích làm như vậy. Lý do là tài liệu DID có thể được tra cứu, điều này sẽ làm lộ thông tin.

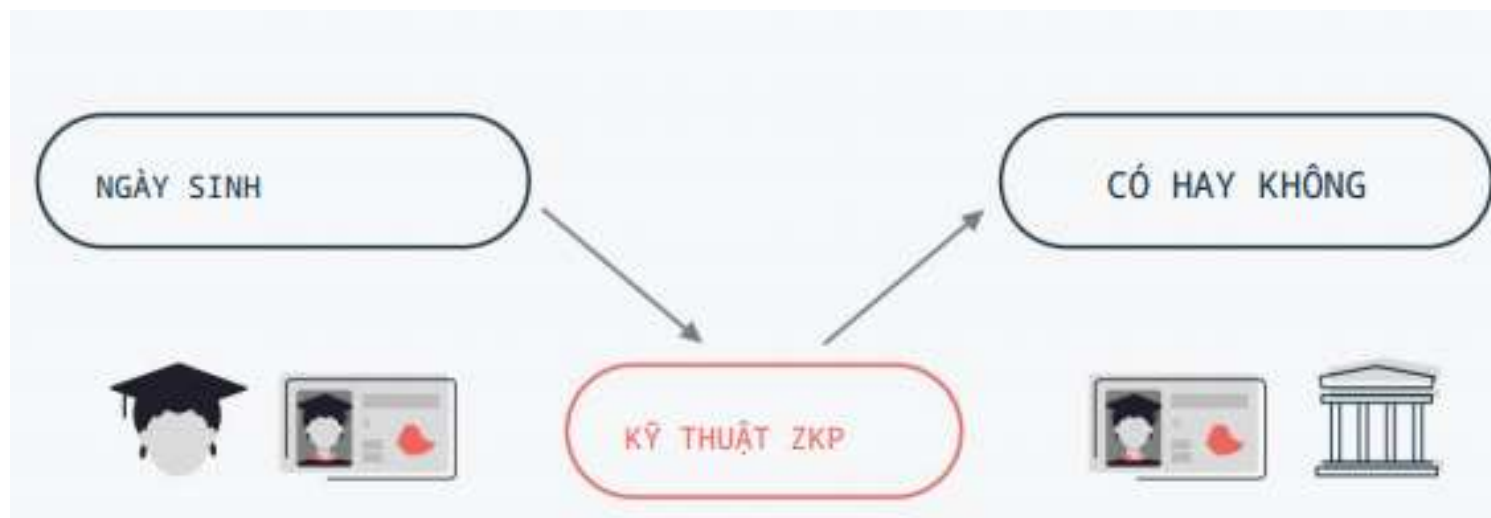
Một định danh phân tán (DID) nằm ở trung tâm của SSI. Một DID là một chuỗi các ký tự ngẫu nhiên được tạo ra thông qua mật mã học. Một DID giống như một dấu vân tay - nó là duy nhất cho từng cá nhân, và chúng ta có thể có nhiều hơn một, giống như chúng ta có nhiều dấu vân tay.

2.3.3 ZKP

Chứng minh không cần có kiến thức (Zero-knowledge proofs - ZKPs) là một khái niệm trong lĩnh vực mật mã học, mà trong đó một bên (người chứng minh) có thể chứng minh cho bên kia (người xác minh) rằng một tuyên bố là đúng mà không cần phải tiết lộ bất kỳ chi tiết nào về thông tin chứng minh. Điều này giúp bảo vệ sự riêng tư và bảo mật của thông tin, đồng thời cho phép xác minh tính đúng đắn của tuyên bố mà không cần biết thêm thông tin ngoài điều cần thiết.

Khái niệm này rất khác biệt so với bất cứ điều gì chúng ta sử dụng trong thế giới hiện nay, vì vậy giải thích này có thể không hiểu lắm. Hãy xem một ví dụ về quán bar giải thích cho điều này. Ngày nay, chúng ta đưa ra một giấy tờ tùy thân cho một người lạ chứa tên, địa chỉ và ngày sinh của chúng ta, cùng với các chi tiết khác - tại một nơi mà sự kiểm soát của chúng ta có thể bị ảnh hưởng. Câu hỏi là: quán bar cần biết gì? Đó không phải là tuổi của tôi mà là liệu tôi đã đủ tuổi để uống rượu hay không.

Trong sơ đồ, chúng ta có thể thấy cách điều này hoạt động bằng cách sử dụng một giải pháp định danh phi tập trung. Thay vì trình bày giấy tờ tùy thân của chúng ta, chúng ta sẽ chia sẻ ngày sinh của mình. Một số "Ma thuật ZKP" xảy ra ở giữa, mà chúng ta sẽ quay lại, nhưng, thú vị là, quán bar nhận được một câu trả lời với một phản hồi đơn giản có hoặc không cho câu hỏi mà họ thực sự cần biết.



"Ma thuật" đơn giản là một thuật toán mật mã chứng minh tính xác thực của dữ liệu mà không cần chia sẻ nó. Có nhiều thuật ngữ công nghệ ở đây, vì vậy hãy giải thích xem điều gì đang xảy ra. Một thuật toán, mà là một động từ cho việc thực hiện một phép tính hoặc xử lý dữ liệu, có thể được sử dụng để chứng minh rằng chúng ta đã đủ tuổi. Thuật toán này sẽ biết ngày tối thiểu cho việc tiêu thụ rượu trong khu vực của chúng ta, đó sẽ là cơ sở so sánh. Nếu ngày sinh của chúng ta lớn hơn hoặc bằng cơ sở so sánh, chúng ta có thể chứng minh rằng chúng ta đã đủ tuổi mà không cần thực sự chia sẻ ngày sinh của mình.

ZKPs cung cấp một cách an toàn để chứng minh các sự thật mà không tiết lộ thông tin. tuy nhiên, chúng không áp dụng trong mọi tình huống. Quyết định nơi chúng áp dụng được xác định bởi mức độ đảm bảo cần thiết trong một trường hợp sử dụng cụ thể. Chẳng hạn, một bác sĩ cần biết lịch sử y tế của bạn để điều trị, nhưng quán bar chỉ cần xác thực một sự thật. Việc tiết lộ thông tin nên được giới hạn nơi có thể, nhưng sẽ có những tình huống mà cần phải tiết lộ thông tin cho bên thứ ba.

2.3.4 Mật mã Cryptography

Các nhà nghiên cứu đã cứu mật mã trong nhiều thập kỷ giống như các nhà sử học nghiên cứu Ai Cập cổ đại, người Maya, hoặc người Viking. Mật mã vô cùng phức tạp và đòi hỏi nhiều năm học tập để hiểu rõ sự phức tạp của nó. Tài liệu này chỉ giới thiệu sơ lược về mật mã. Mật mã tồn tại xung quanh chúng ta. Nếu bạn nhớ lại những hộp ngũ cốc khi bạn còn là một đứa trẻ, bạn có thể nhớ "Nhãn Giải Mã Bí Mật" hay nhớ mật mã

“Vùng oi mở cửa ra” thì có thể mở được kho báu. Chúng sử dụng một hình thức cổ điển của mật mã được biết đến là các phương pháp hoán vị. Bạn thay thế một chữ cái bằng một chữ cái khác để mã và giải mã một thông điệp, đây là mật mã đơn giản.

Một công cụ nổi tiếng khác là máy Enigma được chính phủ Đức sử dụng vào cuối thập kỷ 1920 và trong Thế chiến II, đó là một loại mật mã khác. Mật mã là một từ phổ biến khác mà mọi người thường nhắc đến và khiến một số người cảm thấy không thoải mái. Hy vọng rằng những ví dụ phổ biến này có thể giúp xua tan một số sự bí ẩn xung quanh từ khóa này.

Mật mã hiện đại sử dụng toán học phức tạp, các thuật toán và công nghệ máy tính để đạt được kết quả tương tự - nhưng nó phức tạp vô cùng. Thay vì thay thế chữ cái A bằng Z và chữ B bằng Y, việc giới thiệu toán học có thể thay thế chữ cái A bằng Pi (hằng số của Archimedes), chữ B bằng hằng số của Pythagoras, ... Ví dụ trong tài liệu là cơ bản, nhưng sử dụng công nghệ hiện đại, các khả năng là không giới hạn.

Kết quả của những thuật toán mật mã này gọi là hash - một từ khóa khác. Một hash là một chuỗi ký tự lộn xộn, không có nghĩa, không đọc được. Tuy nhiên, nếu chúng ta biết khóa, chúng ta có thể mở khóa hoặc giải mã mớ lộn xộn đó thành một cái gì đó có thể đọc được và có nghĩa. Nhớ lại các khóa công khai và khóa bí mật mà chúng ta đã thảo luận trước. Khóa công khai dùng để mã hóa, trong khi khóa bí mật để giải mã nó.

Hãy xem một ví dụ thực tế về điều này, đó không hoàn toàn giống như những gì SSI cho phép, nhưng nó có thể giúp minh họa cách thức hoạt động này. PGP (Pretty Good Privacy) được sử dụng để mã hóa email và tập tin. Bất kỳ ai cũng có thể tra cứu khóa của tôi: 8CE2 DA49 F93E E0A5 D792 FF0A A497 4A24 F89C 0010, trên trang web này (www.keys.openpgp.org). Khóa này cho phép bất kỳ ai xác minh rằng một email gửi từ tôi thực sự là từ tôi. Tuy nhiên, không ai biết về khóa bí mật - chỉ có mình tôi, vì vậy không ai có thể ký vào nó ngoại trừ tôi.

Nếu bạn muốn tìm hiểu thêm về mã hóa, IOG giới thiệu bài báo: Impossibility on Tamper-Resilient Cryptography with Uniqueness Properties and Leakage-Resilient Cryptography from Puncturable Primitives and Obfuscation. Hay bạn có thể tìm kiếm tài liệu về mật mã trên Google bằng cách gõ từ khóa theo chủ đề này.

2.3.5 Quyền riêng tư theo thiết kế Privacy by design

Chúng ta đã đề cập đến một số đặc điểm của hệ sinh thái SSI (Self-Sovereign Identity) cung cấp bảo mật và riêng tư. Cặp DID (Decentralized Identifiers) ngăn chặn việc tổ chức dữ liệu, ZKPs (Zero-Knowledge Proofs) cho phép chúng ta chứng minh các sự thật mà không cần chia sẻ dữ liệu, và hệ mật mã đảm bảo an toàn cho dữ liệu của chúng ta. Điểm cuối cần được xem xét là cái gì được viết lên blockchain.

Chúng tôi đã đề cập rằng việc đặt dữ liệu cá nhân trong tài liệu DID là một ý kiến không tốt vì được viết lên blockchain nghĩa là thông tin công khai. Các thông tin xác minh có thể là một mã hash được viết lên blockchain, vì vậy có thể có khả năng nhìn thấy rằng một thông tin xác minh đã được cấp, nhưng không có chi tiết nào có thể đọc được.

Một điều thú vị khác để thêm vào là DIDs không nhất thiết phải được viết lên blockchain khi bạn kết nối với các đồng nghiệp. Tình huống này có thể chỉ áp dụng cho bạn bè và người quen. Lý do phạm vi của các kết nối bị hạn chế là do VCs (Verifiable Credentials). Khi xác minh một thông tin xác minh có thể xác minh, có nhu cầu biết khóa công khai của DID phát hành, trong cặp DID - điều này yêu cầu khóa công khai của DID phát hành phải được viết lên blockchain, cho phép xác minh không cần phép và bảo vệ quyền riêng tư.

Một đặc điểm cuối cùng nổi bật của việc sử dụng blockchain với danh tính là tính minh bạch. Nơi mà điều này có thể áp dụng như là việc bỏ phiếu. Chúng ta có thể xác minh rằng một DID duy nhất chỉ đúng một lần bỏ phiếu. Nhưng còn về việc có thể có nhiều DID? Ah đúng rồi, vì vậy bất kỳ tổ chức hoặc chính phủ nào cho phép chúng ta bỏ phiếu sẽ yêu cầu một thông tin xác minh để chứng minh danh tính của chúng ta - điều này được cấp cho một DID duy nhất.

Việc can thiệp sẽ trở nên cực kỳ khó khăn - nếu không nói là không thể vì blockchain cũng là không thể thay đổi - điều đó có nghĩa là dữ liệu không thể thay đổi sau khi được viết lên blockchain. Điều này có thể xảy ra trong lý thuyết nhưng mức độ phức tạp liên quan đến việc thực hiện này gần như là không thể.

2.3.6 Hạn chế Drawbacks

Một trong những thách thức quan trọng nhất đối với bất kỳ nền tảng SSI (Self-Sovereign Identity) nào là công nghệ chính nó. Vấn đề hàng đầu gây ra việc chấp nhận của nó là sự phức tạp và rắc rối của công nghệ. Công nghệ khó hiểu thường làm xa lánh cơ sở người dùng - tiền điện tử cũng đã đối mặt với một thách thức tương tự. Vấn đề này ảnh hưởng trực tiếp đến trải nghiệm người dùng. Chúng ta phải đảm bảo rằng thiết kế luồng công việc theo cách tự nhiên và việc khôi phục ví cũng nên trở nên dễ hiểu và không phức tạp.

Một trong những mối quan tâm nổi bật về bất kỳ giải pháp SSI nào là nó dẫn đến một tương lai thất vọng nơi các cơ quan trung ương kiểm soát và giám sát mọi thứ chúng ta làm. Mối lo ngại này là hợp lý đối với những người có thể không hiểu rõ cách SSI hoạt động. Một điều chúng tôi chưa đề cập đến là không có cơ quan trung tâm nào cho phép chúng ta tạo DID (Decentralized Identifier) - cũng như quá trình đăng ký cho DID. Nếu chúng ta thêm điều này vào những gì chúng tôi đã thảo luận trước đó về việc không thể tổ chức dữ liệu về một người cụ thể, thì sẽ gần như không thể để trượt vào một tương lai nơi một thực thể nào đó liên tục theo dõi và giám sát chúng ta.

Có một số sự tinh tế trong việc triển khai SSI. Cần phải phân tán để bảo vệ quyền riêng tư, chống lại sự kiểm duyệt và bảo mật. Tuy nhiên, cũng có nhu cầu về một số sự tập trung. Khái niệm này làm nhiều người cảm thấy không thoải mái, điều đó là dễ hiểu. Nhu cầu về sự tập trung là để xác lập sự tin tưởng. Chúng tôi sẽ đào sâu vào lý do, khi nào và cách điều này phù hợp vào một phần tiếp theo.

Các khái niệm về SSI-SSI Concepts



3. Các khái niệm về SSI

Tại thời điểm này, chúng ta đã khám phá các nguyên tắc cơ bản của SSI và các nguyên tắc hỗ trợ chúng. Các khái niệm đã được trình bày nhằm giải thích cách mọi thứ hoạt động bên trong. Phần này sẽ kết hợp các yếu tố với các ý tưởng mới: người sở hữu, người cấp phát và người xác nhận. Trước khi chúng ta bắt đầu, một điều cần nhớ là bất kỳ thực thể nào cũng có thể đảm nhận cùng lúc tất cả các vai trò này.

3.1 Người sở hữu/ người giữ (Holder)

Một người giữ là một thực thể có và kiểm soát DID (Decentralized Identifiers - Định danh Phi tập trung). Họ cũng có thể giữ các giấy tờ xác thực (VCs - Verifiable Credentials). Người giữ có thể kết nối với các thực thể khác và chia sẻ thông tin với họ. Một người giữ có đủ pháp lý và quyền lực để có thể ủy quyền DIDs của họ cho một bên thứ ba. Khái niệm này được gọi là quyền bảo hộ trong SSI. Nó tương tự như các quy trình chúng ta sử dụng trong thế giới hiện nay, như quyền ủy quyền hoặc mối quan hệ của một phụ huynh/bảo hộ. Quá trình ủy quyền này rất quan trọng đối với những người có thể không có quyền truy cập vào công nghệ. Việc trở thành người giữ giúp những người có thể không có tài liệu để thiết lập các điểm xác thực về danh tính, như những người tị nạn hoặc những người ở trong các quốc gia không có tài liệu pháp lý. Nếu có một hồ sơ danh tính có thể xác thực linh hoạt bất kỳ đâu giúp cho việc định danh cho mỗi cá nhân có thể được thực hiện ở bất kỳ đâu trong thế giới. Như chúng ta thấy tất cả các dịch vụ và nền kinh tế đều phụ thuộc vào việc sử dụng danh tính. Việc cho phép khả năng giữ và kiểm soát danh tính là một trụ cột quan trọng và cần thiết trong hệ sinh thái SSI. Chúng ta có thể mang theo DIDs và VCs của mình bất cứ nơi nào chúng ta đi. Ngay cả khi một giấy tờ xác thực bị thu hồi, chúng ta vẫn có thông tin về chứng thực này để chia sẻ để chứng minh điều gì đó về bản thân chúng ta. Dù kết quả kiểm tra chứng thực sẽ hiển thị là bị thu hồi khi được xác minh, nhưng vẫn có thể tạo ra một hồ sơ lịch sử của việc sử dụng chứng thực đó.

3.2 Người cấp phát/ Bên phát hành (Issuers)

Những người phát hành cấp giấy tờ xác thực cho những người mà họ đã thiết lập kết nối. Một người phát hành không thể gửi giấy tờ xác thực cho những người giữ ngẫu nhiên. Phải có một mối quan hệ được thiết lập. Bất kỳ ai cũng có thể là một người phát hành - tuy nhiên, có thể có một số yêu cầu để trở thành một người phát hành cho các loại giấy tờ xác thực cụ thể. Có rất nhiều điều cần phải hiểu ở đây. Chúng ta sẽ đi sâu hơn vào các khung hỗ trợ và quản trị tin cậy trong phần sau, bên cạnh các mẫu hoặc mẫu cho các giấy tờ xác thực cụ thể.

3.3 Người xác thực

Việc giữ một giấy tờ xác được xác thực có thể là điều tuyệt vời, nhưng nó trở nên vô ích nếu chúng ta không sử dụng nó. Người xác minh sẽ xác thực hoặc xác nhận các giấy tờ xác thực được đưa cho họ. Trước đó, chúng ta đã đề cập đến các cấp độ đảm bảo - điều này cũng áp dụng cho người xác minh. Trong khi ZKPs cung cấp một cấp độ đảm bảo về các sự thật, một người xác minh có thể chắc chắn tin tưởng vào việc xác thực các thông tin dựa trên tính hợp lệ của thông tin.

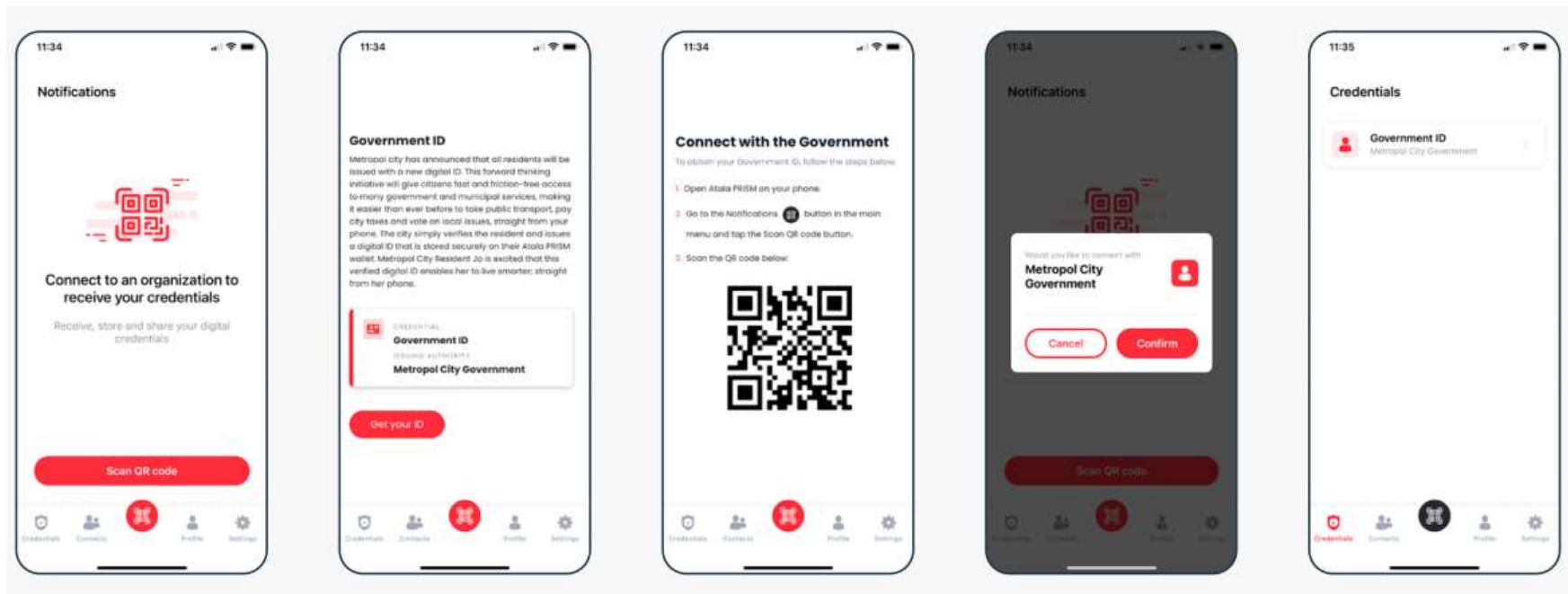
Cách xác minh được thực hiện có thể hoàn thành bằng nhiều cách. Một cấp độ đảm bảo thấp sẽ là việc kiểm tra DIDs (*decentralized identifiers*) của thực thể phát hành trên VC (*verifiable credentials*). Phương pháp này sẽ xác thực rằng người phát hành là những ai - và chi tiết của thông tin được chia sẻ không quan trọng. Một ví dụ ở cấp độ này giống như chương trình khuyến mãi. Ví dụ, thông qua một công ty điện thoại di động, chúng ta có thể nhận được các phần thưởng dưới dạng một gói dịch vụ truyền hình miễn phí. Công ty điện thoại di động sẽ phát hành cho chúng ta một giấy chứng nhận có thể xác minh (VC) thông tin này. Chúng ta đưa nó để xác minh cho dịch vụ truyền hình mà chúng ta sẽ sử dụng, và để đăng ký được dịch vụ này ta chỉ cần kiểm tra thông tin xác minh được phát hành bởi công ty điện thoại di động được ủy quyền.

Một cấp độ đảm bảo cao sẽ là tình huống cấp hộ chiếu. Chính phủ sẽ cần xác thực thông tin về chúng tôi để đảm bảo rằng chúng tôi là công dân. Chỉ việc xác thực người phát hành của tài liệu là đáng tin cậy không đủ. Một cấp độ đảm bảo cao hơn được yêu cầu vì thực thể cần phải xác thực thông tin, không chỉ là người phát hành có hiệu lực. Khái niệm này có thể khó tiếp nhận vì thế giới hiện nay không hoạt động như vậy.

Một điều cần nhớ khi thảo luận về những khái niệm này là tính năng thiết kế riêng tư của SSI. Giữ thông tin riêng tư là rất quan trọng. Chia sẻ thông tin cũng quan trọng, nhưng đôi khi chỉ cần xác thực từ người phát hành là đủ. Đây là một sự cân nhắc cẩn thận diễn ra trong hệ sinh thái SSI. Nếu bất kỳ khái niệm nào trong số này dường như khó hiểu, không sao cả. SSI là vô cùng phức tạp khi chúng ta bắt đầu phân tích cách mọi thứ tương tác với nhau.

3.4 Kết luận

Hãy xem một ví dụ ngắn về cách mọi thứ hoạt động của hệ thống quản lý danh tính phi tập trung. Bạn có thể thực hiện theo ví dụ này bằng cách tải ứng dụng Atala PRISM và theo dõi bản demo trên trang web atalaprism.io.



Trí tuệ nhân tạo chỉ là một trong nhiều công nghệ mới nổi bật - từ chỉnh sửa gen và in 3D đến một "Internet of Things" toàn cầu mạng lưới - đang hình thành một tương lai không giống bất kỳ điều gì đã có trong lịch sử nhân loại về cả hứa hẹn và nguy hiểm. Liệu chúng ta có đủ năng lực đối mặt với thách thức mà tương lai này đặt ra không? Nếu không, làm thế nào để chúng ta có thể đạt được điều đó? Làm thế nào con người có thể hy vọng sống tốt trong một thế giới trở nên phức tạp và không thể đoán trước hơn bao giờ hết do các công nghệ mới nổi mà tạo ra?

Vai trò của một Người Giữ bao gồm:

Nhận/duy trì thông tin nhận dạng (credentials).

Phát hành thông tin nhận dạng (credentials).

Xác minh thông tin nhận dạng (credentials).

Tin tưởng vào thông tin nhận dạng (credentials).

Câu hỏi ôn tập

Câu 1: Vai trò của một người sở hữu/ giữ là gì?

1. Nhận/duy trì thông tin nhận dạng
2. Phát hành thông tin nhận dạng
3. Xác minh thông tin nhận dạng
4. Tin tưởng vào thông tin nhận dạng

Câu 2: Chức năng của người cấp phát là gì?

1. Phát hành thông tin nhận dạng
2. Nhận/ duy trì thông tin nhận dạng
3. Xác minh thông tin nhận dạng
4. Tin tưởng vào thông tin nhận dạng

Câu 3: Chức năng của người xác minh là gì?

1. Phát hành thông tin nhận dạng
2. Nhận/ duy trì thông tin nhận dạng
3. Xác minh thông tin nhận dạng
4. Tin tưởng vào thông tin nhận dạng

Câu 4: VC là gì?

1. Verifiable credential (Chứng chỉ có thể xác minh)
2. Verifiable card (Thẻ có thể xác minh)
3. Variable credential (Chứng chỉ biến thiên)"



4. Tin cậy (Trust)

Niềm tin là một khái niệm tương đối và phụ thuộc vào từng cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp hoặc chính phủ. Chúng ta mong đợi một mức độ niềm tin khi chúng ta thiết lập các mối quan hệ trong cuộc sống. Khi chúng ta đến bác sĩ hoặc ngân hàng, chúng ta mặc định tin tưởng họ - vì sao vậy? Một lý do là hầu hết các tổ chức này có danh tiếng là đáng tin cậy, nhưng còn nhiều điều nữa. Đằng sau các tổ chức này, các khung quản trị chính là nền móng cung cấp một mức độ bảo vệ. Sự che chở này đến từ các quy định hoặc quy tắc về quản lý dữ liệu. Có nhiều yêu cầu để trở thành một bác sĩ hoặc thành lập một tổ chức tài chính, nhưng điều gì tạo nên một bằng cấp hoặc giấy phép cho bác sĩ hoặc ngân hàng?

Một ví dụ nhanh chóng mà hầu như ai cũng đã từng gặp là một bác sĩ. Chúng ta bước vào phòng khám của họ, và treo trên tường là bằng cấp và tiền sĩ. Những giấy tờ này mang lại cho chúng ta sự an tâm khi biết rằng bác sĩ là người đáng tin cậy. Câu hỏi chúng tôi đang xem xét trong phần này là - ai đã cấp cho bác sĩ bằng cấp đó? Có phải là Công ty Bằng cấp Bác sĩ Hoàn toàn Hợp lệ của Jack và Jill không? Thực ra không. Bằng cấp đến từ một cơ quan y tế, và tiền sĩ sẽ là từ một trường đại học được công nhận.

Vậy tại sao chúng ta tin tưởng những bằng cấp và tiền sĩ này? Chúng ta tin tưởng vào chúng vì chúng ta biết một cơ quan quản lý hoặc một khung chương có yêu cầu cụ thể để đạt được một trong những bằng cấp này. Chúng ta tin tưởng vào bác sĩ vì tiêu chuẩn và kỹ năng cần thiết trong họ phải tuân thủ theo tiêu chuẩn của khung chương.

Hãy cùng nhìn vào một phần nhỏ về cách điều này có thể hoạt động trong một hệ sinh thái SSI. Làm thế nào chúng ta xác minh rằng người phát hành giấy phép được tin cậy? Tôi có thể xác minh DID của người phát hành, nhưng điều đó không chứng minh rằng người phát hành được phép phát hành giấy phép y tế. Lý thuyết, bất cứ ai cũng có thể phát hành giấy phép y tế trong không gian kỹ thuật số vì bất kỳ ai cũng có thể là người phát hành. Vậy làm thế nào chúng ta có thể tin tưởng vào các giấy tờ mà chúng ta giữ hoặc các giấy tờ của các bác sĩ, ngân hàng và các công ty bảo hiểm?

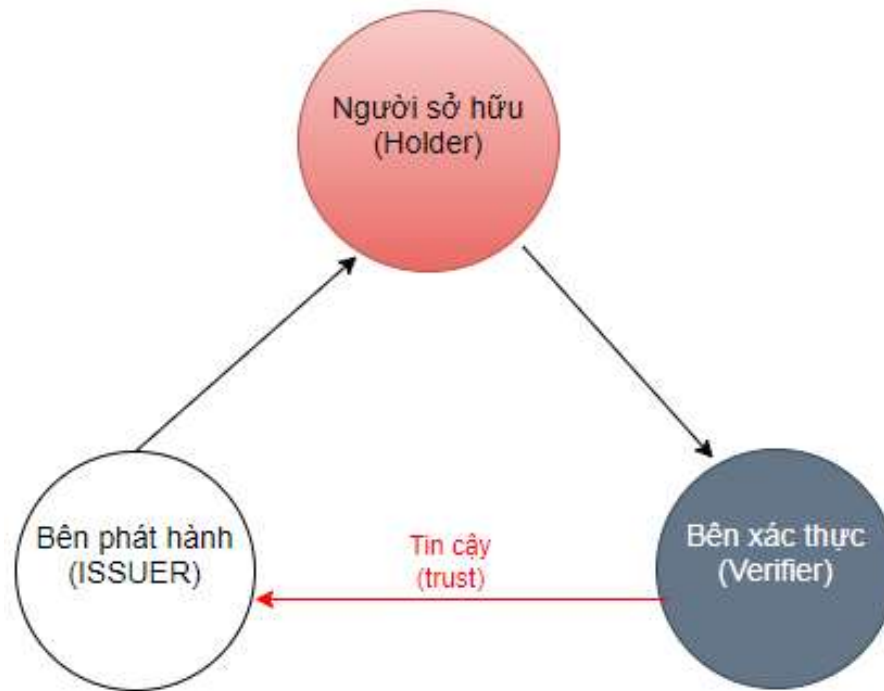
Niềm tin, các khung chương quản trị và các đăng ký niềm tin là các chủ đề cho phần này. Khi chúng tôi bao quát các khái niệm sau đây, việc cần thiết phải xem xét nội dung đã được đề cập cho đến nay để hiểu vì sao và làm thế nào các khái niệm này phù hợp vào mảnh ghép SSI. Như đã nêu trước đó, chúng ta đều có các mức độ niềm tin khác nhau, nhưng cần phải có điều gì đó để chúng ta có thể tin cậy một cách một chiều với mức độ đảm bảo cao. Các trù tượng đơn giản cần thiết của các cơ quan lớn bureaucratic, như chúng ta đã thấy, không bao giờ đủ để đại diện cho sự phức

tập thực sự của các quá trình tự nhiên hoặc xã hội. Các hạng mục mà họ sử dụng là quá thô, quá tĩnh lặng và quá kiểu cách để mô tả với thế giới mà họ tuyên bố mô tả.

"Sự trừu tượng cần thiết của các tổ chức bộ máy lớn, như chúng ta đã thấy, không bao giờ có thể đại diện đầy đủ cho sự phức tạp thực sự của các quá trình tự nhiên hoặc xã hội. Các danh mục mà họ sử dụng quá tĩnh vi, quá tĩnh và quá lối mòn để có thể công bằng với thế giới mà họ giả mạo mô tả. Như Một Quốc Gia, 1999, trang 262."

4.1 Tam giác niềm tin (Trust triangle)

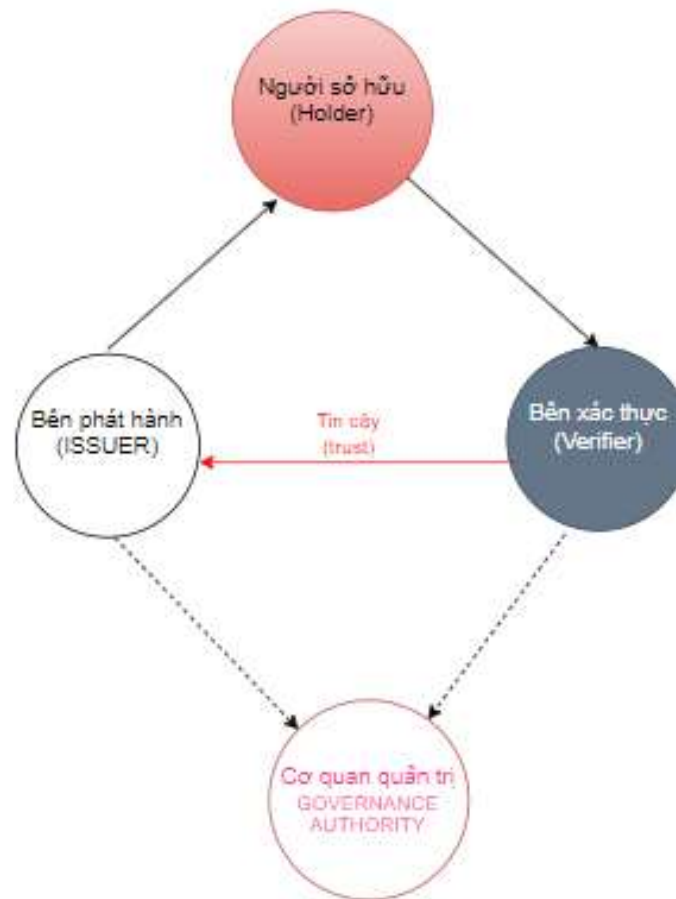
Mô hình “tam giác niềm tin” là khái niệm đầu tiên về niềm tin mà được đưa ra từ các nhóm làm việc SSI. Trong biểu đồ, bạn có thể thấy sự kỳ vọng về niềm tin giữa người xác minh và người phát hành. Chúng tôi đã trình bày vấn đề này vì niềm tin ngụ ý được kỳ vọng - mặc dù bất kỳ ai cũng có thể là người phát hành.



4.2 Niềm tin kim cương

Khái niệm này dựa trên hình kim cương nhưng thêm một cơ quan quản trị. Phần mở rộng này mang lại một số niềm tin vào việc ai đã cấp phát thông tin nhận dạng - nhưng cũng đưa ra một vấn đề. Làm thế nào một bên xác thực biết rằng người cấp phát thuộc về khung cơ quan quản trị? Trong mô hình này, không có cách kỹ thuật số để xác minh xem người cấp phát có quyền phát hành một loại thông tin nhận dạng cụ thể, như giấy phép y tế.

Trước khi xem xét mô hình cuối cùng, chúng ta cần giới thiệu và giải thích một số khái niệm



4.3 Khung tin cậy (Trust framework)

Cụm từ về các khung làm cho ngôn ngữ có thể gây nhầm lẫn vì các mối quan hệ kết nối mà chúng ta đã tạo ra trong đầu. Nếu nhìn vào sơ đồ dưới đây, chúng ta có thể thấy rằng khung niềm tin đứng ở vị trí cao nhất. Các khung niềm tin đại diện cho một cơ quan quản trị hoặc quy định. Như đã thảo luận trước đó, một cơ quan đặt ra các chỉ thị và quy tắc cho các cơ quan quản trị. Hội đồng y tế và pháp lý cấp giấy phép nhận được quyền lực từ một nguồn nào đó - quyền lực này đến từ cơ quan quản trị hoặc khung niềm tin. Chúng ta đều quen thuộc với những cơ quan này một

cách nào đó. Chúng ta có thể không biết chúng hoạt động như thế nào hoặc thậm chí có tồn tại, nhưng hầu hết mọi ngành công nghiệp trên toàn thế giới đều có một cơ quan quy định. Tất nhiên, cũng có những ngoại lệ. Ví dụ, một nền tảng dựa trên truyền thông xã hội hoặc danh tiếng, tức là, StackOverflow, thường không được quy định với một giấy phép. Rõ ràng, một số trong số các nền tảng này có giấy phép kinh doanh và quy định về việc xuất bản nội dung - nhưng chúng ta sẽ bỏ qua điều đó, để không đi quá xa vào chi tiết. Khung này đặt ra các yêu cầu cho những người được ủy quyền phát hành các chứng chỉ cụ thể. Ví dụ, với hội đồng y tế của chúng ta, nó có được quyền hành để cấp giấy phép từ cơ quan quản trị. Quyền lực này là cách và tại sao chúng ta có thể tin tưởng một cách tự tin vào các bác sĩ hoặc luật sư có bằng cấp.

Không có một khung đạo đức nào có thể vượt qua những ràng buộc tổng quát của sự không rõ ràng kỹ thuật - xã hội. Các biến cố làm mờ tầm nhìn rõ ràng về thậm chí cả những thập kỷ kế tiếp của sự phát triển công nghệ và khoa học đơn giản là quá nhiều để giải quyết - thực tế, với sự thay đổi về mặt vật lý, địa chính trị và văn hóa đang gia tăng trong môi trường hiện tại của chúng ta, những biến cố này và tác động làm mờ của chúng có khả năng sẽ tăng lên thay vì giảm bớt.

Technology and the Virtues, 2016, Trang 10

4.4 Khung cơ quan quản trị tin cậy (Governance framework)

Khái niệm này là nơi mà các thuật ngữ trở nên mơ hồ một chút. Chúng ta cho rằng "governance" có nghĩa là chính phủ hoặc cơ quan quy định, nhưng trong tình huống này thì không phải. Trong ngữ cảnh này, "governance" có nghĩa là những người quản lý những gì và ai có thể phát hành, nhận và xác thực một thông tin xác thực. Cơ quan này có thể bao gồm một thực thể duy nhất hoặc hàng nghìn. Không có giới hạn về cơ cấu của những cơ quan này. Chúng có thể quyết định điều gì tạo nên một thông tin xác thực - nghĩa là dữ liệu nào được đưa vào các thông tin xác thực khác nhau mà họ có thể phát hành. Nó cũng có thể quyết định ai có thể cấp các thông tin xác thực. Tôi biết điều này có thể gây ra những tín hiệu đỏ nổi lên.

Việc ai có thể nhận được một thông tin xác thực là rất quan trọng. Ai đó cần phải xác định các yêu cầu để trở thành một bác sĩ được cấp phép để thực hành y học. Những yêu cầu này có thể thay đổi từ tiểu bang này sang tiểu bang khác, khu vực này sang khu vực khác, và thậm chí giữa các quốc gia khác nhau. Điều quan trọng là phải hiểu rằng đây chính là điều chúng ta đã thảo luận trước đây - làm thế nào chúng ta biết một bác sĩ là một bác sĩ? Nếu bất kỳ ai cũng có thể cấp giấy phép y học, làm thế nào chúng ta có thể chứng minh bác sĩ đó là hợp pháp. Khung quản lý này chính là người quyết định ai có thể cấp giấy phép y học. Khung này có thể bao gồm các hội đồng y tế cấp giấy phép hiện nay.

Dù là một bác sĩ, luật sư, kế toán viên được chứng nhận, nhà sản xuất ô tô, v.v., những yêu cầu này là cần thiết để thiết lập một tiêu chuẩn cơ bản về niềm tin. Hãy làm rõ rằng có sự khác biệt giữa không thích hoặc không tin tưởng vào một bác sĩ có giấy phép và không biết liệu người đó tuyên bố là bác sĩ có giấy phép hay không. Có thể có những bác sĩ hoặc luật sư mà chúng ta không thích cá nhân - điều đó hoàn toàn ổn, nhưng đó là một sự lựa chọn về sở thích, không phải nói đến việc người đó có được cấp giấy phép hay không.

Ví dụ, tôi là một nhà văn và nhạc sĩ, và hầu hết mọi người đều thấy tôi đáng tin cậy và thân thiện - tôi không có bất kỳ thông tin xác thực nào để chứng minh tôi là một bác sĩ. Nếu khung quản lý cho phép bạn bè của chúng tôi tại Jack và Jill có giấy phép cấp cho tôi một phép, họ sẽ đặt công chúng vào tình trạng nguy hiểm. Bây giờ sau khi chúng ta đã giải thích về niềm tin và các khung quản lý, hãy xem xét khái niệm cuối cùng mà kết nối mọi thứ lại với nhau.

Chúng ta cũng phải nhận ra rằng không có "trí tuệ đạo đức tập thể" nào sống trong đám mây có thể thay thế cho sự chú ý và sự đồng cảm thực sự của con người. Trái ngược với tầm nhìn của nhà nghiên cứu Web 2.0 Clay Shirky và những người khác, hàng tỷ trang web chỉ được đọc một nửa và những cuốn sách đi qua một cách vội vã không thể tự động tạo ra một cơ thể thông thái hoặc thậm chí là được thông tin. Vì vậy, bất kể chúng ta làm gì, hãy không nhượng bộ trí tuệ đạo đức cơ bản nhất của chúng ta cho những tình huống không chắc chắn của thị trường hoặc ảo tưởng về tâm trí đám đông. (Công nghệ và Các Đức Tính, 2016, trang 173)

4.5 Bảng đăng ký tin cậy

Bây giờ khi chúng ta đã có một cấu trúc cung cấp các quy tắc quản lý (khung đạo đức) và một cơ quan quản lý (khung quản trị) thiết lập sự tin cậy, chúng ta cần một cách để người xác minh biết những người phát hành nào là một phần của những khung đạo đức này hoặc đã được phép phát hành một loại thông tin nhất định. Đó là lúc chúng ta đến với khái niệm về bảng đăng ký tin cậy.

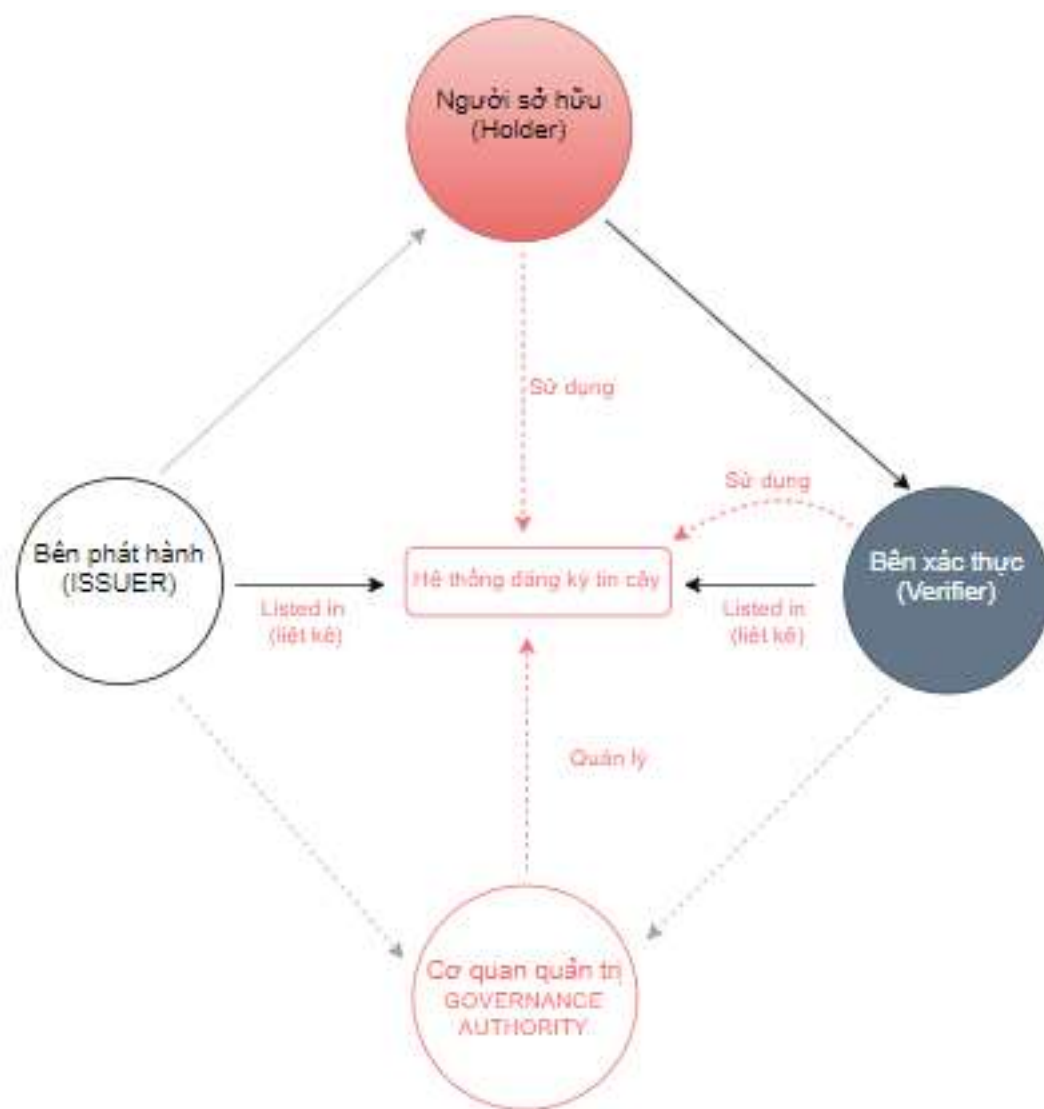
Một bảng đăng ký tin cậy là một thứ tương đối đơn giản. Đó là một tài liệu chứa danh sách các thực thể được phép phát hành các thông tin. Cơ quan quản lý sẽ duy trì danh sách này. Nếu một bên phát hành mới gia nhập hệ sinh thái, danh sách sẽ được cập nhật. Quá trình này xảy ra ngày nay. Nếu một sinh viên luật mới vượt qua kỳ thi tốt nghiệp luật sư - họ trở thành một luật sư trong khu vực của họ. Cơ quan địa phương (người phát hành), một phần của khung quản trị, phát hành một thông tin mới (giấy phép) cho luật sư mới.

Câu hỏi vẫn còn, liệu điều này có thể xảy ra mà không có một bảng đăng ký tin cậy và những khung đạo đức này không? Theo lý thuyết, có, nhưng nó sẽ rất tốn kém và không dễ dàng. Nó sẽ liên quan đến việc xác minh nhiều lớp thông tin từ các bên khác nhau - và thậm chí sau đó, chúng ta vẫn không biết nó có đáng tin cậy hay không.

Hãy xem xét cách điều này hoạt động trong thực tế. Nếu chúng ta trình bày một thông tin cho một người xác minh, DID của người phát hành có trên VC. Người xác minh có thể lấy DID đó, tra cứu trên bảng đăng ký tin cậy và xác minh rằng DID này có thể phát hành loại thông tin chúng ta đã trình bày. Vì vậy, nếu chúng ta có một tình huống mà một người xác minh không quan tâm đến nội dung của thông tin mà chỉ muốn xác minh liệu nó có đáng tin cậy hay không, họ có thể tra cứu trên bảng đăng ký. Để tiến xa hơn, điều này vẫn có thể xảy ra và nội dung cũng có thể được xác minh. Một bảng đăng ký tin cậy là rất quan trọng để thiết lập và xác minh một nguồn tin cậy trong cả hai kịch bản.

4.6 Mô hình kim cương niềm tin mở rộng

Bây giờ chúng ta đã bao quát những khái niệm mới, mô hình cuối cùng là một phiên bản mở rộng của kim cương tin cậy. Biểu đồ cho thấy cách các khung quản trị và đạo đức cùng với bảng đăng ký tin cậy phù hợp vào bức tranh. Hy vọng rằng điều này có thể giúp củng cố cách những khái niệm mới này tương tác với các bên phát hành, người nắm giữ và người xác minh. Mô hình này làm cho SSI hoạt động trong thế giới thực. Chúng ta có các tương tác thường xuyên giữa các bên, cộng với các khung đạo đức và quản trị để thiết lập niềm tin và cung cấp một cách để xác minh cơ quan phát hành của một thông tin cụ thể.

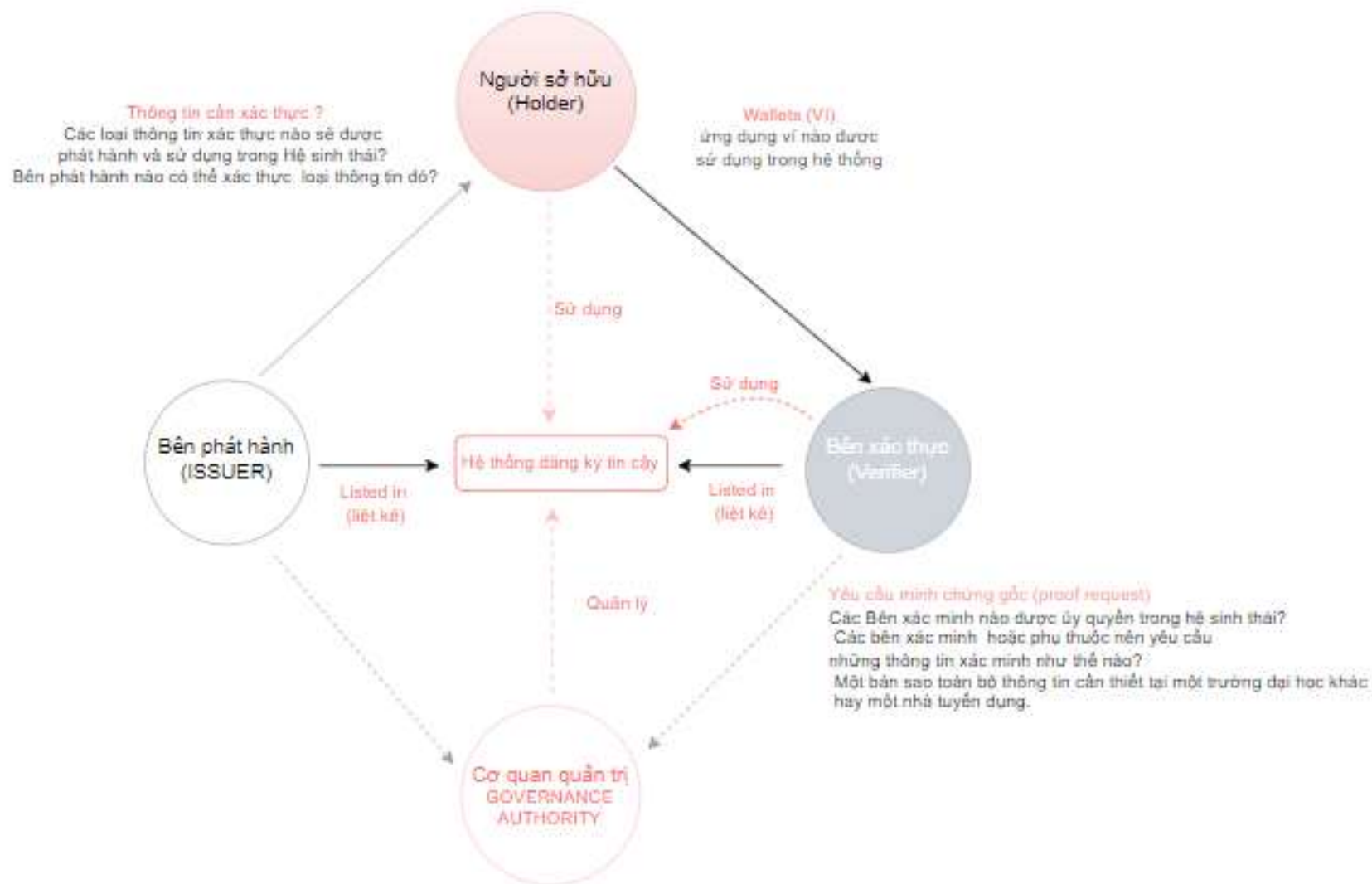


4.7 Bài tập (Worksheet)

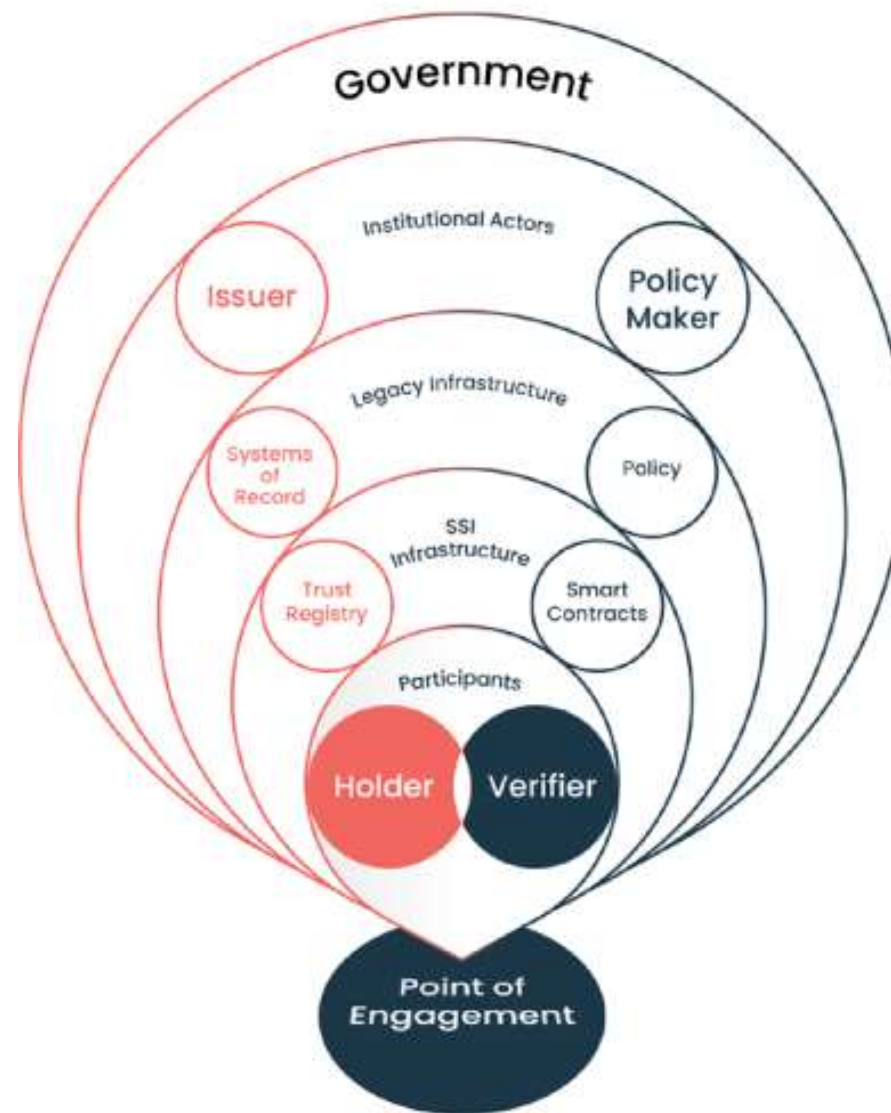
Phần này không bắt buộc, nhưng chúng tôi khuyến khích bạn thực hiện các bảng bài tập dưới đây để hiểu rõ hơn về nội dung chúng tôi đã thảo luận cho đến nay. Nếu bạn không phải là nhà thiết kế, nhà phát triển, hoặc doanh nhân, thì không sao cả. Nếu bạn không có một trường hợp sử dụng doanh nghiệp cụ thể, hãy chọn bất cứ điều gì bạn quen thuộc và làm việc qua các bài tập.

Dưới đây là một số ví dụ về các trường hợp sử dụng:

- Giáo dục (bằng cấp đại học, tiểu học, chứng chỉ)
- Tài chính (ngân hàng, xử lý thanh toán, giao dịch cổ phiếu/tài sản)
- Y tế (bảo hiểm, bác sĩ, bệnh viện)
- Chuỗi cung ứng (nhà cung cấp, giao hàng, vận chuyển, tái chế)
- Viễn thông (nhà cung cấp dịch vụ, đối tác, và các chương trình thưởng)
- Danh tiếng (StackOverflow, Yelp!)
- Phát triển/Ảnh hưởng (phân tích, bền vững, hệ thống thích ứng)



Chúng ta xem xét các thành phần trong mô hình sau:



Điểm tương tác hay giao tiếp (point of Engagement)

Dữ liệu nào mà các Bên Phụ Thuộc cần xác minh về Người Giữ trong việc thực hiện một hành động cụ thể?

Gợi ý: xem xét việc tối thiểu hóa dữ liệu. Cần bao nhiêu dữ liệu thực sự?

Việc tiết lộ lựa chọn có đủ không? Ví dụ, liệu có cần toàn bộ thông tin thẻ căn cước không, hay chỉ cần tên?

Dữ liệu cần được lưu trữ sau đó không?

Người xác minh (Verifier)

Các bên xác minh là những người, tổ chức hoặc đối tượng muốn xác minh một điều gì đó về một Người Giữ để thực hiện một hành động cụ thể. Những thực thể này là ai? Hành động nào được kích hoạt bởi việc xác minh dữ liệu đáng tin cậy?

Đối tác chính

Ai sẽ cung cấp bộ công cụ Chứng nhận Có thể Xác minh cho bên xác minh để yêu cầu Bằng chứng và xác thực? Bên xác minh sẽ tìm thấy thông tin về các Bên Phát Hành có uy tín ở đâu?

Đăng ký tin cậy (trust registry)

Hệ sinh thái sẽ tìm thông tin chính ở đâu? (Người Phát Hành có thẩm quyền không? Bên xác minh có được ủy quyền không? vv..).

Cơ quan quản lý nào hoặc các cơ quan nào nên điều khiển các đăng ký tin cậy?

Hệ thống ghi chép (system of record)

Trong hầu hết các hệ sinh thái, đã có các hệ thống đang quản lý thông tin chính mà các bên tham gia hệ sinh thái cần. Chúng ở đâu? Làm thế nào bạn sẽ tích hợp chúng vào mô hình mới của Người Phát Hành, Người Giữ và Bên Xác minh?

Cơ quan nào điều khiển những hệ thống ghi chép này?

Gợi ý: xem xét việc giảm thiểu dữ liệu.

Hợp đồng thông minh (smart contract)

Các quy trình nào đang diễn ra một cách đồng nhất? Bạn có thể tự động hóa những gì?

Những dữ liệu nào có thể được chia sẻ công khai một cách hoàn toàn?

Hợp đồng thông minh tiết lộ tất cả các dữ liệu được sử dụng cho cộng đồng Cardano.

Gợi ý: Bắt đầu với các quy trình thủ công để thực sự hiểu rõ những gì nên được tự động hóa bằng hợp đồng thông minh. Đảm bảo bạn có đủ dữ liệu.

Chính sách (policy)

Chính sách được phát triển như thế nào, và người ta phải dựa vào chuyên môn của ai để phát triển chính sách? Chính sách được ghi nhận như thế nào?

Người quyết định chính sách (Policy maker)

Ai là người đưa ra chính sách mà các bên cấp phép, người giữ và các bên xác minh phải tuân theo?

Dưới đây là một ví dụ về hệ thống quản trị tin cậy trên mô hình kinh doanh (Business model)

Bên phát hành

Ai? Bên phát hành nào sẽ phát hành dữ liệu đáng tin cậy trong hệ sinh thái của bạn? Ai cung cấp ví của nhà cấp phép nơi nhà cấp phép lưu trữ các khóa riêng tư của họ? i cung cấp các dịch vụ cho phép Nhà cấp phép cấp và thu hồi các thông tin xác thực và ghi vào blockchain?

Thông tin xác thực

Thông tin xác thực nào được cấp, và chúng chứa dữ liệu gì (tên, địa chỉ email, vv.)?

Chúng được cấp như thế nào: tự động hoặc thủ công (ví dụ, thông qua một bảng điều khiển web)?

Thông tin xác thực được gửi đến Những người giữ (email, tin nhắn SMS, mã QR, vv.) như thế nào?

Người sở hữu

Ai là những người và tổ chức (và thậm chí cả các thứ) cần chứng minh dữ liệu về bản thân trong hệ sinh thái của bạn?

Lời khuyên chuyên gia: Mọi thông tin mà một Người giữ xác nhận chỉ đáng tin cậy khi Nhà cung cấp đã cung cấp nó.

Ví

Các loại ví nào Người giữ có, và ai cung cấp các ví đó? Ví Di động, còn được biết đến với tên là Ví Edge, lưu trữ Thông tin xác thực trên thiết bị của Một người chứng minh như: Ví ứng dụng di động, Ví trình duyệt (như Metamask) hoặc Ví cứng.

Ví dựa trên Web lưu trữ dữ liệu của người giữ trong một kho lưu trữ cá nhân trên đám mây.

Mô hình kinh doanh

Nguồn thu nhập của tổ chức?

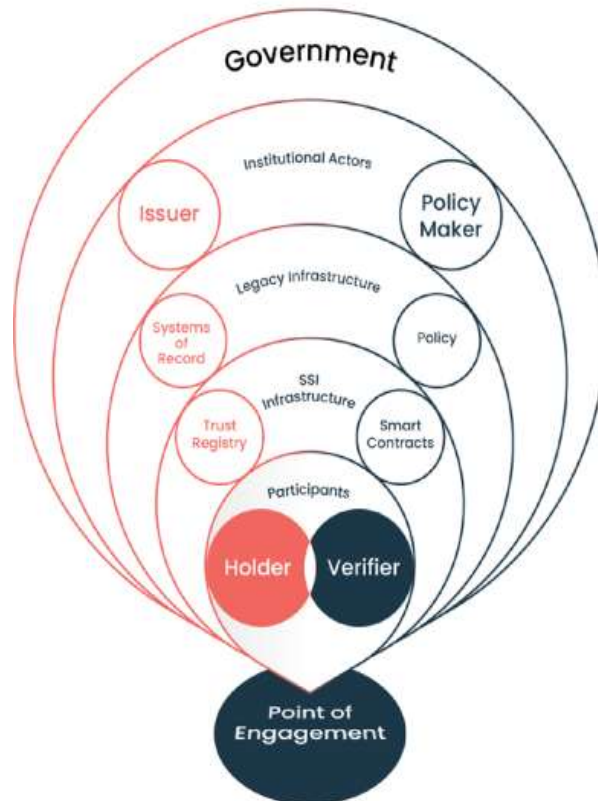
Những dịch vụ nào mà chúng ta cung cấp?

Ai trả tiền cho những dịch vụ này?

Các đối thủ của bạn là ai? Nguồn doanh thu của họ là gì?

Giá trị có được trong mô hình

Giá trị nào mô hình của chúng ta phân phối cho người phát hành, người sở hữu và người xác thực



Người tạo chính sách

Ai là người sẽ tạo ra chính sách để bên phát hành, người sở hữu và bên xác minh phải tuân thủ các quy tắc đề ra.

Có bao nhiêu chính sách sẽ được thiết lập và ai là người quyết định và đưa ra văn bản.

Bên xác minh

Những người và tổ chức nào cần xác minh dữ liệu về người sở hữu để thực hiện các hành động? Những hành động này là gì? Ai cung cấp các công cụ (được gọi là bộ công cụ xác minh thông tin có thể xác minh) giúp các bên xác minh yêu cầu và xác minh các chứng thực?

Điểm xác định

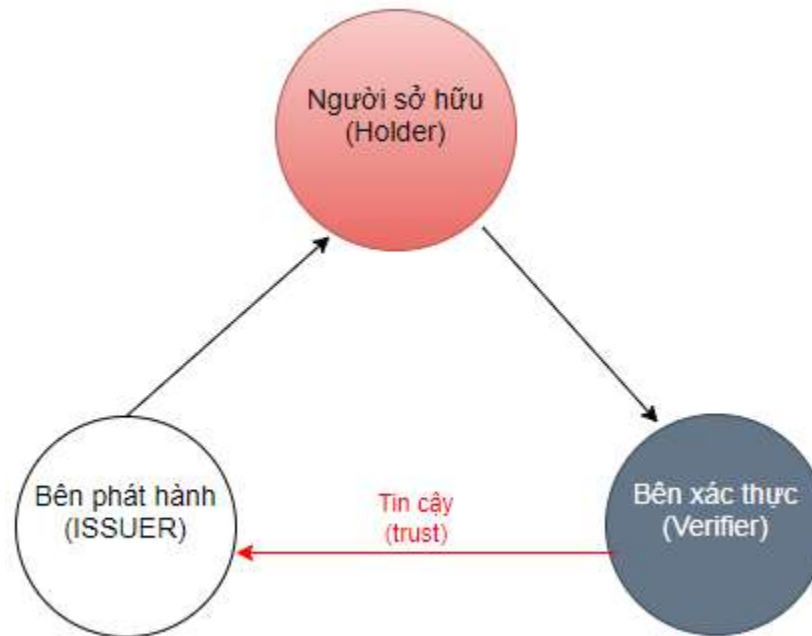
Những dữ liệu nào mà các bên xác minh cần xác minh về người giữ để thực hiện một hành động nhất định (ví dụ login vào hệ thống)? Gợi ý: Xem xét việc tối thiểu hóa dữ liệu. Thực sự cần bao nhiêu dữ liệu? Việc tiết lộ lựa chọn có đủ không? Ví dụ, liệu có cần toàn bộ thẻ ID hay chỉ cần tên? Dữ liệu cần được lưu trữ sau đó không?

Hướng dẫn

Ngoài những câu hỏi được đề cập trong mô hình này vẫn còn nhiều câu hỏi khác phụ thuộc vào mô hình định danh phi tập trung khác mà chúng ta xây dựng phù hợp với từng hoàn cảnh khác nhau.

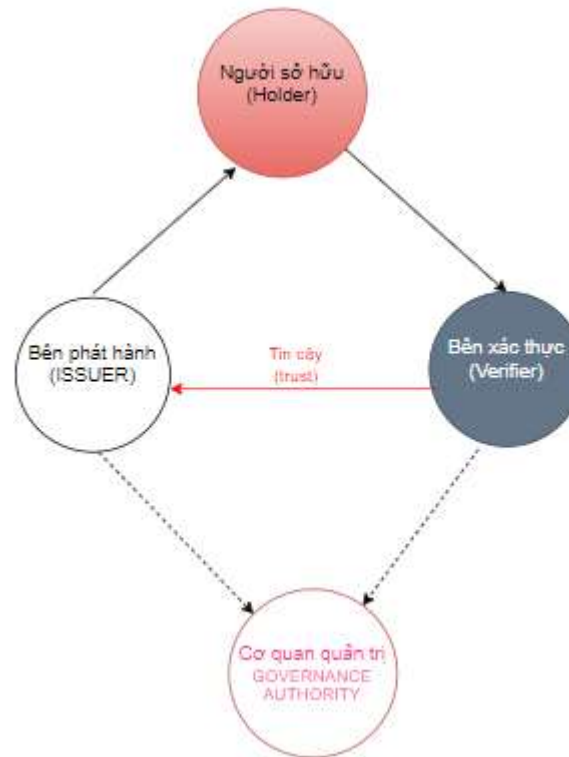
Câu hỏi ôn tập

Câu 1: Dạng mô hình tin cậy nào mà biểu đồ dưới đây mô tả?



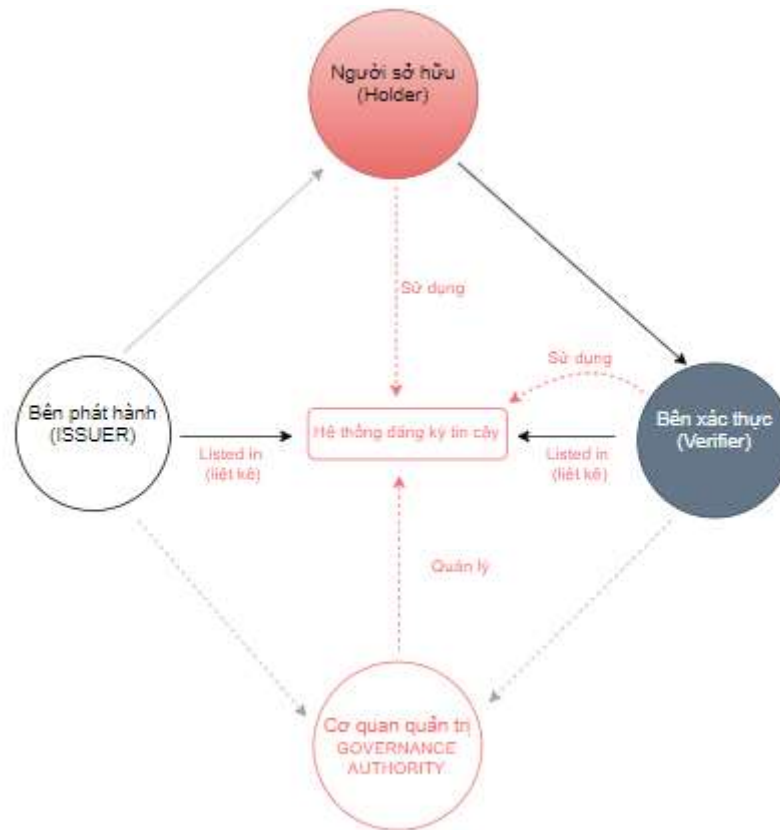
1. Tam giác tin cậy (Trust Triangle)
2. Kim cương tin cậy (Trust Diamond)
3. Kim cương tin cậy mở rộng (Extended Trust Diamond)

Câu 2: Dạng mô hình tin cậy nào mà biểu đồ dưới đây mô tả?



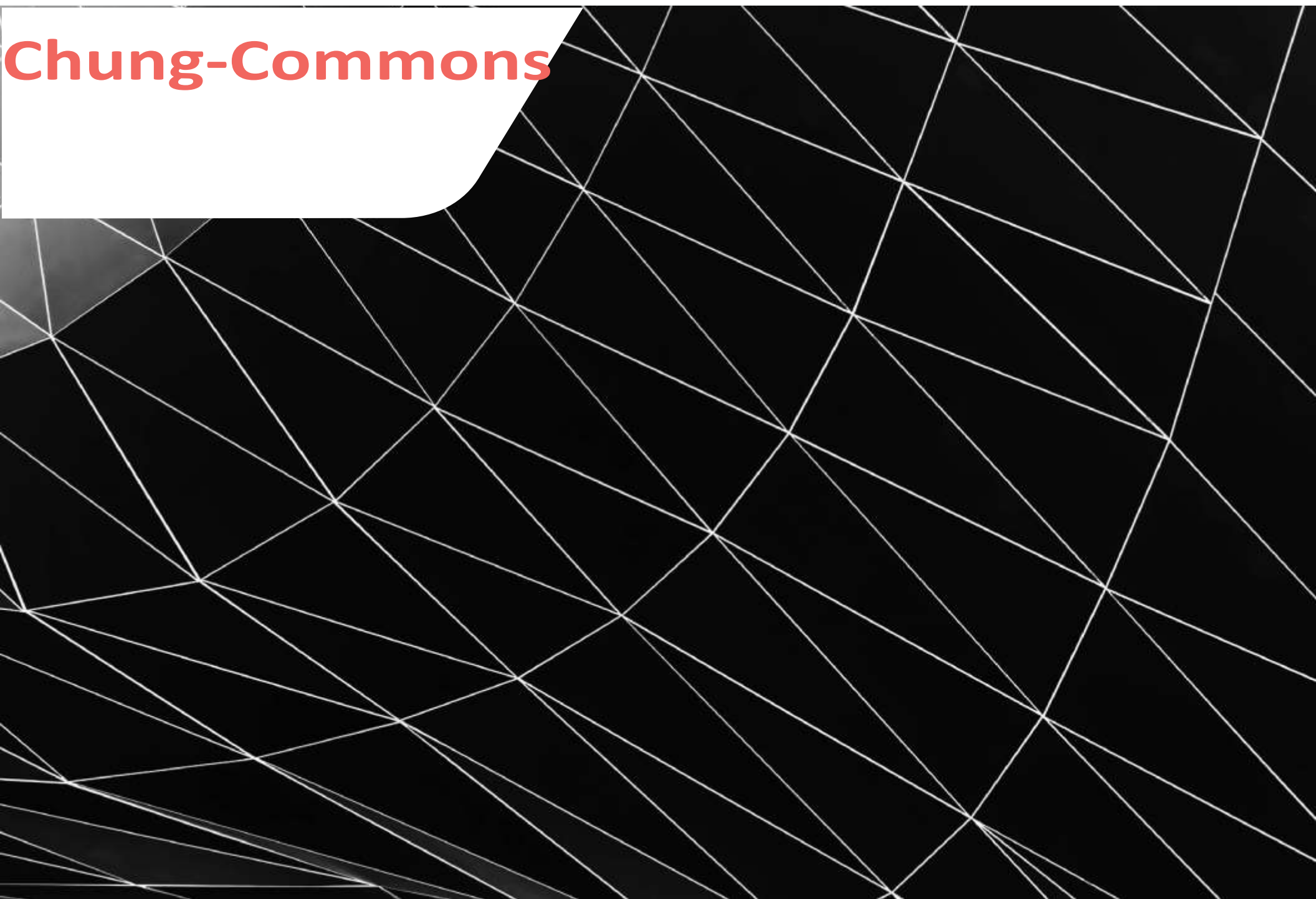
1. Kim cương tin cậy mở rộng (Extended Trust Diamond)
2. Kim cương tin cậy (Trust Diamond)
3. Tam giác tin cậy (Trust Triangle)

Câu 3: Dạng mô hình tin cậy nào mà biểu đồ dưới đây mô tả?



1. Kim cương tin cậy mở rộng (Extended Trust Diamond)
2. Kim cương tin cậy (Trust Diamond)
3. Tam giác tin cậy (Trust Triangle)

Chung-Commons



5.CHUNG - COMMONS

“Alone a youth runs fast, with an elder slow, but together they go far.” Luo, East African proverb

"Rừng có cây, núi có dò, Nhóm có lợi, bắt được nhiều con."

*“Một cây làm chẳng nên non
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.”*

Trong phần này, chúng ta sẽ chuyển hướng từ các khái niệm kỹ thuật hơn và thảo luận về một ý tưởng thường được gọi là 'chung'. Mặc dù điều này có thể khiến bạn cảm thấy hơi sai lệch so với phần còn lại của nội dung, nhưng vui lòng theo dõi chúng tôi – vì tất cả đều phù hợp với nhau.

Tất cả chúng ta đều có chung một điều gì đó. Có thể đúng khi cho rằng có sự quan tâm đến danh tính, blockchain, các công nghệ hoặc Cardano nếu bạn đang đọc nội dung này. Những điểm chung của chúng ta, dù đó là sở thích, vị trí địa lý, mục tiêu ..., hình thành các cộng đồng. Những nhóm chung này có mục đích và mục tiêu chung. Thuật ngữ thường dân nghe có vẻ tiêu cực, nhưng điều đó là không đúng sự thật. Những cộng đồng này là những hệ sinh thái phức tạp nơi mọi người làm phần việc của họ để đóng góp vào cái chung. Ý tưởng này không liên quan đến chính trị hoặc thuyết tâm lý. Khi các khu vực phải đối mặt với một cái gì đó giống như một thảm họa, cộng đồng cùng nhau giúp dọn dẹp, xây dựng lại, chia sẻ và an ủi; chúng ta có thể tìm thấy nhiều thứ chung ở nhà, nơi làm việc, giải trí, và thông qua sở thích.

Trong công nghệ, một cộng đồng mã nguồn mở phát triển mạnh mẽ, mục tiêu chung của chúng ta là tạo ra phần mềm miễn phí và dễ truy cập cho thế giới. Chúng ta đều chia sẻ một liên kết về danh tính và công nghệ mới nổi. Một số trong chúng ta muốn phát triển công nghệ để cho phép sở hữu danh tính, một số có thể muốn làm việc về thiết kế và trải nghiệm người dùng, và một số muốn giúp đỡ ủng hộ việc sở hữu danh tính của chúng ta. Tất cả đều quan trọng và cần phải làm việc hướng tới một mục tiêu chung.

Một cộng đồng cần sự cần có sự tham gia tích cực và liên tục với những người khác trong việc thực thi và duy trì một mục đích chung. Giống như văn hóa thị trường tạo ra và hình thành các cách cụ thể của sự tồn tại, thì cách làm của cộng đồng cũng vậy. Suy nghĩ

trong các hạng mục của cộng đồng và tạo ra hành động từ suy nghĩ đó (và ngược lại) giúp phát triển năng lực và năng lực cá nhân mà là quan trọng cho một cuộc sống hạnh phúc, thịnh vượng và sáng tạo.

5.1 Khảo sát thường dân *Examining commoners*

Vậy những người dân thường này làm gì? Họ xác định nhu cầu trong cộng đồng hoặc một vấn đề và nỗ lực giải quyết nó. Điều thú vị về tài sản chung là không có khuôn khổ nào để nó hình thành và vận hành. Các phương pháp và phân tích khoa học truyền thống không thể xác định được những điểm chung. Nó thay đổi và lên xuống một cách tự do và năng động. Một ví dụ tuyệt vời về điều này là nhạc sống. Khi chúng ta xem ban nhạc yêu thích của mình, việc trình diễn một bài hát sẽ không giống nhau nếu chúng ta xem họ hai đêm liên tiếp. Đầu vào bên ngoài ảnh hưởng đến từng thành viên ban nhạc và người đó có thể bỏ lỡ một nốt nhạc hoặc thêm pizzazz vào những chỗ không có vào đêm hôm trước. Những ban nhạc này là những người bình dân đến với nhau để chơi nhạc nhưng mỗi màn trình diễn lại khác nhau. Một ví dụ khác là trong việc ghi âm nhạc; các nhạc sĩ và ca sĩ thường lặp đi lặp lại nhiều lần để có được cảm giác và cảm xúc đó ngay trên băng.

*Không có thường dân mà không bình thường. Nhận thức được các mô hình chung giúp chúng ta suy nghĩ rõ ràng hơn về những điểm chung và bản sắc sống của chúng ta trong đó. *Patterns of Commoning*, 2015, Trang 27*

5.2 Sự thành lập cộng đồng *Forming a common*

Điều này áp dụng thế nào cho vấn đề ta đang thảo luận? Hầu hết chúng ta có thể đồng ý rằng các mô hình nhận dạng hiện tại không mang lại lợi ích cho chúng ta. Chúng tôi có một vấn đề chung và chúng tôi muốn tham gia giải quyết. Một số người trong chúng ta là lập trình viên, nhà thiết kế, doanh nhân và thậm chí là người học. Tất cả những điều này đều quan trọng như nhau vì những lý do khác nhau và đòi hỏi những bộ kỹ năng khác nhau. Chúng ta có thể hình thành một nhóm tài nguyên được chia sẻ để rút ra từ đó bắt đầu giải quyết những vấn đề này.

Việc hình thành một điểm chung diễn ra một cách tự nhiên, không có công thức nào về cách mọi thứ sẽ vận hành. Ví dụ: một buổi giao lưu trong đó các nhạc sĩ cùng nhau chơi sẽ diễn ra tùy thuộc vào loại nhạc cụ có sẵn. Đôi khi, tay trống bắt đầu bằng một nhịp, một bassline có thể làm xương sống hoặc một cây đàn guitar có thể bắt đầu riffing. Nó thay đổi khi các nhạc sĩ đến và đi sau buổi giao lưu. Mỗi người lần lượt dẫn dắt và bổ sung phần của mình vào tổng thể. Không có tổ chức, công thức hay quy tắc bằng văn bản nào về cách nó diễn ra – nó chỉ diễn ra và diễn ra một cách tự nhiên.

Một ví dụ điển hình khác về điều này là đội đua xe Công thức 1. Có một mục tiêu chung là tạo ra một chiếc xe đua chiến thắng. Cơ khí đảm bảo các bộ phận chuyển động và điện phối hợp với nhau giúp xe đi nhanh, dừng và xử lý tốt. Cơ học không hoạt động dựa trên khí động học. Thân xe và phi hành đoàn phụ trách những hệ thống phức tạp đó. Đội đua đảm nhận việc thay lốp và chỉnh sửa thân xe trong suốt cuộc đua. Mỗi nhóm thường dân đều phục vụ một chức năng quan trọng cho toàn thể, nhưng riêng lẻ họ không thể tạo ra một chiếc ô tô chiến thắng trong cuộc đua. Chúng tôi đang sử dụng nhiều ví dụ vì khái niệm về điểm chung này rất sai lầm và thường không yêu cầu quy trình chính thức hóa, vì vậy việc nắm bắt ngay từ đầu có thể khó khăn. Sao nó lại quan trọng? Chúng ta phải nhận ra rằng chúng ta không thể giải quyết vấn đề một mình trong nhiều trường hợp.

Những người làm việc trong các dự án giúp đỡ lẫn nhau giải quyết các vấn đề tương tự, ngay cả khi họ ở các ngành và công ty khác nhau. Các vấn đề cơ bản trong SSI là giống hệt nhau và trong công nghệ mới nổi, việc có một nhóm người bình thường làm việc cùng nhau sẽ giúp xây dựng hệ sinh thái một cách hiệu quả và hiệu quả. Có một sắc thái riêng, những người tham gia khác nhau trong từng trường hợp sử dụng, nhưng mỗi trường hợp đều có tổ chức phát hành, người xác minh, chủ sở hữu, khuôn khổ quản trị và ủy thác cũng như cơ quan đăng ký ủy thác.

Hy vọng rằng lợi ích của những mô hình chung này đang trở nên rõ ràng. Một nhóm nhỏ các nhà phát triển có thể hoàn thành rất nhiều công việc, nhưng chúng ta có thể tiến xa hơn nếu có nhiều nhóm làm việc cùng nhau. Nhiều người có thể hỏi, điều này ảnh hưởng như thế nào đến lợi ích tài chính? Nếu hai công ty có một mục tiêu chung là thành công trong việc triển khai một giải pháp thì họ có thể là đối thủ cạnh tranh hoặc không phải đối thủ cạnh tranh như Sony và Microsoft. Có đủ chỗ cho mọi người thành công – nhưng việc đưa sản phẩm hoàn thiện đến với mọi người một cách hiệu quả và hiệu quả hơn sẽ mang lại lợi ích cho mọi người.

Tiếp cận thị trường nhanh hơn giúp phổ biến công nghệ và tăng khả năng áp dụng, điều này một lần nữa mang lại lợi ích cho mọi người vì nó mang lại nhiều khách hàng hơn. Như chúng tôi đã đề cập ngắn gọn ở đoạn trước và để giải thích thêm, Microsoft và Sony đều có bảng điều khiển cạnh tranh với nhau. Cả hai đều mạnh mẽ và hiệu quả. Họ sản xuất những sản phẩm có cùng đối tượng khách hàng nhưng cung cấp các giải pháp khác nhau. Tôi sẽ không đi quá xa khi nói rằng họ đã làm việc cùng nhau nhưng Microsoft đã cấp phép cho một sản phẩm khác của Sony, Blu-ray, vào phần cứng của họ. Việc làm này đã cho phép cả hai công ty phát triển và thành công.

Là những người bình thường, chúng ta học hỏi lẫn nhau trong những thành công và thất bại. Chúng tôi cải thiện những việc mình làm, giải quyết các vấn đề phức tạp và thậm chí mở đường cho những người đi sau chúng tôi. Một phiên bản đơn giản hơn của công cụ này là một công cụ có tên Bootstrap. Trong thiết kế web, việc lập trình back-end và thiết kế front-end cần phải được hoàn thiện. Bootstrap là một bộ công cụ mã nguồn mở đảm bảo giao diện người dùng được kết hợp nhanh chóng với các thành phần và khung tạo sẵn để tạo

kiểu. Bộ công cụ này là một ví dụ về sự chung vì một nhóm người cùng làm việc trên những công cụ này từ các công ty khác nhau và cung cấp chúng cho cộng đồng.

Sự kịch tính của việc chung sống là một quá trình hoạt động, một động từ thay vì một danh từ. Quá trình chung sống như một quá trình sống động và hoạt động, không chỉ là một khái niệm tĩnh lặng mà là một quá trình liên tục và động đến từng chi tiết. Việc chung sống không thể được hiểu chỉ thông qua các định nghĩa và phương pháp học từ các khoa học tự nhiên vì nó bao gồm nhiều yếu tố sáng tạo, biểu diễn tự nhiên và sự tiến hóa động động. Để hiểu về chung sống, cần phải tiếp cận từ cả lý thuyết và thực hành, với sự tương tác chặt chẽ giữa hai khía cạnh này. Điều này giống như mối quan hệ linh hoạt giữa một bản nhạc và một buổi biểu diễn dàn nhạc, nơi cả hai phần tồn tại chỉ khi liên quan đến nhau và cùng tạo ra một tác phẩm. Cuối cùng, như cách không thể học chơi violon chỉ bằng cách đọc nhạc, chung sống (hoặc bất kỳ hiện tượng xã hội nào khác) đều là một thực hành thử nghiệm không thể hiểu qua lý thuyết một mình.

5.3 Ví dụ cụ thể -Real example

Chúng tôi đã xem xét nhiều ví dụ từ âm nhạc, đua xe và phát triển. Nếu nhìn xung quanh, chúng ta có thể tìm thấy các loại phần chung khác nhau xung quanh chúng ta. Atala PRISM đang xây dựng một cộng đồng các cá nhân cùng mục tiêu muốn giải quyết các vấn đề phức tạp của SSI (Self-Sovereign Identity - Danh tính Tự chủ. Cộng đồng của chúng tôi đang phát triển mạnh mẽ và ngày càng lớn mạnh. Trong vòng lặp đầu tiên của Atala PRISM: Xây dựng với Atala PRISM, một đội ngũ được hình thành từ khắp nơi trên thế giới để giải quyết một vấn đề – một ví dụ là việc tạo ra một ví danh tính.

Đội ngũ RootsWallet có thành viên từ nhiều quốc gia, công ty và lối sống khác nhau bắt đầu từ các dự án khác nhau. Tuy nhiên, họ đã nhận ra một vấn đề cụ thể. Họ cần một nơi để đặt DIDs và thông tin xác thực của họ – và RootsWallet đã ra đời. Đội này đang làm việc để tạo ra một ví tiền điện tử mã nguồn mở cho toàn bộ cộng đồng sử dụng, và người dùng có thể sử dụng nó để lưu trữ dữ liệu của họ. Những gì RootsWallet (www.rootsid.com) đang làm sẽ mang lại lợi ích cho cộng đồng bên ngoài bản thân họ. Phương pháp này là trái tim của phần chung. Điều quan trọng hơn là họ đang nhận được nguồn tài trợ từ Catalyst, một dự án được điều hành bởi cộng đồng Cardano. Cộng đồng quyết định giá trị của từng dự án và cung cấp nguồn tài trợ cho các đề xuất mà họ cảm thấy mang lại giá trị cho cộng đồng. Trong Quý 7, cộng đồng đã chọn dự án này và coi nó là có giá trị, cấp cho họ nguồn tài trợ. Đây là một ví dụ xuất sắc về cách cộng đồng lớn hơn hợp tác để thêm hoặc mang lại giá trị cho tất cả mọi người.

Sẽ không thể bao phủ toàn bộ chủ đề này trong phần nhỏ này, nhưng mục tiêu ở đây là gieo mầm và xem chúng ta có thể đóng góp vào phần chung như thế nào. Ngay cả những người đến đây để học cũng có thể đóng góp giá trị thông qua việc

ủng hộ và lan truyền thông điệp. Mọi người đều có giá trị và có thể đóng góp vào phần chung. Chúng tôi khuyến khích mỗi người tìm nơi mình có thể thêm giá trị và tham gia cùng chúng tôi trong hành trình hứng thú này để mang lại giá trị hơn cho tất cả.

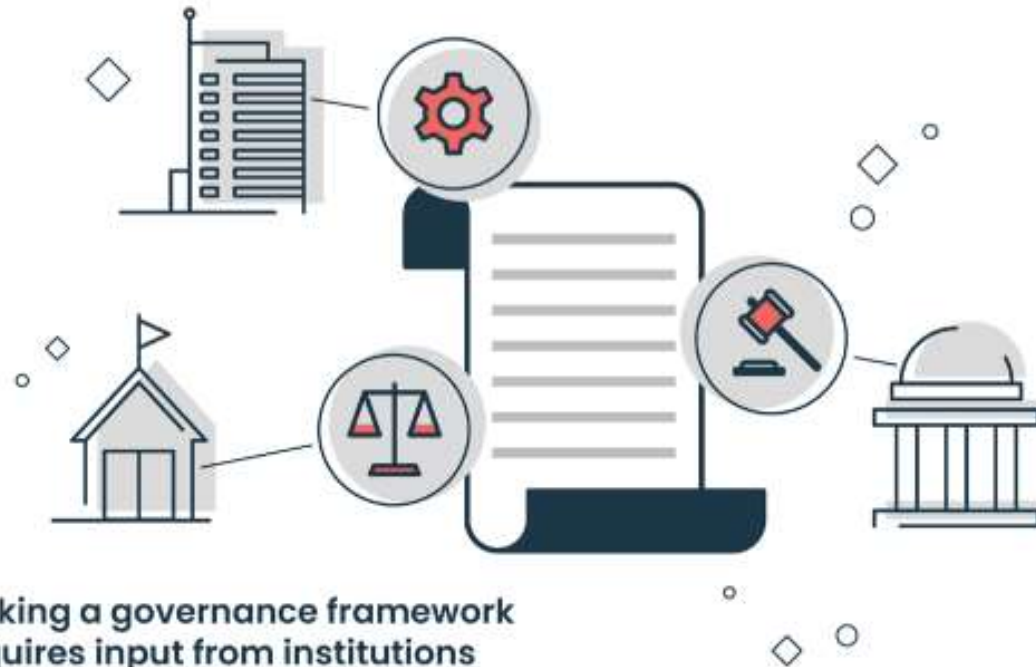
5.4 Chương trình tiên phong Pioneer program

Atala PRISM là một giải pháp nhận dạng phi tập trung được cung cấp bởi InputOutput Global (IOG) với mục tiêu là cải thiện các hệ thống hiện có trên thế giới và trao quyền cho mọi người để kiểm soát và sở hữu danh tính của họ. Atala PRISM được xây dựng dựa trên các nguyên tắc về danh tính tự chủ và là một bộ công cụ dành cho các nhà sáng tạo, doanh nghiệp và quốc gia. Đồng thời, nó cũng được mô tả là sẽ có khả năng chuyển mạng (cross-chain) trong tương lai.

IOG tin tưởng mạnh mẽ vào công nghệ của Atala PRISM và đã đầu tư vào việc tạo ra các khóa học giáo dục để mọi người có thể học về danh tính tự chủ trên Atala PRISM. Chúng tôi đã tạo ra một số khóa học chi tiết với các bài giảng, bài tập và các cuộc trò chuyện thân mật mà thu hút các nhà lãnh đạo tư duy trong ngành công nghiệp SSI, bao gồm cả các đối thủ của Atala PRISM. Cùng với các chương trình tiên phong, Atala PRISM kết hợp với cộng đồng Cardano's Catalyst để xây dựng một hệ sinh thái nhà cung cấp phát triển. Chúng tôi có nhiều nhà tiên phong đang làm việc trên các dự án trong nhiều lĩnh vực kinh doanh khác nhau - một số trong số đó đã được triển khai. Khi công nghệ và thị trường sẵn sàng, cộng đồng của chúng tôi sẽ được chuẩn bị với các giải pháp sẵn sàng cho thị trường. Ổ tử thách “Tăng tốc nhận dạng phi tập trung” trong Fund7 đã có 20 đề xuất được tài trợ, trong đó có 16 đề xuất là từ chương trình của chúng tôi. Chúng tôi tự hào về những kết quả này vì nó chứng tỏ tính hiệu quả của chương trình miễn phí của chúng tôi.

Các chương trình này dành cho tất cả mọi người, bất kể nền tảng không phải là thiết kế dành riêng cho cộng đồng kỹ thuật. Chúng tôi đã thu hút được các nhà phát triển, nhà thiết kế, doanh nhân, sinh viên và chuyên gia tham gia chương trình một cách hết sức nhiệt tình và thành công. Để biết thêm thông tin về các chương trình tiên phong của chúng tôi, hãy truy cập tại địa chỉ: atalaprism.io/pioneers/.

5.5 Ví dụ về bộ giáo dục Ethiopia



Making a governance framework requires input from institutions and policy makers alike.

They work together to craft rules about how to use trust registries and smart contracts to issue digital diplomas.

Các người dùng của hệ thống:

High School Administrator - issuer: quản trị viên trường THPT - tổ chức phát hành

Member of Parliament -Policy Maker: Thành viên của Ban Quản trị -Hoạch định chính sách

Graduated High School people: người đã tốt nghiệp cấp THPT

Việc xây dựng một nền tảng quản trị đòi hỏi ý kiến đóng góp từ các tổ chức cũng như các nhà hoạch định chính sách. Họ làm việc cùng nhau để xây dựng các quy tắc về cách sử dụng cơ quan đăng ký ủy thác và hợp đồng thông minh để cấp bằng tốt nghiệp kỹ thuật số.

Chính phủ California và Ethiopia đã công nhận hệ thống xác thực của nhau (Trust frameworks).Điều này cho phép các nhà quản lý trường đại học ở California đánh giá và chấp nhận bằng tốt nghiệp trung học của Ethiopia.

Với chính sách được áp dụng, các tổ chức cấp chứng chỉ sẽ tạo ra một quy trình cấp bằng kỹ thuật số cho học sinh tốt nghiệp trung học. Cơ sở hạ tầng trên chuỗi hỗ trợ quá trình này và đảm bảo an ninh.

Danh tính phi tập trung sẽ cho phép các trường trung học ở Ethiopia cấp bằng kỹ thuật số. Cả các nhà hoạch định chính sách và các tổ chức đều được hưởng lợi.

Người học ở Ethiopia (người nắm giữ bằng cấp) hiện có thể sử dụng bằng cấp kỹ thuật số để đăng ký học đại học ở nước ngoài. Điều này có nghĩa là họ có thể nộp đơn vào nhiều trường hơn, dẫn đến sự gia tăng số lượng người Ethiopia nộp đơn vào các trường đại học ở California.

Câu hỏi ôn tập

Câu hỏi 1: Chung “commons” định nghĩa là gì:

1. Vị trí địa lý
2. Sở thích
3. Cộng đồng
4. Mục đích và mục tiêu chung

Câu hỏi 2: Người tham gia làm gì?

1. Ngồi và thảo luận các vấn đề bên ngoài cộng đồng của họ
2. Xác định các vấn đề thường gặp
3. Xác định một vấn đề chung và giải quyết nó

Câu hỏi 3: Ai có thể là người tham gia?

- 1. Người học
- 2. Doanh nhân
- 3. Bất cứ ai
- 4. Nhà thiết kế
- 5. Lập trình viên/nhà phát triển



Cung cấp bởi Cardano

Atala PRISM được cung cấp bởi Cardano, được xây dựng bởi một cộng đồng phi tập trung gồm các nhà khoa học, kỹ sư và các nhà lãnh đạo tư tưởng thống nhất vì một mục đích chung: tạo ra một nền tảng công nghệ sẽ kích hoạt sự thay đổi tích cực mà thế giới cần. Đây là nền tảng chuỗi khối đầu tiên được xây dựng thông qua nghiên cứu được đánh giá nặng hàng đầu, độ an toàn để bảo vệ dữ liệu của hàng tỷ người, độ khả năng mở rộng để phù hợp với các hệ thống toàn cầu và đủ mạnh để hỗ trợ thay đổi cơ bản.



[Đăng ký Chương trình bồi dưỡng của chúng tôi](#)

Chương trình tiên phong Atala PRISM đào tạo các chuyên gia, nhà thiết kế UX và nhà phát triển phần mềm để thiết kế các giải pháp nhân dạng và hệ sinh thái phi tập trung bằng cách sử dụng bộ công cụ phát triển phần mềm Atala PRISM (SDK).



[Liên hệ chúng tôi](#)

Bạn có câu hỏi về bất kỳ khía cạnh nào của Atala PRISM? Chỉ cần gửi một tin nhắn và ai đó từ nhóm thích hợp sẽ liên lạc.



Phụ lục

Đạo Đức

1. Đạo đức học của Aristotle

Triết gia Hy Lạp cổ đại Aristotle (384-322 TCN) đã phát triển và điều chỉnh nhiều khía cạnh của đạo đức mà các tiền nhân Athen như Socrates và Plato đã truyền bá, thông qua loạt bài giảng thú vị về cuộc sống tốt lành. Những ghi chú này đã được tổ chức thành một tập sách gọi là 'Đạo đức Nicomachean'. Mặc dù ảnh hưởng của nó đối với truyền thống đạo đức Công giáo đã được thể hiện qua tác phẩm của Thánh John Thomas Aquinas, nhưng đạo đức học của Aristotle đã không được ưa chuộng rộng rãi ở phương Tây đến giữa thế kỷ 20.

Tuy nhiên, từ giữa thế kỷ 20, sự quan tâm đến đạo đức học của Aristotle đã tái xuất hiện trong cộng đồng ngày càng lớn của các nhà đạo đức học hiện đại. Sự hồi sinh này đang tạo ra một làn sóng mới trong việc nghiên cứu khả năng áp dụng các nguyên lý đạo đức của Aristotle vào các vấn đề đạo đức hiện đại.

Nhiều điểm chính trong đạo đức học của Aristotle đã được giới thiệu trong Chương 1. Tuy nhiên, việc tóm tắt lại những cam kết quan trọng trong phương pháp tiếp cận của ông có thể giúp làm sáng tỏ hơn. Aristotle cho rằng mục tiêu cao nhất của cuộc sống con người, mà mọi hành động của chúng ta đều hướng tới, là eudaimonia (được dịch là 'hạnh phúc' hoặc 'sự thịnh vượng của con người'). Ông cho rằng eudaimonia đạt được thông qua một cuộc sống đầy đủ với hoạt động đạo đức, được xem là xuất sắc trong việc thực hiện chức năng đặc biệt của con người (ergon) là một sinh vật lý trí. Tin rằng việc thực hiện chức năng này đòi hỏi chúng ta phải phát triển những đức tính tốt đẹp khác nhau của tính cách, bao gồm lòng dũng cảm, trung thực, kiên nhẫn, lòng thân thiện, công bằng và sự chừng mực. Đồng thời, việc này cũng bao gồm sự phát triển của trí tuệ thực tế (phronēsis), tức khả năng đánh giá và làm quyết định thông minh trong cuộc sống hàng ngày.

"Một người có đạo đức, sau khi đã rèn luyện thành công những đức tính xuất sắc này, thường có khả năng nhận biết được mục tiêu hoặc mục đích phù hợp cần tìm kiếm trong nhiều tình huống thực tế. Thực tế, mục tiêu cuối cùng của họ là thịnh vượng cá nhân hoặc sự sống tốt, điều mà luôn bao gồm việc sống hòa hợp với người khác, đặc biệt là trong một cộng đồng xã hội như chúng ta.

Một người có đạo đức sẽ có khả năng nhận biết và sử dụng các phương tiện thực tế một cách hiệu quả để đạt được những mục tiêu này, phù hợp với tình hoàn cảnh cụ thể mà họ đang đối mặt. Ví dụ, trong một tình huống, họ có thể tìm ra cách để bảo vệ một bí mật quan trọng của một người, trong khi ở tình huống khác, họ có thể nhận ra rằng việc tiết lộ bí mật đó là cần thiết để duy trì mục tiêu đạo đức.

Theo quan điểm của Aristotle, kỹ năng sáng suốt để sống đúng đắn này được phát triển thông qua quá trình thực hành và rèn luyện tính cách của một người. Quá trình này thường được hướng dẫn và khuyến khích bởi việc kết hợp giữa luật pháp phù hợp, giáo dục đạo đức và sự hiện diện của các hình mẫu cao quý (được gọi là 'phronimoi' hay 'những người thực sự khôn ngoan'), những người có thể truyền cảm hứng và tạo ra môi trường lý tưởng để sống đạo đức.

Ở một người có đạo đức và sáng suốt, các hành động đạo đức thường diễn ra một cách tự nhiên và dễ dàng, được thực hiện một cách nhất quán và tự tin. Điều này là kết quả của việc tính cách của họ đã được tinh chỉnh và hài hòa thông qua việc lặp lại các hành động đạo đức, và họ được hướng dẫn bởi trí tuệ thực tế hay phronēsis.

Theo Aristotle, không chỉ những người có cuộc sống trí tuệ lý thuyết cao cả mới có thể đạt được 'eudaimonia' (sự thịnh vượng cuối cùng), mà bất kỳ ai cũng có khả năng thực hiện được điều này thông qua việc sống một cuộc sống đạo đức trong cộng đồng, thông qua việc tham gia vào chính trị và tình bạn công dân. Điều này bởi vì, giống như việc chiêm ngưỡng triết học, việc sống tốt với người khác cũng đòi hỏi chúng ta phải rèn luyện khả năng đặc biệt của mình để có khả năng lý luận và hành động một cách thông minh hơn. Việc luôn hướng đến cuộc sống của chúng ta trở nên giàu có và đáng sống là điều khác biệt của loài người.

2. Đạo đức Nho giáo

Khổng Tử (551-479 TCN), hay còn được gọi là 'Master Kong' hoặc Khổng tử, là một giáo viên và quan chức địa phương ở bang Lu của Trung Quốc. Triết lý đạo đức và chính trị của ông được ghi lại trong nhiều tác phẩm cổ điển, trong đó có tác phẩm nổi tiếng nhất là Luận Ngữ, được biên soạn sau khi ông qua đời. Triết lý đạo đức của Nho giáo, còn được gọi là 'Chủ nghĩa Ruồi', đã được các học trò của Khổng Tử và những người sau này phát triển và bổ sung thêm.

Từ thời kỳ nhà Hán (206 TCN - 220 SCN) đến ngày nay, tư tưởng Nho giáo đã có ảnh hưởng sâu sắc đến văn hóa và triết học của Trung Quốc. Mặc dù hình thức truyền thống của Nho giáo đã trải qua nhiều biến đổi qua các thế kỷ do tương tác với các trường phái đạo đức và chính trị khác nhau, đặc biệt là Phái gia Trung Quốc, Phật giáo, Đạo giáo và Chủ nghĩa Cộng sản.

Tương tự như các truyền thống đạo đức khác, Nho giáo cũng gặp phải những tranh luận về học thuyết và vấn đề 'đúng' của câu chuyện gốc. Trong số các tranh luận này, cuộc tranh chấp giữa Mạnh Tử và Xunzi về bản chất của con người liệu có thiện hay ác là một trong những vấn đề nổi bật nhất. Tuy nhiên, tư tưởng cổ điển của Nho giáo vẫn giữ được một cốt lõi ổn định, tập trung vào việc phát triển những đức tính đạo đức trong con người để thúc đẩy sự phát triển của mối quan hệ trong gia đình và sau này là các mối quan hệ xã hội và chính trị.

Nho giáo không coi cá nhân là một thực thể độc lập, tự chủ mà xem con người là một phần của một mạng lưới mối quan hệ và nghĩa vụ tương hỗ với người khác. Mục tiêu của Nho giáo là xây dựng một cuộc sống hòa hợp với Đạo (Đạo), được coi là lý tưởng vĩnh cửu cho sự vận hành của xã hội loài người, nơi mà gia đình và chính trị đều thịnh vượng và hài hòa.

3. Đạo đức của Phật giáo

Việc thực hành tôn giáo và triết học của Phật giáo có nguồn gốc từ Ấn Độ khoảng thế kỷ thứ 5 hoặc thứ 6 trước Công nguyên. Phật giáo phát triển từ đạo Hindu Vệ Đà với quan điểm độc lập về cuộc sống, đau khổ và con đường giải thoát. Người sáng lập ra Phật giáo là Siddhārtha Gautama (tiếng Phạn; theo chữ Pāli: Siddhattha Gotama), thường được gọi là Đức Phật (hay 'người đã tỉnh thức'). Sinh ra trong một gia đình hoàng gia ở vùng mà ngày nay là Nepal, khi còn trẻ, Gautama đã từ bỏ đời sống xã hội và tôn giáo thông thường và bắt đầu tìm kiếm trí tuệ tâm linh và đạo đức mới. Theo các tài liệu truyền thống kể lại, ông đã mất sáu năm để trở nên giác ngộ hay 'tỉnh thức' ở tuổi ba mươi lăm, sau đó ông dành phần còn lại của cuộc đời để truyền bá những giáo lý tôn giáo và đạo đức của mình khắp vùng đông bắc Ấn Độ.

Theo báo cáo, sau khi ông qua đời ở tuổi tám mươi, giáo lý và thực hành Phật giáo đã mở rộng, phân tán và được phổ biến rộng rãi khắp Đông Nam và Đông Á. Trong khi nơi tập trung nhiều người tu tập Phật giáo nhất vẫn là ở lục địa châu Á, Phật giáo thế kỷ 20 là một hiện tượng toàn cầu với số lượng tín đồ lên tới hàng tỷ người. Hai truyền thống tư tưởng Phật giáo lớn được phân biệt ngày nay, thể hiện sự khác biệt đáng kể giữa những giáo lý và thực hành được chấp nhận của họ trong khi vẫn giữ được cốt lõi chung của các khái niệm và giá trị cơ bản. Phật giáo Nguyên thủy lâu đời nhất, vẫn thống trị ở Đông Nam Á, trong khi Phật giáo Đại thừa phổ biến ở Đông Á, nơi nó có nhiều hình thức văn hóa khác nhau (bao gồm Thiền tông Tịnh Độ, Tây Tạng và các trường phái thực hành Đại thừa khác).

Những giáo lý cốt lõi của Phật giáo bắt nguồn sâu xa từ siêu hình học Vệ đà truyền thống, kết hợp các khái niệm trung tâm về nghiệp (hành động có ý nghĩa tâm linh), luân hồi (chu kỳ tái sinh), Pháp (nghĩa vụ hoặc học thuyết thiêng liêng) và yoga (kỷ luật tâm linh). Tuy nhiên, Phật giáo cổ điển tách khỏi triết học Vệ đà và Ấn Độ giáo bằng cách phủ nhận thực tế thực chất của cái tôi (ātman), một học thuyết được gọi là anātman (vô ngã). Theo quan điểm này, bản ngã trần tục là ổn định, thống nhất và trường tồn thực sự không hơn gì một tập hợp các hiện tượng vật chất và tinh thần nhất thời thuộc nhiều loại khác nhau (các uẩn khúc hay 'các uẩn'); cũng không có cái tôi thống nhất 'sâu hơn' nào bên dưới cái tôi trần tục. Một nguyên tắc siêu hình quan trọng khác là pratītya-samutpāda, hay 'sự đồng phát sinh phụ thuộc'.

Nhiều chuẩn mực đạo đức của Phật giáo tuân theo quan điểm này coi tất cả chúng sinh đều có mối liên hệ với nhau một cách ngẫu nhiên, theo cách vượt qua ranh giới không gian và thời gian cục bộ. Phật giáo cũng thừa nhận rằng đau khổ (dukkha), mà nó coi là đặc

điểm cơ bản của sự tồn tại trần thế trong vòng luân hồi, có thể được vượt qua hoàn toàn bằng cách đạt đến trạng thái giải thoát giác ngộ (niết bàn). Chẳng hạn như trạng thái, trong đó một người đạt được tình trạng 'thức tỉnh' giống như Đức Phật nguyên thủy, về nguyên tắc có thể đạt được trong cuộc đời của bất kỳ cá nhân nào bằng cách đi theo Bát Chánh Đạo, một thực hành phát triển cùng trau dồi các hình thức kiến thức tâm linh thực tế khác nhau (prajña), hành vi đạo đức (sīla) và nhận thức tập trung (samādhi).

Trong khi giáo lý đạo đức của Phật giáo đôi khi được mô tả một cách hạn hẹp dưới dạng giới luật – nghĩa là tuân thủ các “giới luật” hay quy tắc ứng xử đạo đức khác nhau – thì sự hiểu biết đầy đủ hơn về đạo đức Phật giáo coi giới luật là một khía cạnh của đức hạnh trọn vẹn, buộc phải tuân theo, được tích hợp với đức hạnh khác của Bát Chánh Đạo. Nghĩa là, giống như hành động nghi lễ (li) của Nho giáo và thói quen đạo đức (hexis) của Aristotle chỉ dẫn đến đức hạnh chân chính khi được tích hợp với suy nghĩ, nhận thức và cảm xúc thích hợp, việc tự tu dưỡng của Phật giáo đòi hỏi hành vi đạo đức đầy đủ phải được cung cấp thông tin và được thông báo bởi niềm tin đúng đắn, ý định đúng đắn và kỷ luật tinh thần và cảm xúc. Sự phong phú như vậy cho phép người giác ngộ điều chỉnh cách thể hiện các giới luật đạo đức thông thường của mình, hoặc thậm chí trong những trường hợp hiếm hoi áp dụng 'phương tiện thiện xảo' (upāya kauśalya) để ngăn chặn chúng, như được yêu cầu bởi các đặc điểm liên quan đến đạo đức của tình huống cụ thể. Cũng như các truyền thống đạo đức khác, đạo đức Phật giáo có một cách tiếp cận toàn diện, linh hoạt và theo ngữ cảnh đối với hành động đạo đức, khác biệt về cơ bản với các mô hình đời sống đạo đức dựa trên quy tắc (nghĩa vụ) hoặc chủ nghĩa nhân quả.

Sự cộng hưởng của Phật giáo với các truyền thống đức hạnh cổ điển khác không dừng lại ở đây. Giống như vai trò trung tâm mà đạo đức Nho giáo và Aristoteles trao cho 'những người mẫu mực' (lần lượt là junzi và phronimoi), các vị bồ tát (những người tích cực tìm kiếm sự giác ngộ) thường nhận được sự hướng dẫn hoặc hỗ trợ trên con đường tu luyện bản thân từ cộng đồng những người gương mẫu, mà họ có quyền truy cập. Trong Phật giáo đây là cộng đồng tu sĩ và các thành viên cư sĩ của Tăng đoàn, là những người hướng dẫn tinh thần và đạo đức cho người khác. Thật vậy, cộng đồng đạo đức Tăng già đại diện cho một trong 'Tam Bảo' của giáo lý Phật giáo, hai ngôi còn lại là giáo lý thiêng liêng của Pháp và sự viên mãn của chính Phật tánh.

Như với đạo đức Nho giáo và Aristoteles, tầm nhìn đạo đức của Phật giáo được thúc đẩy bởi một mục đích luận coi một loại cuộc sống hoặc bản chất nhất định (ở đây là Phật tánh) như một lý tưởng vượt thời gian và không thể thương lượng đối với con người. Cũng như các truyền thống đạo đức khác, Phật giáo cổ điển cũng nhấn mạnh vai trò của thói quen trong việc tu dưỡng đạo đức; sự giác ngộ thường được tìm kiếm thông qua các thực hành sùng đạo (yoga) có chức năng dần dần định hình các khuynh hướng tinh thần/cảm xúc của một người thành một hình thức có tính kỷ luật và tinh tế cao. Vì vậy, cốt lõi của nó, đạo đức Phật giáo, cũng như mọi đạo đức đức hạnh, là dần dần chuyển hóa bản thân thành một loại người nhất định – một người có thể sống theo cách xứng đáng với những khát

vọng của con người. Những quy tắc hay giới luật hành động đúng đắn chỉ là kim chỉ nam trên con đường đi tới đích đó, chứ không phải đích đến đó, thậm chí không phải là toàn bộ con đường.

Tuy nhiên, vẫn có những bất đồng sâu sắc giữa Phật giáo và các truyền thống đạo đức khác, cũng như giữa các trường phái Phật giáo khác nhau, về cuộc sống tốt đẹp và con đường dẫn đến nó. Đầu tiên và quan trọng nhất, trong khi có thể tìm thấy những điểm tiếp xúc riêng lẻ giữa danh mục mở rộng các đức tính của Phật giáo và những đức tính hạn chế hơn nhiều của Aristoteles và Nho giáo, thì đặc điểm tổng thể của người mẫu mực có vẻ hoàn toàn khác nhau giữa cả ba. Đặc biệt, các đức tính khiêm tốn, bình tĩnh và lòng từ bi rộng mở của Phật giáo không có sự tương đồng rõ ràng, thậm chí đối lập trực tiếp, trong mô hình của Aristoteles khuyến khích những vĩ nhân trau dồi một tính cách được đánh dấu bằng lòng kiêu hãnh được bảo đảm, tham vọng phù hợp và sự phần nộ chính đáng.

So sánh các nguyên tắc đạo đức của Phật giáo và Nho giáo có thể cho thấy sự tương đồng, nhưng thực tế, các đức tính này có ý nghĩa khác biệt trong ngữ cảnh đạo đức. Ví dụ, sự rộng lượng trong Phật giáo có thể tương đương với lòng nhân từ trong Nho giáo, nhưng ý nghĩa của chúng khác nhau. Phật giáo đề cao việc giảm bớt đau khổ cho mọi sinh linh, trong khi Nho giáo tập trung vào tình yêu thương đối với gia đình và nghĩa vụ xã hội. Điều này ngụ ý rằng sự hào phóng và quan tâm của chúng ta đối với những người quen thân hơn và những người mà chúng ta có mối quan hệ gần bó cao hơn so với những người xa lạ. Đối mặt với tình thế tiến thoái lưỡng nan giữa lợi ích quan trọng của cha mình hoặc người cai trị với lợi ích của quần chúng đau khổ từ vương quốc láng giềng, một Phật tử đạo đức và một Nho giáo đạo đức có thể đưa ra những lựa chọn rất khác nhau.

Ngoài ra, sự coi thường tương đối của những Phật tử sùng đạo đối với của cải vật chất và địa vị chính trị sẽ là điều không thể hiểu được đối với Aristotle và Kongzi, những người đều coi nghèo đói và tước quyền chính trị là những trở ngại đáng kể nếu không muốn nói là không thể vượt qua đối với sự phát triển của con người. Cuối cùng, trạng thái của sự thịnh vượng con người mà Phật tử nhắm đến là niết bàn, ngụ ý một sự vượt lên trên nỗ lực cục bộ và thế gian mà hoàn toàn không phù hợp với đạo đức Nho giáo hoặc với cuộc sống hạnh phúc chính trị của Aristotle, sự khác biệt thậm chí còn so với mục tiêu cao nhất của Aristotle, một cuộc sống hoạt động tri thức triết học lý trí.

Technology and the Virtues, 2016, Trang 36-44

Nguyên tắc Kỹ thuật -Đạo đức

Xây dựng đạo đức xã hội trong lĩnh vực công nghệ là một phần quan trọng của việc phát triển và duy trì một môi trường kỹ thuật xã hội lành mạnh và bền vững. Dưới đây là các nguyên tắc cơ bản được trích từ “Technology and the Virtues”, 2016, trang. 120-155.

6.1 Thành thật: Tôn trọng Sự Thật

[Các Đức Tính Liên Quan: Niềm Tin, Đáng Tin Cậy, Chính Trực]

Đức tính thành thật có vai trò vô cùng quan trọng trong đạo đức và cuộc sống xã hội. Aristotle coi tính trung thực (aletheia) là một đức tính cốt yếu. Thuật ngữ Nho giáo (Cheng), thường được dịch là “sự trung thực” cũng bao hàm những ý nghĩa rộng hơn về tính chính trực hoặc “sự hoàn thiện bản thân” như là điều tốt đẹp nhất đạt được nhờ thực hành đạo đức. Trong Phật giáo, tính trung thực được thể hiện trong việc thực hành chung “chánh kiến” (samyag-drsti) và “chánh nghiệp” (sila), bao gồm giới luật về lời nói chân thật. Những lý do về tầm quan trọng của đức tính này khá rõ ràng. Phát triển mạnh mẽ trong tương tác với người khác, vốn là nhiệm vụ hàng đầu của đạo đức và toàn bộ đời sống xã hội, hầu như không thể thực hiện được nếu không có kỳ vọng chung về sự trung thực, như Kant đã lưu ý một cách nổi tiếng.

Mặc dù có sự biến đổi văn hóa lớn lao giữa các quan niệm của con người về khi nào cần phải thành thật, với ai, và mức độ hoặc hình thức của sự thẳng thắn đủ cho nó, gần như mọi cộng đồng loài người đều đánh giá cao sự phân biệt giữa người thành thật và người không thành thật.

Vậy tại sao lại mô tả sự thành thật như một đức tính đạo đức kỹ thuật? Sau tất cả, nếu sự thành thật đã là một lý tưởng đạo đức ở hầu hết các xã hội, bất kể độ phức tạp về mặt kỹ thuật xã hội của họ, thì người ta có thể không mong đợi nó có bất kỳ ý nghĩa đặc biệt nào cho cuộc điều tra của chúng ta. Tuy nhiên, đức tính của sự thành thật đang bị thách thức mạnh mẽ bởi các phát triển kỹ thuật xã hội trong thế kỷ qua và những gì sẽ đến. Điều này trở nên rõ ràng ngay khi chúng ta nhận ra các liên kết khái niệm giữa sự thành thật, thông tin và giao tiếp. Sự thành thật là về việc truyền đạt thông tin một cách phù hợp và có đạo đức. Tuy nhiên, thực hành này đã và đang bị biến đổi một cách đột ngột và toàn cầu bởi Công nghệ Thông tin và Truyền thông (ICTs).

CNTT, đặc biệt là những CNTT được xây dựng trên nền tảng điện toán số, đã cách mạng hóa cách chúng ta giao tiếp và cách chúng ta mong đợi thông tin được truyền đạt đến mình. Các tài liệu bùng nổ về vấn đề niềm tin trong môi trường trực tuyến – bao gồm thương mại điện tử, chính phủ điện tử và truyền thông xã hội – chỉ là một khía cạnh của hiện tượng toàn cầu này. Các thói quen giao tiếp mới được CNTT-TT kích hoạt và thúc đẩy đang định hình cách chúng ta xác định sự thật, khi nào và tần suất chúng ta nói ra sự thật, khi nào chúng ta mong đợi được nói ra sự thật, chúng ta mong đợi tìm thấy nó ở đâu và ở ai, chúng ta đóng gói nó như thế nào, chúng ta làm thế nào để có được nó. Xác minh nó cũng như những gì chúng tôi làm với nó và sẵn sàng làm với nó. CNTT-TT cũng đã tạo ra một cuộc tranh luận gay gắt trên toàn cầu về các chuẩn mực quyền riêng tư, vốn đang bị đặt vào thế căng thẳng sâu sắc với các lý tưởng kỹ thuật số mới về 'minh bạch', 'chia sẻ' và 'cộng đồng mở'. Từ tranh cãi quốc tế về hoạt động gián điệp và hoạt động gián điệp của NSA Hoa Kỳ sự phơi bày của Wikileaks, Anonymous và Edward Snowden; về 'quyền được lãng quên' của EU; đến các cuộc tranh luận về ẩn

danh trực tuyến và tự kiểm duyệt trên mạng xã hội; trước hậu quả từ vụ hack và lưu trữ dữ liệu của Ashley Madison, con người trên toàn cầu chưa bao giờ ít chắc chắn về tính trung thực như một đức tính.

Sự trung thực về công nghệ không chỉ là mối quan tâm cá nhân mà còn là vấn đề xã hội và chính trị. CNTT-TT đã biến đổi bản chất và độ tin cậy của bằng chứng trong bối cảnh khoa học, chính trị và truyền thông, cùng với nhận thức của công chúng về thông tin của ai, nếu có ai đảm bảo sự tin cậy. Quả thực, niềm tin của công chúng vào thông tin do các phương tiện truyền thông truyền thống, các nhà nghiên cứu hàn lâm, cơ quan chính phủ và các nhà lãnh đạo tôn giáo cung cấp đã giảm nhanh chóng trong những năm gần đây khi các hoạt động truyền thông mới và CNTT-TT ngày càng mở rộng khoảng cách giữa tính sẵn có của thông tin và các quan niệm truyền thống về chuyên môn và thẩm quyền. Ví dụ, tại Hoa Kỳ, niềm tin của công chúng đối với các phương tiện truyền thông đại chúng đã đạt mức thấp nhất mọi thời đại vào năm 2015. Trong khi đó, Internet tiếp tục hoạt động tốt như một không gian để tranh cãi gay gắt về những tuyên bố thông tin của người khác, nhưng lại kém hiệu quả hơn nhiều với tư cách là một phương tiện truyền thông để xây dựng sự đồng thuận đáng tin cậy của cộng đồng.

Tuy nhiên, chúng ta không thể từ bỏ lý tưởng đạo đức về sự thành thật. Có lẽ, sự phồn thịnh của con người trong tương lai phụ thuộc nhiều hơn bao giờ hết vào khả năng của chúng ta để thu thập, xác minh và chia sẻ thông tin đáng tin cậy về các vấn đề như biến đổi khí hậu toàn cầu; dịch bệnh và sức khỏe cộng đồng; nguy cơ đối với nguồn cung cấp không khí và nước; cạn kiệt tài nguyên năng lượng; và các mối đe dọa tồn tại liên tục từ vũ khí hạt nhân, sinh học và các loại vũ khí khác cũng như các mối nguy hiểm vũ trụ như các vật thể gần Trái Đất. Do đó, khi các quy chuẩn, tiêu chuẩn và thói quen truyền thống về việc tiết lộ thông tin phù hợp đang gặp khó khăn dưới sức nặng của các thay đổi đột ngột trong các thực hành thông tin và truyền thông, điều cần thiết là chúng ta cân nhắc những quy chuẩn, tiêu chuẩn và thói quen sẽ thay thế chúng. Phồn thịnh của con người trong môi trường xã hội chưa bao giờ có thể tồn tại mà không có các quy chuẩn đã được thiết lập về sự thành thật, và không có lý do gì để nghĩ rằng điều này đã ngừng là chân lý. Vậy đức tính của sự thành thật trông như thế nào trong một môi trường thông tin ngày càng số hóa? Một người nào đó xử lý thông tin một cách 'chuyên môn về đạo đức' sẽ trông như thế nào bây giờ? Cô ấy sẽ trông như thế nào vào ngày mai? Đức tính đạo đức kỹ thuật của sự thành thật trong thế kỷ 21 là gì?

Hãy xác định đức tính đạo đức kỹ thuật của sự thành thật như một sự tôn trọng mẫu mực đối với sự thật, cùng với kỹ năng thực tiễn để diễn đạt sự tôn trọng đó một cách phù hợp trong các bối cảnh kỹ thuật xã hội. Hãy nhớ rằng việc chỉ đơn giản là nói sự thật, thậm chí là nói một cách đáng tin cậy, không bao giờ đủ cho đức tính của sự thành thật, điều này đòi hỏi chúng ta phải nói sự thật không chỉ đúng với những người đúng, vào thời điểm và địa điểm đúng, và ở mức độ đúng, mà còn cần phải biết rõ ràng và với những lý do đúng. Như tác giả Harry Frankfurt trong cuốn sách "On Bullshit" một cách ngắn gọn giải thích, sự thành thật không giống như việc chỉ nói

lời đúng mà thôi, điều này có thể được thực hiện với bất kỳ số lượng mục đích không đạo đức hoặc độc ác nào, bao gồm cả việc làm mờ hồ một cách cố ý. Cách tôn trọng sự thật được thể hiện ra sao trong các bối cảnh kỹ thuật xã hội cụ thể sẽ là một câu hỏi trung tâm cho chúng ta trong các chương 7 và 8, khi chúng tôi xem xét các hậu quả đạo đức của các công nghệ truyền thông xã hội mới và công nghệ giám sát. Nhưng hãy nhớ rằng biết cách diễn đạt một đức tính đến mức lớn phụ thuộc vào trải nghiệm của chúng ta về những người đã làm điều đó từ trước. Vậy người ngày nay mà chúng ta coi là mẫu mực của sự thành thật trong xã hội thông tin là ai? Edward Snowden và Glenn Greenwald? Rachel Maddow? David Brooks? Bernie Sanders? Donald Trump? John Oliver? "Người quản lý Internet" George Takei? Mark Zuckerberg? Nhóm hacker 'Impact Team' đã rò rỉ dữ liệu của Ashley Madison? Nếu những người này không phải là mẫu hình của sự thành thật kỹ thuật đạo đức, thì chúng ta tốt hơn hết là nên tự hỏi ai mới là người đó. Thậm chí tốt hơn là ta sẽ là tự hỏi những người ngoài vòng tin cậy của chúng ta - khởi xướng một cuộc đối thoại quốc tế về vai trò của sự thành thật kỹ thuật đạo đức trong cuộc sống tốt đẹp.

6.2 Tự Kiểm Soát: Trở Thành Tác Giả của Những Khao Khát Của Chúng Ta

[Các Đức Tính Liên Quan: Kiểm Chế, Kỷ Luật, Điều Độ, Kiên Nhẫn]

Đức tính này là khả năng đáng tin cậy và một cách cố ý để điều chỉnh những khao khát của mình với điều tốt lành. Có một sự mơ hồ lâu dài trong khái niệm này, đó là lý do tại sao Aristotle trong Cuốn sách VII của Sách Đạo Đức Nicomachean đã cẩn thận phân biệt sự kiềm chế (sophrosune hoặc khao khát đúng) từ sự kìm nén đơn giản (enkrateia hoặc sự kiềm chế cố ý của khao khát sai lầm). Tương tự, chúng ta đã thấy rằng các truyền thống đạo đức của Nho giáo và Phật giáo cũng nhấn mạnh vào tự kiểm soát và việc trau dồi tham vọng đúng đắn, đưa ra sự tôn trọng cao hơn cho việc kìm nén giục vọng không tốt.

Tuy nhiên, chúng ta đã thấy trong các chương 3 và 4 rằng việc cố kiềm chế những ham muốn sai lầm - được hỗ trợ bởi giáo dục đạo đức, pháp luật hoặc những người đi trước về đạo đức - là bước đầu tiên trên con đường để phát triển khao khát đúng. Vì vậy, hãy xác định đức tính tự kiểm soát như là một khái niệm tổng quát bao gồm cả việc kiềm chế bản thân của sự kiềm chế đạo đức và việc cố ý nuôi dưỡng khao khát đúng đắn mà mang lại sự kỷ luật thật sự cho mục đích của chúng ta.

Nói vậy, tại sao chúng ta nên coi tự kiểm soát là một phẩm chất xuất sắc của kỹ thuật đạo đức đặc biệt? Tự kiểm soát là một yêu cầu cho bất kỳ người có đức tính nào, thậm chí là một nhà tu đang sống trên một ngọn núi xa xôi hoàn toàn cách ly khỏi công nghệ hiện đại.

Tuy nhiên, hãy xem xét làm thế nào các công nghệ mới nổi tăng cường số lượng và đa dạng các đối tượng tiềm năng của khao khát của chúng ta. So với các thời kỳ trước đây, các công nghệ thông tin và truyền thông kết hợp với hệ thống vận chuyển toàn cầu cho phép

chúng ta tiếp cận một phạm vi sản phẩm có sẵn mở rộng rất lớn, quảng cáo chúng với tư duy chọn lựa và sự vui vẻ của người khác một cách quyết liệt hơn, và tăng tốc độ mà chúng ta có thể đạt được, tiêu thụ và thay thế chúng. Các kỹ thuật quảng cáo truyền thông mới được thúc đẩy bởi sức mạnh của 'Big Data' đưa chúng ta vào một guồng không ngừng của các đề xuất được tùy chỉnh để khơi dậy sự say mê, để tăng cường các thói quen tiêu dùng hiện có của chúng ta và mở rộng chúng đến các loại hàng hóa mới, và để thuyết phục chúng ta rằng mong muốn và nhu cầu của chúng ta là một.

Các tác động đạo đức của những hiện tượng này rất đáng kể ở cả cá nhân, cộng đồng và toàn cầu. Những khao khát và thói quen tiêu dùng của chúng ta phản ánh sức khỏe thể chất và tinh thần và của xã hội. Chúng định hình các hoạt động liên quan đến cuộc sống gia đình và cộng đồng; các loại và lượng nguồn tài nguyên thiên nhiên được khai thác, sử dụng, định giá và phân phối; và rác thải môi trường được tạo ra bởi những hoạt động đó. Không chỉ các hàng hóa vật chất mà cả hàng ảo, mối quan hệ và trải nghiệm lấp đầy danh mục ngày càng mở rộng của những thứ mà chúng ta được mời gọi để mong muốn và theo đuổi. Các nhà phát triển ứng dụng trò chơi trực tuyến khuyến khích chúng ta tiêu tốn hàng tỷ giờ lao động con người để trồng cây ảo trong Farmville, tàn sát lợn với Angry Birds, hoặc giải các câu đố mới trong Vương quốc Kẹo. Các kỹ thuật tiên tiến về tâm lý thiết kế phần mềm làm tăng cường các đặc tính gây nghiện (cách gọi tiêu biểu của phần mềm ưa thích là 'dính') của các ứng dụng, đẩy người dùng tiến đến việc thực hiện nhiều giao dịch trong ứng dụng ngày một nhiều hơn, chia sẻ thông tin hoặc liên lạc có thể kiếm tiền của chúng ta, hoặc chỉ tiếp tục chơi vào những đêm khuya để đạt được những bất ngờ đang chờ đợi chúng ta ở cấp độ trò chơi tiếp theo.

Vấn đề làm thế nào để đánh giá giá trị của những hàng hóa ảo này so với những hàng hóa khác sẽ chỉ trở nên khó khăn hơn do sự phức tạp ngày càng tăng của môi trường kỹ thuật số và trí tuệ nhân tạo. Cuộc sống trực tuyến đã thách thức khả năng tự kiểm soát của chúng ta ở nhiều cấp độ, khiến nhiều người trong chúng ta phải dùng đến các công cụ khóa phần mềm như Freedom để giúp chúng ta tránh xa lộ cookie kỹ thuật số trong một khoảng thời gian nhất định.

Những công cụ như vậy cho phép chúng ta hoàn thành một nhiệm vụ quan trọng hoặc dành thời gian với những người mà chúng ta đánh giá cao mà không bị quyến rũ bởi những phiền nhiễu dường như không thể cưỡng lại được của Facebook, Gmail, Minecraft và Instagram. Những người khác chỉ đơn giản là đầu hàng trước sự hỗn loạn của sự xao lãng công nghệ xã hội. Nhưng tất cả những điều này nói lên điều gì về tình trạng kỷ luật cá nhân và tính tự chủ của chúng ta?

Chúng ta hãy định nghĩa đức tính công nghệ của sự tự chủ như một khả năng mẫu mực trong bối cảnh công nghệ xã hội để lựa chọn, và lý tưởng nhất là mong muốn vì lợi ích của chính mình, những hàng hóa và trải nghiệm đóng góp nhiều nhất cho sự phát triển của con người đương đại và tương lai. Như chúng tôi đã lưu ý trong chương 1, niềm đam mê không chỉ đơn thuần là sự tự thỏa mãn hay niềm vui, những trạng thái tinh thần dễ dàng đạt được bởi một kẻ sát nhân hoặc một kẻ nghiện heroin với nguồn cung cấp ổn định. Phát

triển có nghĩa là tích cực làm tốt như một con người; nó liên quan đến sự thật về cuộc sống của chúng ta đang diễn ra như thế nào về mặt xã hội, chính trị, thể chất, trí tuệ và cảm xúc. Điều này đặt ra câu hỏi: làm thế nào để chúng ta xác định được hàng hóa và trải nghiệm nào giúp chúng ta sống tốt? Hãy xem xét sự phân mảnh kỹ thuật số được thảo luận nhiều của các nền văn hóa. Đã qua rồi cái thời mà người ta có thể cho rằng những người bạn cùng lứa tuổi ở địa phương đã đọc những cuốn sách giống nhau, xem những bộ phim hoặc chương trình tin tức giống nhau tham gia vào các hoạt động giải trí giống nhau hoặc đến thăm những địa điểm giống nhau. Ngay cả khi chúng ta chỉ nhìn vào những người mà chúng ta ngưỡng mộ là thông minh, sáng suốt và có hiểu biết về văn hóa, chúng ta sẽ khó tìm được sự đồng nhất trong thói quen tiêu dùng của họ. Kết quả là, những câu chuyện văn hóa về những mong muốn mà các cá nhân nên cố gắng trau dồi để tạo điều kiện không chỉ cho một cuộc sống tốt đẹp cho bản thân họ mà còn cả một cuộc sống chung tốt đẹp trong cộng đồng, ngày càng trở nên thiếu mạch lạc – cũng như các tổ chức giáo dục văn hóa, nghệ thuật và văn hóa. nghi lễ truyền thống hướng các cá nhân vào con đường của ước muốn đúng đắn.

Tất nhiên, những tiến triển này mang những khía cạnh tích cực, không ít trong số đó là sự phát triển mạnh mẽ và trao đổi toàn cầu của các ý tưởng và hình ảnh đời sống tốt lành. Có rất nhiều điều trong cuộc sống đáng muốn, và các mạng thông tin toàn cầu đưa ra nhiều lựa chọn hấp dẫn hơn vào tầm nhìn của chúng ta. Tuy nhiên, không thể lựa chọn tất cả, vì vậy, câu hỏi vẫn còn là: làm thế nào để con người phát triển đức tính tự kiểm soát trong môi trường công nghệ-xã hội mới này? Một người có đạo đức ở bất kỳ thời điểm hoặc địa điểm nào cũng phải có khả năng phân biệt và cuối cùng trở thành tác giả của những ham muốn đúng đắn - tức là, những ham muốn tự ý thức và chân thành cho những hành vi tốt lành mà thúc đẩy sự phát triển của mình cùng với người khác, so với những ham muốn làm giảm sự sống của mình. Khi các công nghệ thông tin toàn cầu pha loãng hoặc làm giảm tác động của những cơ chế văn hóa đã trước đây giúp chúng ta phân biệt này, thì những cơ chế mới nào để tạo hình ham muốn của con người đang thay thế chúng? Nói một cách ngắn gọn, con người thế kỷ 21 sẽ làm thế nào để có được đức tính tự kiểm soát cá nhân và tập thể, và những hậu quả toàn cầu ngắn hạn và dài hạn sẽ là gì nếu chúng ta không thể? Những cuộc thảo luận về phương tiện truyền thông mới sẽ có ở chương 7, các công nghệ giám sát trong chương 8, và các cải tiến sinh học trong chương 10.

6.3 Khiêm tốn: Biết những gì chúng ta không biết

[Các đức tính liên quan: Khiêm tốn, Tôn kính, Kỳ diệu]

So với sự trung thực và tự chủ, tầm quan trọng đạo đức của sự khiêm tốn ít được mọi người thừa nhận. Trong khi ở Hy Lạp cổ đại, sự khiêm tốn thường được coi là một biện pháp ngăn chặn sự kiêu ngạo mang tính hủy diệt, nhưng đối với Aristotle, ý nghĩa đạo đức không giống như sự khiêm tốn mà là niềm tự hào chính đáng của người đàn ông tự nhận mình là 'tâm hồn vĩ đại' (megalopsuchia). Hạ thấp bản thân là không trung thực nếu một người thực sự là một người tốt và cao thượng. Nếu một người không phải là một người tốt và cao thượng, mục đích chính của người đó là cải thiện tính cách của mình chứ không phải hạ thấp lòng tự trọng của một người.

Ảnh hưởng của quan điểm Cơ đốc giáo đã khôi phục lại sự khiêm nhường trở nên nổi bật trong truyền thống đạo đức-đạo đức thời Trung cổ; Vào thế kỷ 13, Thánh Thomas Aquinas mô tả sự khiêm nhường là “giữ bản thân trong giới hạn của mình, không vươn tới những thứ cao hơn mình mà phải phục tùng cấp trên của mình”. Kể từ đó danh tiếng của khiêm tốn như một đức tính đã mất đi, nó được Kant tán dương, bị Nietzsche bác bỏ một cách nổi tiếng, và vào cuối thế kỷ 20 ngày càng bị thay thế bởi diễn ngôn tâm lý học về tầm quan trọng của “lòng tự trọng cao”. Ở phương Đông, việc coi khiêm tốn là một đức tính quan trọng đã ổn định hơn. Những phân tích trước đây của chúng tôi cho thấy rằng đối với những người theo Nho giáo, tính khiêm tốn xuất phát từ thói quen tự xem xét bản thân và thể hiện ở tính cách nhân nhượng vốn cấu thành nên đức tính cốt yếu của lễ nghi đúng đắn hoặc tôn trọng (li). Chúng ta thấy rằng đối với Phật tử, sự khiêm tốn là một phần của sự hiểu biết về anatman (vô ngã) giúp điều chỉnh ý thức lệch lạc của một người về tầm quan trọng cá nhân và sự gắn bó với bản ngã, cả hai đều cản trở việc trau dồi chánh kiến (samyag-drsti) và chánh nghiệp (sila).

Sự khiêm tốn đóng vai trò gì trong quan điểm của thế kỷ 21 về đức tính công nghệ? Có thể cho rằng, cuộc sống ở thế kỷ 21 đòi hỏi sự khiêm tốn hơn những gì chúng ta đang có. Trong chừng mực các hậu quả chính trị, văn hóa, kinh tế và môi trường toàn cầu của các công nghệ mới nổi đang ngày càng tỏ ra phức tạp và khó dự đoán, ngày càng có tính hệ thống và sâu rộng về phạm vi, đồng thời ngày càng thách thức chúng ta giảm thiểu hoặc xóa bỏ, chúng tôi không còn có thể tạo ra ảo tưởng hiện đại rằng những đổi mới công nghệ xã hội của chúng ta có lợi cho sự làm chủ của con người. Ví dụ, niềm tin của thế kỷ 20 rằng các công nghệ y tế hiện đại sẽ sớm giúp con người làm chủ vĩnh viễn bệnh tật đã dần dần bị xói mòn bởi sự gia tăng nhanh chóng của vi khuẩn kháng thuốc kháng sinh; sự gia tăng đột biến về sự xuất hiện và phạm vi tiếp cận toàn cầu của các mầm bệnh chưa được biết đến trước đây; và sự lây lan dai dẳng của các bệnh 'lối sống' liên quan đến những thay đổi công nghệ xã hội trong chế độ ăn uống, chất lượng không khí, hoạt động thể chất và việc tiếp xúc với các hợp chất hóa học. Tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh gia tăng và tuổi thọ dự kiến trì trệ hoặc giảm sút ở các quốc gia có công nghệ tiên tiến như Hoa Kỳ là một tín hiệu cho thấy chúng ta còn lâu mới đảm bảo được khả năng làm chủ sức khỏe con người của mình, thực hành công nghệ - xã hội hiện tại có thể đang đẩy mục tiêu này ra xa tầm tay của chúng ta hơn.

Tương tự, những nỗ lực của chúng ta để thống trị biên giới công nghệ-xã hội mới của Internet đã chứng tỏ một cách yếu đuối tương tự: bạo lực trên mạng, tội phạm mạng, gián điệp mạng, 'hacktivism', và thậm chí là khả năng của chiến tranh mạng đang mở rộng nhanh chóng, và thậm chí cả những quốc gia và tổ chức mạnh mẽ nhất hiện nay cũng không thể ngăn chặn sự lan rộng của chúng. Hành vi quốc tế của 'những người chơi xấu' không phải là nguồn duy nhất của hiện tượng CNTT không thể dự đoán; hãy xem xét những hiệu ứng tổng hợp và tương tác phức tạp của những yếu tố điện tử vô hại khác nhau, như các thuật toán giao dịch tần số cao đã đóng góp vào "Flash Crash" vào tháng 5 năm 2010 và vụ thất bại của Knight Capital vào tháng 8 năm 2012. Hiểu biết hạn chế về mối quan hệ con người-công nghệ cũng tạo ra những thất bại thiết kế lớn như trường hợp của chatbot AI 'teen' nổi tiếng của Microsoft, Tay, đã bắt đầu phun ra tuyên truyền phát xít neo-Nazism trên Twitter chỉ trong một ngày kể từ khi ra mắt vào năm 2016. Với việc các kỹ thuật thuật toán mới cho 'học sâu' của máy chống lại việc kiểm tra hoặc dự đoán cẩn thận của con người, rõ ràng rằng miễn số hóa - mà con người ngày càng liên kết với tài nguyên vật chất, chính trị, văn hóa và kinh tế của mình - không còn là đối tượng của sự 'thống trị' của con người như các miền hữu cơ của sinh thái sức khỏe hay khí hậu. Chúng ta phải đối mặt với thách thức của sự mờ mịt công nghệ-xã hội cấp tính. Trong số các đặc điểm nhân cách có khả năng thúc đẩy sự phát triển của con người trong điều kiện này, sự khiêm tốn đứng đầu danh sách.

Hãy xác định sự khiêm tốn công nghệ-đạo đức như một sự nhận biết về những giới hạn thực sự của kiến thức và khả năng công nghệ-xã hội của chúng ta; sự tôn kính và sự ngạc nhiên trước sức mạnh của vũ trụ vẫn giữ được khả năng gây bất ngờ và làm cho chúng ta bối rối; và việc từ bỏ niềm tin mù quáng rằng công nghệ mới tất yếu dẫn đến sự thống trị và kiểm soát của con người đối với môi trường của chúng ta. Không chỉ là niềm tin này bị đe dọa bởi các điều kiện hiện tại, nó còn ngăn chúng ta khỏi việc trung thực đối mặt với những lựa chọn khó khăn mà chúng ta phải đưa ra về rủi ro công nghệ-xã hội. Vì chúng ta không thể tránh khỏi những rủi ro hiện tại đối với sự phát triển của con người chỉ bằng cách từ bỏ sự đổi mới công nghệ-xã hội. Như Nick Bostrom đã chú ý, con đường đó khiến chúng ta phải đối mặt với những rủi ro cũng sâu sắc, thậm chí là nguy cơ tồn tại. Trong sự thật, rủi ro đối với tương lai của loài người không thể được loại bỏ. Sự đánh giá khiêm tốn về sự tiếp xúc mạnh mẽ này với rủi ro là cần thiết để có khả năng đưa ra những đánh giá cẩn thận về cách tiếp tục tốt nhất trong trạng thái hiện tại của chúng ta hoặc sự mờ mịt công nghệ-xã hội; các đánh giá không chỉ về những rủi ro công nghệ-xã hội nào nên chấp nhận, mà còn về cách lập kế hoạch cho những thất bại công nghệ-xã hội không tránh khỏi, và đặc biệt là cách bảo vệ các nguồn lực, sự linh hoạt và sự linh hoạt cần thiết để đối phó giữa chừng với những hậu quả không mong đợi của những thất bại và thành công của chúng ta.

Khiêm tốn giống như tất cả các đức tính công nghệ-đạo đức khác, nó là trung bình của sự quá mức và sự thiếu hụt. Sự thiếu hụt là sự lạc quan mù quáng về công nghệ, mà không đặt ra câu hỏi, giả định một cách mù quáng rằng bất kỳ đổi mới công nghệ-xã hội nào cũng luôn là tốt và được biện hộ; rằng những hậu quả tiêu cực không được dự kiến luôn có thể được giảm nhẹ hoặc đảo ngược bằng 'các

biện pháp kỹ thuật' (công nghệ càng nhiều và tốt hơn); và rằng tương lai của sự phát triển của con người được đảm bảo chỉ bằng sức mạnh của ý chí sáng tạo của chúng ta để đổi mới. Một cực khác, tiêu cực về công nghệ, cũng mù quáng và không đánh giá: nó giả định rằng các đổi mới công nghệ mới thường dẫn đến cách sống ít 'tự nhiên' hoặc thậm chí là 'vô nhân tính' hơn (bỏ qua vai trò trung tâm của kỹ thuật trong tiến hóa của con người), và rằng các rủi ro mà chúng đưa ra cho chúng ta hiếm khi được biện hộ bởi những lợi ích tiềm năng. Thái độ này giảm giá trị tiềm năng sáng tạo, khả năng thích ứng của chúng ta và khả năng đưa ra nhận định cẩn thận. Do đó, sự khiêm tốn là trạng thái trung bình: một đánh giá lý lẽ, phê phán nhưng lạc quan về khả năng và sức mạnh sáng tạo của chúng ta, kết hợp với sự tôn trọng lành mạnh đối với sự phức tạp không lường trước của môi trường mà sức mạnh của chúng ta hoạt động và mà chúng ta luôn luôn dễ bị tổn thương. Sự quan trọng của sự khiêm tốn công nghệ-đạo đức sẽ là một chủ đề trung tâm của cuộc thảo luận trong các chương 9 và 10 khi chúng ta xem xét các phát triển mới nổi về robot học và cải tiến y sinh học tương ứng.

6.4 Công lý: Đề cao lẽ phải

[Những đức tính liên quan: Trách nhiệm, Công bằng, Có đi có lại, Từ thiện]

Đức tính công lý có lẽ là đức tính rộng rãi và đa dạng nhất trong cách giải thích của nó, trong chương 4 và 5, chúng ta đã thảo luận về vai trò quan trọng của công lý (dikaiosune) trong đạo đức học của Aristotle, nơi nó thể hiện sự xuất sắc về mặt đạo đức nói chung và hẹp hơn là sự mở rộng thích hợp cho người khác về những gì xứng đáng. Chúng tôi đối chiếu điều này với cách giải thích của Nho giáo trong đó cách đối xử công bằng với người khác, đặc biệt là trong lĩnh vực chính trị, được xếp vào một quan niệm rộng hơn về lòng nhân từ (ren). Trong Phật giáo cổ điển, chủ đề về công bằng chính trị không phải là chủ đề trọng tâm và cũng không được phát triển tốt như trong văn học Aristotle hay Nho giáo. Tuy nhiên, ý thức công bằng phổ quát có thể được coi là tương đương với chính Giáo Pháp: toàn bộ kiến thức Phật giáo đòi hỏi sự quan tâm vô điều kiện đến phúc lợi và phẩm giá của mọi sinh vật.

Mối quan tâm hiện tại của chúng tôi là loại công lý quan trọng nhất để phát triển trong môi trường công nghệ xã hội toàn cầu. Chúng ta hãy gọi đây là công lý công nghệ. Điều này được chia thành hai đặc điểm tính cách có liên quan với nhau nhưng có thể phân biệt được. Đầu tiên là một giải pháp đáng tin cậy để tìm kiếm sự phân phối công bằng và hợp lý các lợi ích và rủi ro của các vấn đề mới nổi. Thứ hai là mối quan tâm đặc trưng về cách các công nghệ mới nổi tác động đến các quyền cơ bản, nhân phẩm hoặc phúc lợi của các cá nhân và nhóm. Công bằng về mặt kỹ thuật đòi hỏi phải đề cao một cách đáng tin cậy tính đúng đắn (các giá trị không gây tổn hại và mang lại lợi ích), cùng với sự công bằng (sa mạc đạo đức) và trách nhiệm (trách nhiệm giải trình về hậu quả của hành động).

Sự vắng mặt của công lý công nghệ là một hiện tượng xã hội ngày càng gây bất ổn. Hãy xem xét những căng thẳng gia tăng ở San Francisco, Thung lũng Silicon và các cộng đồng khác trên toàn thế giới, nơi sự giàu có ngày càng tăng của các nhà đầu tư và công nhân công nghệ cao đã có tác động mạnh mẽ đến mức sống mà cư dân và người lao động trong khu vực lâu dài được hưởng. Vào năm

2013, các nhà hoạt động địa phương ở quận Mission của San Francisco, phản đối giá thuê tăng cao và việc chủ nhà trục xuất khỏi nhà nhằm lợi dụng những người thuê công nghệ giàu tiền mặt, đã liên tục bao vây và chặn các xe đưa đón sang trọng của công ty chuyên chở nhân viên công nghệ của Google, Apple và các Thung lũng Silicon khác. Các công ty đến và đi từ cơ sở làm việc của họ. Phương tiện truyền thông địa phương và quốc gia viết về nhận thức ngày càng tăng về một cộng đồng công nghệ thờ ơ với hạnh phúc của đồng bào họ.

Thêm dầu vào lửa là loạt những tuyên bố công khai không chấp nhận được của các doanh nhân công nghệ như Greg Gopman, CEO của startup AngelHack. Anh chia sẻ sự phẫn nộ của mình với những người vô gia cư "giảm phẩm hạng" và "rác rưởi" của San Francisco, những người không tuân thủ lý tưởng tự phân loại của các thành phố, nơi "phần dưới của xã hội tự giữ cho riêng mình. Họ bán những đồ linh tinh nhỏ, xin lỗi một cách hề phố, giữ im lặng và thường tránh xa khỏi đường đi của bạn. Họ nhận ra đó là một đặc quyền khi ở phần định cư của thành phố và coi bản thân mình như khách mời." Những quan điểm như vậy, nếu không có gì khác, cũng gợi ý về một sự thiếu hụt tàn ác của công bằng công nghệ-đạo đức như đã được xác định ở trên.

Những sự thiếu hụt mới nổi khác về công bằng công nghệ-đạo đức bao gồm sự tách rời trung bình của người tiêu dùng công nghệ khỏi những tổn thất môi trường, kinh tế và chính trị sâu sắc được tạo ra bởi khai thác và tiêu hủy các nguyên tố đất hiếm (REE). Nó được sử dụng trong các thiết bị điện tử và vô số các hiệu ứng phụ tổn hại khác được tạo ra bởi sự phát triển công nghệ-xã hội toàn cầu nhưng được áp đặt lên những cư dân bị loại trừ nhất của hành tinh. Những không đối xứng về quyền lực gây ổn định xã hội được làm phồng to bởi việc khai thác dữ liệu quy mô lớn, giám sát kỹ thuật số lan truyền và đánh giá thuật toán, cũng như chiến tranh robot và máy bay không người lái. Tuy nhiên, chúng ta không thể bỏ qua tiềm năng của các công nghệ mới nổi để phơi bày, giảm nhẹ hoặc khắc phục sự bất công. Ví dụ, các công cụ giám sát kỹ thuật số được sử dụng bởi các chế độ và quyền lực áp bức cũng như chống lại họ. Quyết định làm thế nào để phát triển và sử dụng các công cụ như vậy một cách công bằng và có trách nhiệm hơn, cả ở cấp độ cá nhân và tập thể con người, là lĩnh vực của công bằng công nghệ-đạo đức. Trong các chương 7, 8 và 9, chúng tôi sẽ xem xét một cách cẩn thận hơn về các tác động của các phương tiện truyền thông xã hội mới, giám sát kỹ thuật số và robot quân sự đối với lĩnh vực này.

6.5 Can Đảm: Nỗi Sợ Thông Minh và Hy Vọng

[Các Đức Tính Liên Quan: Hy Vọng, Kiên Định, Can Đảm]

Sự xuất sắc đạo đức của can đảm được thảo luận nhiều trong triết học đạo đức, tuy nhiên ý nghĩa của nó thay đổi rộng rãi theo bối cảnh văn hóa và lịch sử. Trong Sách III của Đạo Đức Nicomachean, Aristotle xác định can đảm (andreia) như là sự trung lập giữa sự nhát gan và sự liều lĩnh - xu hướng sợ "những điều đúng đắn và với động cơ đúng đắn, theo cách đúng đắn và vào thời điểm đúng đắn." Mô hình về can đảm vật lý và quân sự được tìm thấy trong các binh sĩ và vận động viên đã đóng vai trò trung tâm trong việc hiểu biết

về đức tính này của Aristotle. Tuy nhiên, các cuộc thảo luận sau về can đảm trong truyền thống triết học phương Tây, như của Aquinas, đặt nặng vào can đảm tinh thần hoặc đạo đức hơn. Can đảm như vậy là xu hướng đáng tin cậy để sợ sự sai lầm nghiêm trọng và một tính cách bị ảnh hưởng hơn bởi sự sợ hãi mất mát hơn là sợ hãi những nguy hiểm hoặc tổn thương khác mà một người có thể gây ra bằng cách hành động, và nói chung là cân nhắc thông minh và hy vọng.

Khác với tự kiểm soát, chỉ dẫn một người theo đuổi những điều chỉ có thực sự tốt cho bản thân để đạt được, can đảm đòi hỏi sự rủi ro và hy sinh. Trong tất cả các dạng của can đảm, người can đảm sẵn lòng chịu đựng một số tổn thất, từ bỏ một số hữu ích hợp pháp, hoặc khác mắc phải một sự mất mát thực sự để làm những gì cần thiết và đúng đắn. Sự sẵn lòng này phân biệt can đảm đích thực với những bản sao nhợt nhạt của nó: những hành động dường như dũng cảm bởi những người bị mù quáng bởi cảm xúc hoặc sự không hiểu biết về nguy hiểm, tự tin quá mức vào khả năng của họ để tránh nó, hoặc được động viên bởi một lợi ích cá nhân lớn hơn mà họ mong đợi sẽ đạt được, như sự khen ngợi xã hội. Điều đặc biệt về đức tính can đảm tinh thần và đạo đức là nó phải thể hiện bản thân mình trong một sự hướng dẫn bền vững đối với thế giới của một người, không chỉ trong những khoảnh khắc hiểm nguy hiểm gặp như những gì xuất hiện trong trận chiến. Aquinas nhấn mạnh sự "kiên định" của can đảm (*fortitudo*) là cột sống của tất cả các tính cách đạo đức khác; sống đúng là duy trì sự kiên định để hy sinh, rủi ro, hoặc mắc phải tổn thất (thậm chí là cái chết) vì lợi ích của điều tốt, khi điều tốt đó không phải là trò đùa mà là của một trọng lượng tinh thần hay đạo đức đáng kể. Phân tích của Lee Yearley về tài khoản về can đảm của Aquinas đã có sự giúp đỡ đặc biệt ở đây; ông chú ý rằng nó có cả một mặt tích cực và một mặt tiêu cực. Can đảm đòi hỏi sự kiên trì tích cực trong việc theo đuổi tính chất và hy vọng vào điều tốt, và sự nhẫn nại và kiên nhẫn trong việc chịu đựng những đau khổ và mất mát không tránh khỏi liên quan đến việc theo đuổi này suốt cuộc sống. Đức tính của can đảm tinh thần và đạo đức là do đó là một sự tái tạo không ngừng của sự lựa chọn để sống tốt hơn là xấu hơn, bất kể điều này có thể làm mất chúng ta điều gì khác. Như Yearley lưu ý, can đảm cũng đóng vai trò trung tâm trong đạo đức Khổng Tử. Kongzi mô tả can đảm (*yong*) là một đức tính không đứng một mình, mà chỉ khi ủng hộ cho tính chính đạo đức (*yi*); tuy nhiên, có vẻ như người có đức không thể thiếu nó, vì Kongzi nhiều lần xác định nó là một phần của ba mặt của Con Đường (Dao) của người tu. "Người khôn ngoan không bối rối, người Tốt không lo lắng, và người Can Đảm không sợ hãi." Các bình luận lịch sử về những đoạn trích này gợi ý rằng điều này được hiểu là *junzi* không được đánh dấu bởi can đảm hẹp hòi mà bởi can đảm đạo đức.

Như Yearley lưu ý, các cuộc thảo luận về lòng dũng cảm của Mengzi vẫn còn khác xa với quan niệm võ thuật, thậm chí còn khác xa hơn Aquinas, người vẫn bị ảnh hưởng bởi hình mẫu anh hùng của Aristoteles. Ở Mạnh Tử, lòng dũng cảm trong võ thuật chỉ là "bề ngoài" của lòng can đảm, trong khi điều chân thực duy nhất là lòng dũng cảm đạo đức, xu hướng không sợ cái ác hơn là sợ thất bại.

sống đúng đắn: “Tôi mong muốn sự sống, tôi cũng mong muốn lẽ phải; nếu tôi không thể có được cả hai, thay vì sự sống, tôi chọn sự công bình.... Đó là lý do tại sao có những rắc rối tôi không thể tránh khỏi.... Không chỉ những người có giá trị mới có tâm suy nghĩ như vậy, mà tất cả đàn ông đều có; chỉ đơn giản là những người xứng đáng có thể tránh từ bỏ việc nắm giữ nó.

Mạnh Tử đang bác bỏ sự phản đối rằng lòng can đảm đạo đức là về mặt tâm lý.

không thực tế. Trong khi anh ấy vẽ ra một bức tranh về sự hy sinh đạo đức mà ít người trong chúng ta tự tin, chúng ta có thể phản ánh quan điểm của anh ấy rằng ‘tất cả đàn ông’ đều có khuynh hướng ban đầu này là rất quan trọng. Như Yearley lưu ý, Mengzi coi đây là gốc rễ của lòng tự trọng tự nhiên, việc không muốn cho phép bản thân bị hạ thấp. Trong phần còn lại của đoạn văn, Mengzi lưu ý rằng một người ăn xin sắp chết đói sẽ từ chối thức ăn được cho với sự ngược đãi. Tại sao? Bởi vì lòng tự trọng và phẩm giá của anh ta vốn đã bị đe dọa bởi địa vị xã hội thấp kém của anh ta,

cuối cùng đối với anh ta còn quý giá hơn là sự sống sót đơn thuần. Anh ta có thể chịu đựng nhiều cơn đói hơn, thậm chí là cái chết, nhưng anh ta sẽ không chịu đựng sự suy sụp thêm của chính mình. Điều này liên quan thế nào đến lòng dũng cảm đạo đức? Theo quan điểm của Mengzi, phần lớn con người đều khiêm tốn trước mối đe dọa đối với phẩm giá của chính chúng ta do những cách thức bị tổn hại về mặt đạo đức mà chúng ta cho phép mình thực hiện.

sống. Tất cả chúng ta đều có chung khuynh hướng tự nhiên của người ăn xin là bảo vệ phẩm giá của mình, nhưng do cuộc sống tương đối thoải mái của chúng ta, khuynh hướng này không còn được thực hiện tích cực nữa, nó không còn là một phần nhận thức hàng ngày của chúng ta. Việc không thường xuyên quan tâm đến lòng tự trọng và phẩm giá đạo đức của chúng ta dẫn đến việc thiếu lòng can đảm về mặt đạo đức; khi phải lựa chọn giữa việc từ bỏ một số tiện nghi vật chất hoặc xã hội mà chúng ta đã quen với, và việc từ bỏ nhiều hơn sự tôn trọng về mặt đạo đức của mình, thì ý chí chịu đựng cái trước để cứu cái sau của chúng ta sẽ thiếu. Tôi hy vọng rằng nhiều độc giả sẽ thấy quan điểm của Mạnh Tử có tiếng vang không kém trong thế giới đương đại của chúng ta.

Truyền thống đạo đức Phật giáo cũng coi trọng lòng dũng cảm đạo đức. Trong số 'Sáu độ hoàn thiện' về tính cách đạo đức trong kinh điển Đại thừa, một điều thường được dịch là lòng can đảm (vīrya) hoặc nghị lực, nhưng những điều khác trong danh sách cũng gắn liền với lòng can đảm đạo đức. như chúng tôi đã xác định, đặc biệt là nhẫn nhục (ksanti) và sức mạnh (bala). Lòng dũng cảm của người Phật tử cũng phụ thuộc rất nhiều vào sự tương tác giữa hai đức tính liên quan được thảo luận ở chương 4: hri- sự xấu hổ khi làm điều gì đó ác và apatrapya- nỗi sợ làm điều ác. Việc tập thói quen thích hợp và áp dụng thông minh hri và apatrapya tạo ra một khuynh hướng dũng cảm về mặt đạo đức, trong chừng mực một người như vậy sẽ sợ hãi việc sống theo cách suy đồi về mặt đạo đức hơn là có ấy sợ phải chịu đựng những hậu quả trần thế của việc sống đúng đắn.

Lòng dũng cảm đạo đức có vai trò gì trong đời sống xã hội công nghệ thế kỷ 21?

Chắc chắn sự trỗi dậy của chiến tranh robot và kỹ thuật y sinh khiến chúng ta phải đối mặt với nhiều nỗi sợ hãi mới về mặt đạo đức và vật chất. Điều quan trọng hơn bao giờ hết là con người có thể đánh giá đúng điều chúng ta nên sợ nhất, điều chúng ta có thể và phải hy vọng, sợ hãi hay hy vọng đến mức nào, cách hành động tốt nhất theo nỗi sợ hãi và hy vọng của chúng ta và ta nên tự tin đến mức nào. Nỗ lực quản lý rủi ro do các lựa chọn công nghệ xã hội của chúng ta gây ra. Điều này thậm chí còn đúng hơn với những gì chúng tôi đã nói trước đó trong chương này về việc con người ngày càng dễ phải đối mặt với mối nguy hiểm hiện hữu. Chúng ta không còn phải đơn giản cân nhắc những rủi ro tương đối về sự tuyệt chủng vật chất hoặc sự suy thoái đạo đức của chính chúng ta, hoặc thậm chí của những người thân hoặc quốc gia gần gũi của chúng ta; số phận vật chất và đạo đức của toàn thể gia đình nhân loại hiện nay bị ảnh hưởng bởi nhiều lựa chọn công nghệ xã hội của cá nhân và tập thể chúng ta.

6.6 Sự đồng cảm: Mối quan tâm đầy cảm thông đối với người khác

[Những đức tính liên quan: Từ bi, Từ ái, Thông cảm, Từ thiện]

Đức tính đồng cảm có truyền thống lâu đời trong truyền thống đạo đức Nho giáo và Phật giáo, và chúng ta sẽ thấy rằng những hạt giống của đức tính này đã được gieo trồng trong đạo đức học của Aristotle. Tuy nhiên, nó không phải lúc nào cũng được các nhà tư tưởng đương thời xếp vào loại đức tính tốt và được định nghĩa theo nhiều cách tại các cuộc thảo luận đặc biệt cẩn thận. Trước khi khám phá ý nghĩa cổ điển và công nghệ của nó, sẽ rất hữu ích nếu trước tiên thiết lập sự phân biệt thông thường giữa sự đồng cảm và sự thông cảm.

Mặc dù những thuật ngữ này được sử dụng trong nhiều bối cảnh khác nhau và được dịch từ sang các ngôn ngữ khác, nhưng phần lớn “sự cảm thông” đề cập đến một hình thức quan tâm nhân từ đến nỗi đau khổ của người khác. Mặt khác, “sự đồng cảm” thường được dùng để mô tả một hình thức đồng cảm hoặc cảm nhận với người khác, đồng nghĩa với lòng trắc ẩn. Sự đồng cảm có thể bao gồm việc chia sẻ cảm giác đau đớn, sợ hãi, xấu hổ, phẫn khích, vui vẻ hoặc những đam mê khác. Mặc dù chúng ta có thể nói về sự đồng cảm thuần túy về mặt nhận thức (tức là niềm tin chính xác rằng người khác đang trải qua một cảm xúc nào đó), sự đồng cảm thường gắn liền với sự thụ động về thể xác, trải nghiệm bị ảnh hưởng về thể chất bởi cảm xúc của người khác. Đó là một hình thức quan hệ thân mật, mang tính cá nhân hóa; Tôi có thể thông cảm với những bất hạnh của một nhóm cá nhân vô danh ít nhiều có thể hoán đổi cho nhau trong tâm trí tôi, nhưng tôi thường chỉ có thể đồng cảm với một người hoặc một nhóm người cụ thể. Ngay cả một người xa lạ mà tôi đồng cảm cũng sẽ xuất hiện trong trải nghiệm của tôi không phải như một sự trừu tượng, mà như một cá nhân cụ thể, không thể thay thế được với những trải nghiệm cảm xúc cụ thể.

Sự đồng cảm và cảm thông thường tương tác với nhau; một khi tôi thấy mình đồng cảm với những nỗi thất vọng và đau khổ cụ thể của một cựu chiến binh bị thương trong cộng đồng của tôi, người đang vật lộn để thích nghi với cuộc sống, tôi có thể có xu hướng thông cảm hơn với hàng triệu cựu chiến binh khác đang phải đối mặt với những thách thức tương tự. Tương tự như vậy, sự cảm thông chung được trau dồi và thông tin đầy đủ đối với các nạn nhân của bắt nạt qua mạng có thể khiến tôi dễ đồng cảm hơn với một học sinh trong trường của con tôi đang bị trầm cảm và lo lắng nghiêm trọng do bị quấy rối trực tuyến – ngay cả khi con của tôi là một trong những kẻ bắt nạt. Sự đồng cảm và cảm thông cũng có thể được khơi dậy và kích thích bởi hoạt động quan tâm; do đó chúng có mối liên hệ mật thiết với đức tính chăm sóc được mô tả trong phần tiếp theo. Tuy nhiên, một hình thức đồng cảm được coi là một đức tính đạo đức theo đúng nghĩa của nó. Đây là sự đồng cảm được hiểu không phải là cảm xúc được chia sẻ đơn giản, cũng không phải là sự hiểu biết đơn thuần về trạng thái tinh thần của người khác, mà là một khuynh hướng được trau dồi để thống nhất một cách đáng tin cậy các khía cạnh cảm xúc và nhận thức này trong mối quan tâm tích cực dành cho người khác.

Theo nhà tâm lý học C. Daniel Batson, chúng ta có thể phân loại mối quan tâm đồng cảm này” là “trạng thái động lực với mục tiêu cuối cùng là tăng cường phúc lợi cho người khác”.

Được định nghĩa là một đức tính công nghệ, đó là sự cởi mở được trau dồi để được thúc đẩy về mặt đạo đức trước hành động quan tâm bởi cảm xúc của các thành viên khác trong thế giới công nghệ xã hội của chúng ta. Có bằng chứng thực nghiệm cho tuyên bố rằng mối quan tâm đồng cảm có thể được trau dồi một cách tích cực như một khuynh hướng; như với bất kỳ đức tính nào, sự đồng cảm có thể được thể hiện ít nhiều một cách khôn ngoan. Điều đó tạo nên sự khác biệt lớn đối với tính cách của tôi cho dù tôi có bị lay động bởi sự quan tâm đồng cảm vào đúng thời điểm và địa điểm, bởi đúng người và với cường độ phù hợp hay không. Ví dụ, nếu anh trai tôi là một hacker hiểm độc đang phải đối mặt với hình phạt khắc nghiệt vì cố tình lừa gạt hàng triệu người già dễ bị tổn thương, thì sự xuất sắc về mặt đạo đức của tôi trong tình huống này đòi hỏi năng lượng tinh thần và cảm xúc của tôi phải được hòa hợp và cảm động một cách thỏa đáng trước nỗi đau khổ của các nạn nhân này và không bị tiêu hao một cách không thích đáng bởi sự quan tâm đến những rắc rối của anh trai tôi. Mặt khác, hoàn toàn thờ ơ với nỗi đau khổ hiện tại và tương lai của anh tôi cũng là một điều xấu xa. Việc trau dồi sự đồng cảm một cách thích hợp là một thách thức đặc biệt trong điều kiện công nghệ hiện tại của chúng ta và đáng được đặc biệt chú trọng. Chúng tôi sẽ nói nhiều hơn về điều này trong thời gian ngắn. Nhưng vì các nhà đạo đức học phương Tây thường bỏ qua đức tính đồng cảm, nên cần nói thêm một chút về nguồn gốc cổ điển của nó trong các truyền thống đạo đức và cách chúng ta có thể bảo vệ đặc tính của mình về nó như một đức tính kỹ thuật.

Sự đồng cảm đóng một vai trò quan trọng trong đời sống nhân đức mà Aristotle mô tả, tuy nhiên ông không xếp nó vào một trong những đức tính tốt, bởi vì ông thiếu khái niệm về sự đồng cảm như một trạng thái hoặc khuynh hướng được trau dồi. Điều đó nói lên rằng, lời tường thuật của anh ấy không chỉ thừa nhận sự đồng cảm như một khả năng 'cảm nhận với' người khác, mà anh ấy còn biến nó thành một yếu tố cấu thành của tình bạn có đạo đức. Trong sự đồng cảm, một người có đạo đức “vui buồn cùng (sunalgounta kai sunchaironta)” bạn mình, theo cách góp phần vào sự phát triển của bạn mình.

trải nghiệm về người đó như một “cái tôi thứ hai”. Tuy nhiên, Aristotle coi sự đồng cảm là niềm đam mê tự phát bùng phát một cách tự nhiên chứ không phải do sự lựa chọn. Mặt khác, đức hạnh là những trạng thái tính cách phát sinh từ sự lựa chọn có chủ ý và tuân theo sự chỉ đạo, điều chỉnh và trau dồi cách thể hiện hợp lý. Ngược lại, ông mô tả sự đồng cảm là một cảm giác tự nhiên không chỉ ảnh hưởng đến những sinh vật có lý trí mà còn cả những động vật khác.

Vậy thì tại sao Aristotle coi sự đồng cảm là một dấu hiệu đặc biệt của tình bạn đẹp, lưu ý rằng niềm đam mê này là không thể xảy ra đối với những người thiếu đức hạnh, những người, do thiếu vắng một tâm hồn đáng được yêu thương, thậm chí không thể “vui mừng hay đau buồn với chính mình” hơn nhiều với một bạn bè? Làm thế nào mà đối với Aristotle, tổ tiên con người và thậm chí cả loài chim

có thể đồng cảm, còn người xấu thì không? Mỗi liên hệ chặt chẽ giữa sự đồng cảm và đức hạnh của Aristotle là không thể phủ nhận, nhưng vẫn còn khó hiểu. Lưu ý rằng đối với Aristotle, chỉ thiện chí lẫn nhau, nếu không có cảm giác đồng cảm thì là không đủ cho tình bạn có đạo đức. Anh ấy nói rằng với những người mà chúng tôi chỉ có thiện chí, chúng tôi cầu chúc những điều tốt lành cho họ nhưng “chúng tôi sẽ không làm bất cứ điều gì với họ... cũng như không gây rắc rối cho họ”. Sự đồng cảm ở đây dường như là một yếu tố thúc đẩy chúng ta quyết định tham gia vào hoạt động chăm sóc cùng hoặc vì người khác. Nhưng liệu Aristotle có đúng khi cho rằng sự đồng cảm không bao giờ được nuôi dưỡng bởi sự lựa chọn hoặc được định hướng bởi lý trí?

Điều này có vẻ không hợp lý nếu chúng ta tham khảo kinh nghiệm của chính mình. Đối với hầu hết con người, sự đồng cảm là một danh tiếng run rẩy luôn gần như bị dập tắt bởi sự thờ ơ hoặc hoài nghi, hoặc mong muốn che chắn bản thân khỏi đau khổ. Để cho phép trải nghiệm đầy đủ về sự đồng cảm là mở lòng ra để đón nhận những niềm vui nhưng cũng là nỗi đau của người khác, nhiều người trong chúng ta thường chọn cách trốn tránh một cách đáng tiếc từ trải nghiệm này—hoặc bằng cách tránh những tình huống có thể khiến nó xảy ra, hoặc bằng cách luân phiên suy nghĩ của chúng ta (“dựng một bức tường”) để tạo khoảng cách về mặt cảm xúc, có lẽ trong khi vẫn duy trì vẻ bề ngoài của hành vi quan tâm. Ngay cả sau khi mở để có được sự đồng cảm, chúng ta phải liên tục lựa chọn liệu có cho phép bản thân vẫn cảm động trước hoàn cảnh của người khác, hoặc rút lui về mặt cảm xúc và thôi gần gũi. Điều sau có thể cần thiết về mặt tâm lý, thậm chí hợp lý về mặt đạo đức—do đó cần có sự cân nhắc sáng suốt để thể hiện sự đồng cảm, như với tất cả các đức tính khác. Tuy nhiên, với việc lặp lại lựa chọn tiếp tục cởi mở, chúng ta có thể trở nên cởi mở hơn hoặc thậm chí chào đón sức nặng cảm xúc. Sự đồng cảm như một sự quan tâm từ bi, thì phải thật tinh tế và đúng đắn, được vun trồng một cách có ý thức nếu nó muốn tồn tại và phát triển hơn là héo úa trên cây nho. Alasdair MacIntyre đưa ra quan điểm tương tự đối với nhân đức đặc trưng Aquinas

là sự thương hại (misericordia). MacIntyre nhắc nhở chúng ta rằng “tình cảm và sự thông cảm nói chung, nếu không phải luôn luôn, ở một mức độ đáng kể trong tầm kiểm soát của chúng ta, ở ít nhất là về lâu dài.” Theo MacIntyre, misericordia không chỉ là một đức tính tốt mà nó còn là một trong những “đức tính của sự phụ thuộc được thừa nhận” quan trọng nhất đối với sự phát triển của chúng ta với tư cách là động—loài người, một loài mà Aristotle đã nhầm lẫn đánh giá thấp khỏi ảo tưởng của mình quan điểm về sự bất khả xâm phạm và đặc quyền của nam giới. Nếu Aristotle nhận ra điều này, ông ấy sẽ công nhận sự đồng cảm là một đức tính tốt, cần thiết cho một cuộc sống tốt đẹp. Vì nếu không có sự đồng cảm thích hợp, chúng tôi sẽ không tham gia trong những hình thức cao nhất của tình bằng hữu con người, như chính ông cũng thừa nhận. Chúng ta phải thực hiện một sự khác biệt mà Aristotle không làm: giữa sự đồng cảm như một bản năng tự nhiên, không được trau dồi và niềm đam mê không được lựa chọn, và sự làm giàu có chủ ý năng lực cơ bản này thành một đức tính đạo đức của sự quan tâm đồng cảm, một đức tính đòi hỏi khả năng tự nhiên để được người khác rung động tình cảm nhưng đòi hỏi sự lựa chọn và thói quen thông minh được định hướng đúng đắn và thể hiện một cách đáng tin cậy. Sự khác biệt này

có thêm lợi ích của việc giải quyết câu đố trước đó: đó là làm thế nào một con chim có thể đồng cảm (trong nghĩa thứ nhất, vô văn hóa), trong khi người xấu thì không thể (theo nghĩa thứ hai, về mặt đạo đức). Nói tóm lại, Aristotle có thể đã thừa nhận sự đồng cảm như một nếu ông có được cái nhìn tốt hơn về sự hội nhập và cùng phát triển của tình cảm đạo đức và lý trí đạo đức ở con người, cũng như bản chất thiết yếu về sự dễ bị tổn thương của con người trong việc đặt nền tảng cho các mối quan hệ đạo đức giữa con người với nhau.

Trong truyền thống đạo đức châu Á, đức tính đồng cảm dễ hiểu hơn. Theo truyền thống đạo đức Nho giáo, đức tính thông thường được dịch là “sự đồng cảm”, “sự có đi có lại đồng cảm”, “sự quan tâm thông cảm” hoặc “sự hiểu biết”, trong đó ‘hiểu biết’ không có nghĩa là trí tuệ tách rời mà là khả năng đặt mình vào vị trí trong hoàn cảnh của người khác, để nắm bắt một cách trực giác không chỉ những gì họ đang diễn ra thông qua những gì nó đòi hỏi như một phản ứng đạo đức. Quan niệm của Khổng Tử về ‘trái tim’ (xin) không phân chia một cách giả tạo cảm giác đồng cảm với đạo đức thông minh, những người theo Nho giáo dễ dàng coi sự đồng cảm là một đức tính cần trau dồi.

Trong Luận ngữ, shu được mô tả là “một từ có thể dùng làm kim chỉ nam cho cả cuộc đời một con người”, xoa dịu những yêu cầu cố định về nghĩa vụ hoặc lòng trung thành (zhong). Do đó, nó đóng một vai trò thiết yếu trong trí tuệ thực tế, bằng cách thúc đẩy tính linh hoạt sáng suốt trong việc áp dụng hoặc các quy ước đạo đức vốn rất cần thiết đối với tính cách mẫu mực của quân tử.

Thực cũng đóng một vai trò quan trọng trong cách kể về đức hạnh của Mạnh Tử; anh ấy nói với chúng ta rằng “trong việc tìm cách trở thành một con người... không có gì gần gũi hơn việc làm việc chăm chỉ ở shu.” Ở đây chúng ta thấy có sự tương đồng với sự phân biệt giữa sự đồng cảm như một niềm đam mê tự nhiên, tự phát và sự đồng cảm như một trạng thái được trau dồi có chủ ý. Vì trong khi sự đồng cảm là thứ mà chúng ta phải ‘làm việc chăm chỉ’ để có được như một đức tính tốt, thì Mengzi đã tuyên bố nổi tiếng rằng bất kỳ con người bình thường nào cũng sẽ trải qua.

sự kinh hãi đầy thương xót khi nhìn thấy một đứa trẻ sắp rơi xuống giếng, và rằng “tất cả con người đều có tấm lòng (xin) không thể chịu nổi khi nhìn thấy nỗi đau khổ của người khác”. “Trái tim/tâm trí thương xót” này là “hạt giống” hay “mầm” hay phản ứng đồng cảm tự nhiên mà từ đó đức tính trưởng thành của shu có thể được trau dồi, nếu có thói quen và nỗ lực thích hợp.

Khái niệm đồng cảm cũng cộng hưởng mạnh mẽ với hai khái niệm đạo đức Phật giáo mà chúng ta đã gặp trước đây: lòng bi mẫn (karunā) và niềm vui cảm thông (muditā). Sự kết hợp của họ đề cập đến yếu tố đồng cảm thường bị bỏ qua ở phương Tây — cụ thể là, tầm quan trọng về mặt đạo đức của việc cảm động trước niềm vui cũng như nỗi đau của người khác. Khác với lòng từ (maitrī), là lòng nhân từ phổ quát mà không hàm ý sự gắn bó tình cảm với một người cụ thể nào khác, karunā và muditā hàm ý tính thụ động về mặt cảm xúc khi bị ảnh hưởng bởi trạng thái tồn tại của người khác. Do đó, chúng truyền tải tính cụ thể về mặt cảm xúc mà khái niệm của chúng

ta yêu cầu. Tuy nhiên, theo quan điểm Phật giáo, người càng tu dưỡng thì càng có khuynh hướng mở rộng *karunā* và *muditā* mà không phân biệt. Trong khi chính những chúng sinh cụ thể khơi dậy mối quan tâm đồng cảm của Bồ tát, thì đối với cô, sự phân biệt về quan hệ họ hàng và quan hệ chính trị ngày càng không liên quan đến tình cảm đạo đức của cô.

Giáo lý Phật giáo nêu rõ rằng quan tâm đồng cảm là một đức tính cần phải tích cực trau dồi thông qua thực hành đạo đức. Như học giả Phật giáo Dale Wright lưu ý: Phần lớn, lòng trắc ẩn là thứ chúng ta học cách cảm nhận... chúng ta không thể cảm thấy lòng trắc ẩn chỉ bằng cách quyết định cảm nhận nó, hoặc bằng cách tự nhủ rằng trách nhiệm của chúng ta là phải cảm nhận nó. Tuy nhiên, chúng ta có khả năng phát triển lòng bi mẫn bằng cách trau dồi suy nghĩ và cảm xúc của mình theo những cách có thể giúp được điều đó. Đây là chức năng

của việc thực hành bố thí. Biến tính cách hào phóng [*dāna*] trở thành mục đích rõ ràng của việc tu dưỡng bản thân, chúng ta hình thành những suy nghĩ, cảm xúc và khuynh hướng của mình theo hướng một hình thức xuất sắc cụ thể của con người.

Ngược lại với Mengzi, điều này cho thấy rằng bất kỳ lòng trắc ẩn hay sự đồng cảm bẩm sinh nào mà chúng ta có đều vô cùng hạn chế về sức mạnh đạo đức của nó. Tuy nhiên, ngay cả ở đây, sự mở rộng thích hợp của sự đồng cảm tự nhiên vẫn được coi là mục tiêu chính của việc thực hành đạo đức. Theo thời gian, việc thực hành như vậy dần dần khiến tôi quen với những mối quan tâm hướng ngoại và giúp tôi hiểu rõ hơn những đau khổ và niềm vui của người khác. Đối với một Phật tử, những điều này dần dần “làm dịu đi” và cuối cùng xóa bỏ những ranh giới cứng rắn trước đây giữa bản thân/người khác, họ hàng/

người lạ, công dân/người ngoài hành tinh, con người/động vật và các cấp độ nhị nguyên khác của mối quan tâm đồng cảm. Tuy nhiên, những người theo Nho giáo vẫn coi những sự phân biệt này có ý nghĩa quan trọng về mặt đạo đức. Vì vậy, chúng ta thấy rằng có sự khác biệt lớn về văn hóa liên quan đến cách thể hiện phù hợp của sự đồng cảm, nhưng có một trường hợp mạnh mẽ coi nó như một đức tính đạo đức được trau dồi.

Tuy nhiên, đó có phải là một đức tính kỹ thuật? Trong giới học thuật và truyền thông, sự căm ghét phổ biến giữa các nền văn hóa và tôn giáo trong một thế giới mà nhờ thông tin chỉ là sự phóng chiếu của phương tiện truyền thông, và nếu có thật, liệu nó có liên quan đến công nghệ hay không và ở mức độ nào, là những câu hỏi nghiêm túc cho nghiên cứu thực nghiệm trong tương lai. Tuy nhiên, hầu hết đều đồng ý rằng thông tin chung toàn cầu chắc chắn không giải quyết được vấn đề kéo dài những trở ngại lớn nhất đối với sự phát triển của loài người: chiến tranh, áp bức, hận thù và bạo lực về tình dục, tôn giáo và chủng tộc; lạm dụng phụ nữ, trẻ em và người già; và tình trạng nghèo đói, đói kém, bệnh tật và suy thoái môi trường lan rộng.

Văn hóa kỹ thuật số không những không làm giảm bớt sự thiếu hụt sự đồng cảm của thế giới mà còn xem xét tuyên bố gây tranh cãi của một số nhà nghiên cứu rằng 'những người bản địa kỹ thuật số' được nuôi dưỡng bằng công nghệ thông tin và các phương tiện truyền thông mới đang ngày càng thiếu hụt mối quan tâm về sự đồng cảm và/hoặc có xu hướng mắc chứng tự ái bệnh lý. Những báo cáo như vậy được nhiều người đón nhận. Họ ngày càng cảm thấy lo ngại về một xã hội nơi mọi người luôn chăm chú vào màn hình, từ chối giao tiếp bằng mắt hoặc phản hồi các yêu cầu hỗ trợ.

hoặc sự đồng hành, thậm chí từ bạn bè và các thành viên trong gia đình. Nếu nghiên cứu thực nghiệm sâu hơn nhằm đưa ra một số phiên bản của 'giả thuyết lòng tự ái kỹ thuật số', thì chắc chắn đó sẽ là điềm báo xấu cho tương lai của quá trình sinh trưởng của con người nếu không có sự can thiệp hiệu quả nào đó. Tất nhiên, ngay cả khi giả thuyết này đúng thì nó cũng chỉ khẳng định mối tương quan. Nó không xác định được nguyên nhân của xu hướng được cho là này. Nghi ngờ rằng bản thân văn hóa kỹ thuật số có thể là một phần nguyên nhân là điều dễ hiểu, nhưng tại thời điểm này quá rộng và không bị ràng buộc với dữ liệu đáng tin cậy để có thể sử dụng nhiều.

Giả sử hiện tại rằng văn hóa kỹ thuật số không khiến chúng ta trở thành những người tự ái, liệu nó có tạo điều kiện cho việc nuôi dưỡng sự đồng cảm rộng rãi hơn không? Suy cho cùng, xã hội thông tin cho phép chúng ta trở thành nhân chứng ảo trực tiếp cho những bi kịch và niềm vui của con người theo cách chưa từng có trước đây. Điều đó nói lên rằng, nhiều người than thở rằng các phương tiện truyền thông mới cho phép các hành động đầu tư ít về mặt cảm xúc như 'quan tâm đến nhấp chuột' và 'hoạt động gắn hashtag', chẳng hạn như 'thích' hoặc đăng lại các câu chuyện, như những phản ứng được xã hội chấp nhận đối với các sự kiện thường đòi hỏi những biểu hiện mạnh mẽ hơn về sự quan tâm và chăm sóc đồng cảm.

Những người khác lo lắng rằng văn hóa kỹ thuật số khuyến khích một hình thức 'kiệt sức đồng cảm', nơi lo lắng vô tận rằng văn hóa kỹ thuật số khuyến khích một hình thức 'kiệt sức đồng cảm', nơi vô số câu chuyện trên mạng xã hội và nguồn cấp dữ liệu video về đau khổ và bi kịch, cũng như dòng đời vui vẻ những sự kiện được chia sẻ bởi những người cùng lứa tuổi của chúng ta, cuối cùng sẽ dẫn đến tình trạng quá tải về mặt cảm xúc, tê liệt hoặc thờ ơ cam chịu.

May mắn thay, chúng ta không cần biết liệu văn hóa kỹ thuật số có góp phần làm giảm sự đồng cảm của con người hay không để hành động. Chúng ta đã biết rằng sự hình thành bốn con người trong tương lai khó có thể xảy ra nếu không có sự mở rộng đáng kể về mối quan tâm thấu cảm – vì chúng tôi đã nói rằng sự thiếu hụt sự đồng cảm toàn cầu là trở ngại lớn cho sự hình thành bốn con người ngày nay và đã tồn tại trong nhiều thiên niên kỷ. Nhu cầu đạo đức về sự đồng cảm nhiều hơn của con người không phải là điều mới lạ trong thời đại kỹ thuật số. Nhưng nhu cầu ngày càng tăng, không chỉ vì một số nguyên nhân khiến gia đình nhân loại ngày càng có mạng lưới và phụ thuộc lẫn nhau đòi hỏi rằng chúng ta sẽ thấy mình phải đối mặt với nhiều hoàn cảnh hơn bao giờ hết. Hãy xem xét

việc tự vấn tâm hồn toàn cầu sau đợt bùng phát Ebola năm 2014 về những nạn nhân của căn bệnh mà lẽ ra chúng ta phải chuyển đến để chăm sóc, và ở đâu, bởi ai, trong bao lâu và tốt như thế nào; những câu hỏi tương tự đã nảy sinh trong cuộc khủng hoảng người tị nạn Syria năm 2015. Việc xác định xem chúng ta nên cảm thông với ai, khi nào và ở mức độ nào, là một vấn đề đạo đức ngày càng khó giải quyết hơn chứ không phải dễ dàng hơn. Nếu con người không thể phát triển trên một hành tinh ngày càng được kết nối và phụ thuộc lẫn nhau nếu không trau dồi sự đồng cảm rộng rãi hơn như một đức tính tốt, thì tốt hơn hết chúng ta nên bắt đầu làm việc chăm chỉ hơn nhiều về điều đó. Chương 7, 8 và 9 hãy xem xét kỹ hơn về điều đó. làm thế nào chúng ta có thể bắt đầu thực hiện điều này trước những thách thức đặc biệt đối với sự đồng cảm về mặt công nghệ do các phương tiện truyền thông mới, giám sát kỹ thuật số phổ biến và robot tiên tiến đặt ra.

6.7 Chăm sóc: Yêu thương phục vụ người khác

[Những đức tính liên quan: Sự rộng lượng, Tình yêu thương, Sự phục vụ, Từ thiện]

Một đức tính không có nhân đức nào tương đương hoàn toàn trong các truyền thống cổ điển, mặc dù nó gần gũi với các đức tính Kitô giáo như tình yêu thương và lòng bác ái đó là “Quan Tâm tới người khác”. Một điểm gần tương tự khác là đức nhân của Nho giáo, không phải theo nghĩa rộng hơn là “đức hạnh trọn vẹn” mà theo nghĩa hẹp hơn là “lòng nhân từ nhân đạo”: một xu hướng đáng tin cậy để tích cực thúc đẩy lợi ích của người khác mà một người bị ràng buộc bởi gia đình hoặc gia đình. quan hệ chính trị. Trong Phật giáo, đức tính gần nhất với ý nghĩa của từ ‘chăm sóc’ là bố thí, thường được dịch là ‘bố thí’. Là một trong Sáu Ba La Mật của nhân cách trong Phật giáo.

Theo truyền thống Đại thừa, dāna thể hiện qua thói quen bố thí vật chất và tinh thần, đồng thời thúc đẩy sự giải thoát khỏi những ràng buộc cá nhân và quan tâm sâu sắc đến lợi ích của người khác. Đức tính quan tâm gần như tương ứng với tất cả, nhưng chính xác là không có khái niệm cổ điển nào trong số này, mặc dù đức tính nhân của Nho giáo có thể là gần nhất, do nền tảng của nó là trách nhiệm đạo đức của tình yêu gia đình. Khái niệm chăm sóc như một đức tính tốt cũng gắn liền với sự xuất hiện của đạo đức chăm sóc vào cuối thế kỷ 20, một cách tiếp cận bắt nguồn từ những phê phán nữ quyền đối với các lý thuyết đạo đức dựa trên quyền truyền thống.

Chúng tôi sẽ định nghĩa chăm sóc công nghệ tạm thời là một cách xử lý khéo léo, chu đáo, có trách nhiệm và đáp ứng về mặt cảm xúc để đáp ứng cá nhân nhu cầu của những người mà chúng tôi chia sẻ môi trường công nghệ xã hội của mình. Sự quan tâm có liên quan chặt chẽ với đức tính đồng cảm như sự quan tâm đầy cảm thông, tuy nhiên những đức tính này không giống nhau. Một người nào đó có thể được cảm động về mặt đạo đức bởi sự đồng cảm để xoa dịu nỗi đau của người khác nhưng lại thiếu kỹ năng, kiến thức hoặc nguồn lực về mặt đạo đức để đưa ra sự chăm sóc hiệu quả – thực sự đây là một lý do chính tại sao các tổ chức từ thiện và nghề chăm sóc tồn tại, để chúng ta có thể cho phép người khác chăm sóc cho những người mà chúng ta đồng cảm hoặc thông cảm nhưng bản thân

lại không có điều kiện chăm sóc. Ngược lại, trong mọi trường hợp hoặc bối cảnh, việc thực hiện việc chăm sóc đạo đức của một người có đạo đức không nhất thiết phải được thúc đẩy bởi sự quan tâm đồng cảm ngay lập tức. Đức tính quan tâm có thể được thực hiện đối với những chúng sinh không có khả năng chịu đựng đau khổ hoặc niềm vui về mặt sinh lý, hoặc hoặc theo những cách có tính định hướng hơn là bị kích động bởi lòng thương xót ngay lập tức.

Tuy nhiên, có một ý nghĩa trong đó sự chăm sóc có đạo đức, ngay cả khi không có những trải nghiệm tức thời về sự quan tâm đồng cảm, vẫn phải được thúc đẩy bởi cảm nhận chung về tầm quan trọng của việc yêu thương phục vụ người khác. Các thực hành và khuynh hướng chăm sóc khéo léo thường được cho là phát triển từ công sức chăm sóc của bà mẹ, người cha và con cái; do đó, quan điểm của nhiều nhà đạo đức chăm sóc rằng trải nghiệm chung của phụ nữ với tư cách là người chăm sóc chính cho gia đình là một nguồn hiểu biết đạo đức đặc biệt có liên quan. Có nhiều tranh luận về việc liệu đạo đức chăm sóc có nên được xếp vào một khuôn khổ bao quát hơn về đạo đức đạo đức hay không, hay liệu nó có thể hiện một cách suy nghĩ độc lập về mặt lý thuyết về đạo đức hay không. Cuốn sách này có quan điểm trước đây; Sự quan tâm có thể là một đức tính cốt yếu, nhưng không rõ liệu tất cả những đức tính khác có thể được định nghĩa thỏa đáng như là sự mở rộng của tính cách quan tâm hay không.

Nhân đức chăm sóc quan tâm người khác có sự liên quan đặc biệt nào đối với thời đại đời sống công nghệ xã hội? Tại sao chúng ta lại chọn nó như một đức tính kỹ thuật? Hãy xem xét làm thế nào các hệ thống đặc quyền kinh tế và xã hội từ lâu đã cho phép các cá nhân thoái thác trách nhiệm thực hiện các hoạt động chăm sóc bằng cách giao các trách nhiệm này cho những người được thuê thay thế hoặc ngày càng sử dụng công nghệ để đáp ứng các nhu cầu mà trước đây chỉ có thể được đáp ứng bởi sức lao động tích cực của con người, người chăm sóc.

Theo quan điểm của nhà đạo đức chăm sóc Joan Tronto, những con người được hưởng đặc quyền như vậy có nguy cơ ngày càng kém khả năng chăm sóc, kém thoải mái về mặt cảm xúc khi ở gần sự dễ bị tổn thương và yếu đuối, ít chú ý và đáp ứng nhu cầu hơn cũng như ít trách nhiệm hơn với bản thân và người khác. Trong chừng mực việc thực hành chăm sóc khéo léo là một kinh nghiệm hình thành trong việc trau dồi đạo đức bản thân, sự suy giảm về chăm sóc này có khả năng tàn phá sự phát triển tập thể của chúng ta. Trong cuộc sống kỹ thuật-xã hội hiện đại cần lắm việc giữ gìn đạo đức tam quan.

Việc sử dụng công nghệ để giảm bớt sức lao động và gánh nặng cho chúng ta có phải là điều xấu không? Rất ít người phản đối việc sử dụng cần cẩu hiện đại để nâng và định vị các vật thể lớn, máy bay cơ học để làm sạch nước thải hoặc việc phát minh ra máy tia hột bông. Những đổi mới công nghệ trong tương lai sẽ tiếp tục làm giảm khả năng con người tiếp xúc với 'ba chữ D': công việc 'buồn tẻ, bẩn thỉu và//hoặc nguy hiểm'. Tuy nhiên, bản thân công việc chăm sóc con người có thể buồn tẻ, bẩn thỉu và thậm chí nguy hiểm; từ việc đu đưa đứa trẻ đang khóc đến việc thay tã cho cha mẹ già cho đến nỗ lực của một nhân viên y tế hoặc cứu trợ trong vùng chiến sự.

Công nghệ cũng hứa hẹn sẽ giúp giảm bớt những lao động này; nhiều bậc cha mẹ thuộc tầng lớp trung lưu ngày nay đã sở hữu một chiếc nôi hoặc xích đu cơ học để dỗ dành trẻ sơ sinh của họ, và sự gia tăng được dự đoán của 'carebots' có thể sớm cho phép robot thay thế cho David hoặc Junior một cách kín đáo. Tương tự như vậy, các cơ quan nghiên cứu quân sự như DARPA của Hoa Kỳ đã tài trợ cho nghiên cứu về robot y tế và các tổ chức phi chính phủ đang tìm cách sử dụng máy bay không người lái giá rẻ để vận chuyển thực phẩm và thuốc men đến những ngôi làng bị chiến tranh tàn phá một cách an toàn.

Dễ dàng thấy rằng, các bậc cha mẹ bớt kiệt sức và căng thẳng hơn, ít nhân viên y tế bị thương hơn và ít nhân viên cứu trợ bị các lãnh chúa chiến binh bắt làm con tin đều là những điều tốt. Tuy nhiên, nếu chúng ta nhớ lại quan điểm của các nhà đạo đức chăm sóc rằng chúng ta trở thành con người có đạo đức phần lớn bằng cách dạy bản thân cách tích cực đáp ứng và đáp ứng nhu cầu của người khác, chúng ta sẽ thấy cái giá phải trả về mặt đạo đức kèm theo xu hướng mở rộng các công nghệ thay thế cho việc chăm sóc con người. Nếu không tiếp xúc mật thiết và liên tục với sự phụ thuộc lẫn nhau, sự dễ bị tổn thương, sự yếu đuối, sự quan tâm và lòng biết ơn của chúng ta dành cho nhau, thì không rõ làm thế nào chúng ta có thể trau dồi đạo đức của mình. Thậm chí Aristotle, nhà đạo đức học nổi tiếng đã thiếu sót trong việc nhận thức về các đức tính 'nữ tính' và sự yếu đuối của con người, nhận xét rằng phẩm chất đạo đức và sự phát triển đều cần có cơ hội để đáp ứng nhu cầu của người khác, không phải trong những hành động cứu trợ gián tiếp mà trong mối quan hệ gần gũi như tình bạn.

Tuy nhiên, một sự hiểu biết phong phú hơn về sự quan tâm trong thế kỷ 21 phải thông minh kết hợp với sự trợ giúp của công nghệ thay vì loại trừ nó. Một người quan tâm khôn ngoan thực hành liệu có từ chối cơ hội giao phát thuốc cứu mạng hoặc thức ăn bằng drone chỉ vì nó không được trao bằng cách chạm tay? Liệu một cách giao phát như vậy có ít gần gũi hơn trong sự chăm sóc so với việc hòa mình hộp thức ăn và thuốc từ phía sau của một chiếc xe tải cứu trợ khi nó tiếp tục di chuyển đến làng tiếp theo không? Trong mỗi chương của Phần III trong tài liệu này, chúng tôi sẽ hoàn toàn không coi các công nghệ mới nổi như kẻ thù của đức tính quan tâm, mà thay vào đó chúng tôi xem xét làm thế nào các công nghệ mới nổi có thể thúc đẩy sự phát triển của con người bằng cách tích hợp thành công vào thực hành quan tâm. Tuy nhiên, nguy cơ vẫn tồn tại rằng quỹ đạo văn hóa hiện tại của chúng ta sẽ bỏ qua sự tích hợp này và thay vào đó chỉ tìm kiếm các lộ trình công nghệ mạnh nhất để đáp ứng nhu cầu của người khác mà không quan tâm đến nhu cầu đạo đức của chúng ta để nuôi dưỡng bản thân chính ta thành những người quan tâm đầy đủ. Mối quan hệ tình tế giữa các công nghệ mới nổi và đức tính quan tâm kỹ thuật sẽ là trọng tâm của việc xử lý của chương 9 xã hội robot.

6.8 Lịch sử: Tạo ra Mối Liên Kết Chung

[Các Đức Tính Liên Quan: Tôn Trọng, Sự Chịu Đựng, Sự Tham Gia, Tình Bạn]

Lịch sự có mối liên hệ gần gũi với cả các khái niệm đạo đức cổ điển và đương đại. Tuy nhiên, các thách thức của cuộc sống trong thế kỷ 21 đòi hỏi một cách hiểu mới về lịch sự kỹ thuật đạo đức. Tạm thời, hãy định nghĩa điều này như là một thiên hướng chân thành để sống tốt với đồng bào của một xã hội thông tin toàn cầu mạng: để cùng nhau và một cách khôn ngoan thảo luận về các vấn đề của chính sách và hành động chính trị cả ở cấp địa phương, quốc gia và toàn cầu; để giao tiếp, giải trí và bảo vệ các quan điểm riêng về cuộc sống tốt lành; và để cùng nhau làm việc hòa bình về những điều tốt đẹp của cuộc sống kỹ thuật xã hội mà chúng ta mong muốn và hy vọng chia sẻ với nhau. Đó là một thiên hướng để "tạo ra mối liên kết chung" với tất cả những người hiện tại đã được kết nối thông qua công nghệ xã hội.

Đức tính này đòi hỏi nhiều hơn so với những gì từ việc sử dụng hẹp hòi của thuật ngữ tiếng Anh "lịch sự" đề cập đến, nghĩa là sự tôn trọng và giao tiếp lịch thiệp. Lịch sự kỹ thuật đạo đức là một hình thức mạnh mẽ hơn của lòng yêu nước toàn cầu, một thiên hướng được thể hiện một cách đáng tin cậy và thông minh để đánh giá cuộc sống đạo đức thương mại trong bối cảnh xã hội toàn cầu và hành động theo đúng điều này. Một thói quen chỉ là sự lịch thiệp không đồng nghĩa với đức tính này, vì một người muốn rằng cô ấy không phải chịu đựng ý kiến chính trị của người khác, hoặc mời họ tham gia, hoặc chia sẻ những điều tốt đẹp của cuộc sống kỹ thuật xã hội với họ, có thể vẫn giữ thái độ "lịch sự" nếu hành vi thô bạo hoặc cố chấp đối với họ có khả năng làm hỏng kế hoạch của cô ấy. Lịch sự kỹ thuật đạo đức thực sự sẽ loại bỏ chiến lược như vậy: Tôi sẽ giữ thái độ lịch sự chính xác vì ước muốn chân thành của tôi là xây dựng và chia sẻ cuộc sống tốt đẹp với người khác trong thế giới của tôi. Và trong khi đức tính lịch sự thường liên quan đến sự lịch thiệp, thì mối quan hệ này có thể bị phá vỡ. Trong một số trường hợp, mục tiêu của lịch sự kỹ thuật đạo đức có thể đòi hỏi hành vi mà thông thường không lịch sự, nhưng lại cần thiết cho các mối liên kết công dân sâu sắc hơn.

Tính Lịch sự cộng hưởng mạnh mẽ với khái niệm Nho giáo về nhân quyền trong chính trị của nó. bối cảnh—nghĩa là sự mở rộng ra ngoài họ sinh học của nhân loại lòng nhân từ đối với những người khác trong cộng đồng chính trị của một người. Như chúng tôi đã lưu ý ở chương 5, vì đạo đức công dân của Nho giáo vẫn giữ được những cung bậc cảm xúc của tình yêu, sự tôn trọng và quan tâm đánh dấu mối quan hệ gia đình, mặc dù tình cảm chính trị phải được điều chỉnh một cách thích hợp giảm dần để không làm lu mờ ưu tiên đặc biệt của đời sống gia đình. Trong đạo đức Phật giáo đạo đức công dân ít rõ ràng hơn, trong chừng mực nó được xếp vào các nghĩa vụ đạo đức rộng hơn đối với người khác. Như chúng tôi đã lưu ý trong chương 5, tính phổ quát của lòng nhân từ Phật giáo nhằm thúc đẩy một sự biến đổi cơ bản và mở rộng ý thức của một người về việc ai được coi là thành viên trong cộng đồng đạo đức của mình. Vì vậy, một mặt, Phật giáo dường như có thể cho phép phong trào hướng tới một quan niệm mang tính quốc tế, toàn cầu hơn về sự lịch sự như quan niệm mà chúng ta đã nêu rõ. Tuy nhiên, quan niệm của chúng ta sẽ không đi đủ xa đối với một Phật tử. Trong khi sự đồng cảm và quan tâm về mặt công nghệ có thể và nên được mở rộng ra ngoài phạm vi công dân và thậm chí cả con người, thì sự lịch sự nhất thiết

phải bị giới hạn trong phạm vi đối với những người mà chúng ta có thể thảo luận, chia sẻ quan niệm và tham gia vào hoạt động hợp tác để cùng nhau đạt được cuộc sống tốt đẹp.

Về mặt này, khái niệm lịch sử của chúng ta vẫn gần với quan niệm của Aristotle. Aristotle nhấn mạnh tầm quan trọng của tình bạn công dân (philia politiké) trong Đạo đức học Nicomachean và trong Chính trị, lưu ý rằng nó “dường như gắn kết các quốc gia lại với nhau và các nhà lập pháp dường như quan tâm đến nó hơn là công lý. Aristotle đã viết nhiều về mối quan hệ giữa tình bạn công dân và các hình thức tình bạn khác; ít được viết về cách áp dụng khái niệm tình bạn công dân của Aristotle vào đời sống chính trị đương đại. Một lý do có thể xảy ra là giả định rằng khái niệm về tình bạn công dân của Aristotle được áp dụng hạn chế trong các xã hội tự do hiện đại; xét cho cùng, quan niệm của ông bắt nguồn từ một quan niệm cổ điển về sự phát triển chính trị trong đó tình bạn công dân có thể được xác định dựa trên sự gần gũi thân thiết của một cuộc sống chung (suzen) gần gũi với những công dân mà chúng ta có nhiều điểm chung. Làm thế nào khái niệm này có thể được áp dụng cho các quốc gia tự do lớn vốn dựa trên sự khoan dung đối với sự đa dạng văn hóa và các mục tiêu cá nhân, chứ chưa nói đến một hành tinh được kết nối toàn cầu?

Trong số những người đã khám phá câu hỏi này có Sibyl Schwarzenbach, người lập luận rằng tình bạn công dân trên thực tế là cần thiết cho hoạt động của các quốc gia tự do.

Cô khẳng định rằng phần lớn công việc của tình bạn công dân nhằm gắn kết các quốc gia tự do lại với nhau là công việc vô hình về mặt chính trị của những phụ nữ có thói quen tái tạo các mối quan hệ tình cảm công dân thông qua các hoạt động chăm sóc. Hơn nữa, cô ấy chỉ ra một khía cạnh quan trọng và thường bị gạt ra ngoài lề trong khái niệm philia politiké của Aristotle: cụ thể là, nó không chỉ liên quan đến mối quan tâm của công dân đối với phúc lợi của nhau, mà cụ thể hơn là mối quan tâm đến tính cách của nhau. Đó là “công dân của thành phố tốt nhất quan tâm đến việc đồng bào của họ là ‘loại người’ như thế nào.” Họ làm điều này không chỉ đơn thuần vì lợi ích công cụ (tức là vì những người hàng xóm độc ác gây ra mối đe dọa), mà vì họ nhìn thấy giá trị nội tại trong việc chia sẻ cuộc sống với ‘những người tốt’.

Schwarzenbach cũng lưu ý đến sự quan trọng của tình bạn dân chủ, sự tin tưởng và lòng tốt được đảm bảo bằng công bằng xã hội, hỗ trợ cho quan điểm công bố rằng tất cả đều “cùng chung một thuyết nhất.” Theo quan điểm của Schwarzenbach, điều này có ý nghĩa rõ ràng ngay cả đối với các quốc gia tự do lớn. Bà lưu ý rằng không có gì trong diễn giải của Aristotle yêu cầu tôi phải thực sự biết hoặc tương tác với tất cả, hoặc thậm chí hầu hết, các bạn bè dân chủ của mình. Điều mà mỗi công dân yêu cầu là anh ta “được thông tin” về bản chất, lịch sử và tiêu chuẩn sống của các công dân ở các phần khác của tiểu bang, và “quan tâm” chủ động đến sự phúc lợi của họ. Một công dân thể hiện sự quan tâm này bằng cách tự giáo dục mình về khó khăn địa phương của họ (thiếu dinh dưỡng, nghèo đói, thảm họa tự nhiên, bão, dịch bệnh); ủng hộ việc cấp trợ giúp tập thể (không oán trách việc sử dụng hiệu quả các đồng thuế của mình để giúp

đỡ họ); và sẵn lòng thực hiện dịch vụ công cộng trực tiếp khi cần. Việc bồi dưỡng những cảm xúc và thói quen như vậy sẽ là một phần thiết yếu của đức tính lịch sự kỹ thuật-moral.

Một người có thể đặt câu hỏi là làm thế nào một đức tính như vậy có thể tương thích với các quy chuẩn đa dạng và cá nhân mà định nghĩa cho xã hội tự do hiện đại. Làm thế nào chúng có thể nhất quán với một đức tính dân chủ mà, như chúng tôi đã nói ở trên, bao gồm một sự quan tâm mạnh mẽ đối với đạo đức cá nhân của đồng bào dân chủ? Đạo đức của ai?

Những quy chuẩn văn hoá về sự xuất sắc của con người sẽ chiếm ưu thế? Câu trả lời của Schwarzenbach là trong một xã hội tự do khoan dung, đức tính dân chủ không còn đòi hỏi một sự quan tâm đặc biệt đến đạo đức riêng tư của người khác nữa, mà thay vào đó là một sự quan tâm hẹp hơn đến đặc tính đạo đức công cộng của họ. Nghĩa là, một người lịch sự sẽ có một sự quan tâm mạnh mẽ đối với việc ủng hộ và duy trì khả năng xuất sắc của đồng bào dân chủ trong việc thảo luận và hành động công cộng. Điều này chỉ có thể thực hiện được thông qua một hệ thống pháp luật và hiến pháp chung, giáo dục dân chủ hiệu quả và phổ biến, và các quy chuẩn công cộng chung về lòng tốt, quan tâm và khoan dung.

Khi chúng ta nghĩ về quy mô toàn cầu, nhiều điều này không phổ biến hoặc không khả thi, nhưng liệu có không công bằng khi nghĩ rằng một tập hợp tối thiểu các quy chuẩn có thể nảy sinh cho cuộc trò chuyện và hành động kỹ thuật toàn cầu? Liệu không phải là quá không hợp lý khi nghĩ rằng một số mẫu mực tiêu biểu đủ để tạo ra một khái niệm lịch sự toàn cầu - một trạng thái của đạo đức công cộng được thể hiện bởi những diễn viên quốc tế đáng ngưỡng mộ, hợp lý và đáng tin cậy trong các nỗ lực kỹ thuật xã hội hợp tác của họ? Hãy nhớ rằng mặc dù con người không phải là những sinh vật có ý thức hợp tác nhất, nhưng chúng ta cũng không phải là người ít hợp tác nhất. Từ Trạm Không Gian Quốc Tế đến Phòng Phi CERN đến việc loại bỏ bệnh bại liệt gần đây, chúng ta rõ ràng là các sinh vật có khả năng hợp tác quốc tế hiệu quả, kéo dài và phức tạp trên một tỷ lệ lớn khi chúng ta đủ động viên. Chúng ta chứng minh rõ ràng không thiếu khả năng để tạo ra một sự việc.

Thật không may, đời sống công nghệ xã hội hiện đại không có lợi cho việc hình thành ý chí công dân, cũng như không dẫn đến công lý xã hội, kinh tế và chính trị mà nó giả định trước. Như Schwarzenbach lưu ý, các quốc gia tự do đương thời không ủng hộ một cách đáng tin cậy và rõ ràng những hành động chăm sóc công cộng vốn thể hiện sự lịch sự giữa một dân tộc. Thay vào đó, bà lập luận về các chuẩn mực của đời sống xã hội và chính trị hiện nay vẫn chủ yếu hướng tới sản xuất hàng hóa và dịch vụ hơn là tái tạo các mối quan hệ công dân và tình bạn hữu ích. Chúng cũng phản ánh quan điểm lệch lạc về các hoạt động chăm sóc, coi những điều này chỉ mang tính cá nhân và gia đình, thay vì công cộng và chính trị. Trên thực tế đây không phải là quan điểm của Aristotle, người đã nhiều lần nói trong Đạo đức và Chính trị về chăm sóc (*epimeleia*) và về chăm sóc công cộng hoặc chăm sóc chung nói riêng (*koinon epimelein*).

Không phải tất cả các ưu điểm công nghệ mà chúng tôi đã đặt tên cùng nhau là các khía cạnh của đặc tính công nghệ công cộng tiềm năng có lợi cho việc phát triển trong một xã hội được kết nối nhiều toàn cầu trên thực tế. Việc trau dồi tính cách này được cho là điều kiện tiên quyết thiết yếu để theo đuổi thành công các lợi ích công nghệ về an ninh con người, cộng đồng, hiểu biết, trí tuệ và công lý toàn cầu được nêu rõ trong chương 2. Tuy nhiên, điều kiện hiện tại của chúng ta là tình trạng bất bình đẳng chính trị và kinh tế ngày càng gia tăng ở các nước. các xã hội công nghệ thấp và công nghệ cao như nhau, cũng như sự thô thiển và rời rạc đáng lo ngại của diễn ngôn dân sự ở mọi cấp độ. Việc bắt tay các chuyên gia chính trị và truyền thông hầu như không giúp giảm thiểu sự suy giảm tính lịch sự như chúng ta có thể thấy trên Twitter; các chương trình trò chuyện chính trị, blog và các trang tin tức (kết quả là nhiều trang trong số đó đã phải vô hiệu hóa phản bình luận trực tuyến của họ).

Bầu không khí bất an và mất lòng tin của người dân trên toàn cầu đã gia tăng bởi những tiết lộ gần đây về việc thu thập dữ liệu khổng lồ, hoạt động gián điệp mạng và phá hoại mạng của các chính phủ, tập đoàn và các chủ thể phi nhà nước khác. Đồng thời, các công nghệ mới nổi có tiềm năng rõ ràng trong việc thúc đẩy việc nhen nhóm lại nền văn minh và các kỹ năng tạo ra sự nghiệp chung. Phương tiện truyền thông xã hội là công cụ mạnh mẽ để kích thích sự quan tâm của chúng ta đến tính cách, lịch sử và phúc lợi của những người ở xa. Chúng có thể giúp chúng ta tự giáo dục bản thân về những khó khăn mà những người khác trong cộng đồng địa phương hoặc toàn cầu của chúng ta đã phải đối mặt. Ví dụ, giáo dục công chúng về những khó khăn mà người đồng tính nữ, song tính, đồng tính nam và chuyển giới phải đối mặt đã được thúc đẩy mạnh mẽ nhờ các chiến dịch truyền thông xã hội như dự án “It Gets Better”, cũng như nhiều ứng dụng công nghệ ở quy mô nhỏ hơn để truyền tải thông điệp. câu chuyện của người LGBT. Những điều này thường được ghi nhận là góp phần thúc đẩy nhanh chóng sự ủng hộ của công chúng đối với quyền của người LGBT ở Hoa Kỳ và các quốc gia khác.

Ngay cả các công nghệ giám sát cũng có thể thúc đẩy tính lịch sự bằng cách kích động sự phẫn nộ của công chúng và hành động chung chống lại các hình thức bất công lan rộng và sâu sắc mà những công nghệ này mới khiến người ta thấy rõ. Trong những năm gần đây, những công cụ như vậy đã được sử dụng để thúc đẩy một loạt các hành động dân sự chống lại sự lạm dụng lên lút đối với các nhóm chủng tộc thiểu số, phụ nữ, người vô gia cư, trẻ em, người già, người khuyết tật và những người khác.

Các nhóm dân cư dễ bị tổn thương. CNTT và các phương tiện truyền thông mới cũng cung cấp các phương tiện mới thiết thực để cung cấp hỗ trợ toàn cầu cho những người có nhu cầu đã được biết đến; hãy xem xét sự gia tăng quyên góp trực tuyến cho các nạn nhân của động đất, bão và lương thực, hoặc hiện tượng 'gây quỹ cộng đồng' thông qua các trang web như Kiva và các trang khác tài trợ cho các dự án địa phương nhỏ trên khắp thế giới vì lợi ích xã hội. Dù tốt hay xấu, phương tiện truyền thông xã hội cũng được sử dụng như một phương tiện để kiểm soát chung các chuẩn mực mới nổi về tính chất công cộng toàn cầu; hãy xem xét việc nâng cấp Internet

năm 2015 về vụ một nha sĩ ở Minnesota giết chết trái phép một con sư tử ở Zimbabwe; hoặc 'Tweet nghe 'vòng quanh thế giới' năm 2013 của Justine Sacco, giám đốc điều hành quan hệ công chúng người Mỹ, người đã nói đùa trên Twitter về các nạn nhân AIDS ở Châu Phi ngay trước khi lên máy bay tới Johannesburg, đã kích động một cuộc đếm ngược vui vẻ trên Internet cho sự sỉ nhục toàn cầu không thể tránh khỏi của cô ấy, đã tạo điều kiện thuận lợi cho cô ấy bằng hashtag #HasJustineLandedYet. Những việc đó thường bị nhiễm những tệ nạn của chủ nghĩa cảnh giác, bao gồm cả ác tâm, liêu lĩnh và còn một chặng đường dài để trở nên trưởng thành về mặt đạo đức. Tuy nhiên, với tất cả sự non nớt của mình, chúng là những cử chỉ thể hiện mong muốn chung về một xã hội toàn cầu văn minh, công bằng và quan tâm hơn.

Chương 7 và 8 sẽ xem xét sâu hơn về mức độ phức tạp của các tương tác đang nổi lên giữa phương tiện truyền thông xã hội mới, công nghệ giám sát và việc phát triển văn minh trong đời sống công nghệ.

6.9 Tính linh hoạt: Thích ứng khéo léo với sự thay đổi

[Những đức tính liên quan: Nhẫn nại, Nhẫn nại, Khoan dung, Bình tĩnh, Nhân từ]

‘Linh hoạt’ là một cái tên hài hước cho một đức tính tốt. Khi chúng ta nghĩ về một người ‘có thể linh hoạt về mặt đạo đức’, chúng ta thường muốn nói đến một người hoàn toàn thiếu nhân đức! Tuy nhiên, người đọc sẽ nhớ lại rằng tính linh hoạt là một đặc điểm quan trọng của người có chuyên môn về mặt đạo đức trong các truyền thống đạo đức của Aristoteles, Nho giáo và Phật giáo, và sẽ không hoàn toàn ngạc nhiên khi thấy nó xuất hiện như một đức tính kỹ thuật. Trong bối cảnh công nghệ, chúng ta hãy tạm thời định nghĩa nó như một khuynh hướng đáng tin cậy và khéo léo để điều chỉnh hành động, niềm tin và cảm giác theo yêu cầu của các điều kiện công nghệ xã hội mới lạ, không thể đoán trước, bức bối hoặc không ổn định. Đức tính này rất quan trọng đối với khả năng của chúng ta trong việc đối phó với sự mù mờ về công nghệ xã hội cấp tính.

Tính linh hoạt có liên quan chặt chẽ đến các đức tính đạo đức khác, bao gồm cả sự kiên nhẫn hoặc nhẫn nại. Aristotle định nghĩa sự kiên nhẫn (*praotes*) là “chậm giận”; rộng hơn, một khuynh hướng kiềm chế một cách vừa phải sự thất vọng, thất vọng, tổn thương hoặc xúc phạm (thông qua sự nhẫn nại cực độ sẽ là thiếu sót, vì có những điều này sẽ khiến một người công bằng và có đạo đức tức giận một cách chính đáng.) Một đặc điểm khác liên quan đến tính linh hoạt là sự khoan dung trước những khuyết điểm của người khác. Như chúng ta đã thấy trong chương 4, Khổng Tử được mô tả là hoàn toàn không có tật xấu cứng nhắc hay không khoan dung (*gu*). Như ông ấy nói khi giải thích việc mình sẵn sàng làm việc cho một vị quan không hoàn hảo, quân tử “cứng đến mức mài giữa sẽ không làm ông ta kiệt sức, tinh khiết đến mức nhuộm màu sẽ không làm ông ta bị đen”. Người có đạo đức có thể trở nên linh hoạt và khoan dung khi hoàn cảnh cụ thể cho phép điều đó mà không bị tổn hại về mặt đạo đức. Do đó, tính linh hoạt như một đức tính không trái ngược với tính chính trực hoặc sự ngay thẳng về mặt đạo đức— nó được kích hoạt bởi họ.

Tuy nhiên, giống như Aristotle, Khổng Tử cho rằng đức tính này có giới hạn; như được thể hiện bởi anh ấy từ chối ý tưởng đền đáp tổn thương bằng lòng tốt. Ngài hỏi: “Vậy lấy gì để báo đáp lòng tốt?” Thay vào đó, ông gợi ý, người ta nên đền đáp tổn thương bằng “sự ngay thẳng” và đền đáp lòng tốt bằng lòng tốt. Kongzi bác bỏ bất kỳ hình thức linh hoạt nào khuyến khích những kẻ xấu xa hơn là dẫn họ đến lẽ phải, hoặc điều đó cho thấy sự không muốn phân biệt về mặt đạo đức. Vì vậy, đối với cả Aristotle và Kongzi, tính linh hoạt là một đức tính cần phải tuân thủ và duy trì tiêu chuẩn đạo đức đúng đắn, ngay cả khi cách thực hiện điều này phải kiên nhẫn, nhạy cảm với hoàn cảnh và tinh thần rộng lượng.

Đạo đức theo đạo Phật có phẩm chất linh hoạt và khoan dung riêng, kiên nhẫn hoặc lòng nhẫn nại: *ksānti*, một trong Sáu Đức Hạnh của tính cách trong truyền thống Mahāyāna. *Ksānti* phản ánh một thái độ chịu đựng một cách kiên nhẫn đau khổ, bao gồm cả những

vết thương cho cơ thể hoặc bản thân do người khác gây ra, và chịu đựng mà không có sự sợ hãi hoặc giận dữ trước những nhận thức mới, đúng hơn về hiện thực mà hành đạo Phật sẽ tiết lộ.

Nhà thơ Mahāyāna Śāntideva nói rằng "không có thực hành tâm linh nào bằng lòng khoan dung (ksānti). Điều này là vì trải nghiệm của sự tức giận là một điều gì đó hoàn toàn đối lập với sự sáng suốt tinh thần và nhận thức cao quý; theo cách này, người tu hành Phật giáo gương mẫu phải ít có xu hướng hơn rất nhiều so với người học theo Aristotelian phronimos, trong đó praotes tạo điều kiện cho sự tức giận phù hợp, thông minh và có cân nhắc. Thậm chí người junzi theo đạo Khổng Tử cũng có thể ít linh hoạt và kiên nhẫn hơn người thánh Phật, tuy nhiên, anh ta sẽ tránh xa sự nóng nảy của sự giận dữ để có cái gì đó giống như sự kìm chế hơn.

Ksānti thêm một chiều sâu quan trọng mới về linh hoạt, vượt ra ngoài sự khoan dung đơn thuần đối với những người không hoàn hảo. Ksānti yêu cầu một người cũng phải linh hoạt đủ để chứa chấp sự thật hoặc hiện thực mới và không thoải mái. Người đó không chỉ cần có khả năng uốn cong cho người khác khi cần thiết mà còn phải uốn cong để chấp nhận hoặc thích ứng với các chiều sâu mới được tiết lộ hoặc nổi lên trong thế giới. Điều này cho phép việc thực hành upāya-kausalya hoặc 'phương pháp khôn ngoan' gặp trong chương 5, cho phép Phật tử có chuyên môn về đạo đức thích ứng với hiện thực đạo đức không thông thường của một tình huống cụ thể theo cách có thể đòi hỏi điều chỉnh hoặc thậm chí là tạm ngừng các quy ước đạo đức của sīla. Chúng ta đã thấy sự linh hoạt này ở Aristotle cũng, nơi sự khôn ngoan thực hành cho phép các phán đoán sẽ khôn ngoan khi các quy ước đạo đức hiện tại không đủ. Tương tự, các nhà Khổng giáo tránh sự cứng nhắc và tán dương tính linh hoạt trong việc thích ứng với các chiều sâu không thông thường của cuộc sống đạo đức - như trong trường hợp của Mạnh Tử, người không được phép để lễ nghi ngăn cản anh ta đặt tay lên vợ đang chết đuối của em trai mình. Các truyền thống đạo đức cổ điển đánh giá cao sự linh hoạt như một cách để tôn vinh sự thật đạo đức, điều đó dựa trên hiện thực chứ không phải ảo tưởng. Nó không cho phép bất kỳ giấy phép nào để nhượng bộ trước những điều không đúng hoặc các quy ước đạo đức xa lạ. Ở đây, chúng ta đối mặt với ranh giới giữa các quan điểm khoan dung cổ điển và tự do, và 'vấn đề khó' trong việc nuôi dưỡng một bản tính công cộng kỹ thuật đạo đức linh hoạt.

Như chúng ta đã chú ý, các công nghệ mới nổi từ các mạng lưới vận tải toàn cầu đến các CNTT tăng cường sự tiếp xúc của chúng ta với nhiều khái niệm về cuộc sống tốt đẹp, nhiều trong số đó không thể so sánh được với nhau một phần hoặc toàn bộ. Sự tiếp xúc đơn thuần với những xung đột như vậy không có gì mới. Sự tồn tại của các hệ thống cuộc sống đạo đức không tương thích đã là một hiện tượng cổ điển rất nổi tiếng và được thảo luận rộng rãi; văn học Khổng giáo phản ánh về khả năng tham gia của nhân vật quý tộc với các bộ lạc 'man rợ', và Aristotle suy ngẫm về các khái niệm giá trị hoàn toàn khác biệt được thể hiện trong các hiến pháp chính trị của Athens và Sparta - chưa kể đến sự khoảng cách đạo đức rộng lớn mà ông nhận thức được giữa các cách sống Hy Lạp và không phải Hy Lạp. Thách thức thực sự mới mẻ của môi trường kỹ thuật xã hội đương đại của chúng ta là mức độ mà các mạng lưới công nghệ thế

kỷ 21 - tốc độ, phạm vi và sức mạnh của chúng đã tăng lên nhiều lần trong vài thập kỷ chỉ bảo đảm sự phụ thuộc mạnh mẽ và gần như không thể đảo ngược của những nền văn hóa và cộng đồng đạo đức không thể so sánh được này.

Kết quả là một sự chuyển đổi chất lượng trong vấn đề về đa dạng văn hóa và đạo đức. Tầm quan trọng của vấn đề này không chỉ giới hạn trong khả năng hình thành các liên minh tạm thời chống lại các nhà hoạt động chính trị thù địch hoặc sự sản xuất kinh tế ngắn hạn, cũng không chỉ đến quyền truy cập vào vốn trong hệ thống tài chính toàn cầu. Thực tế, mức độ phụ thuộc mới mẽ của chúng ta đã vượt ra ngoài sự toàn cầu hóa ngày càng tăng trong các lĩnh vực khoa học, văn học và nghệ thuật, cũng như quyền truy cập vào các mạng lưới thông tin toàn cầu và các "mạng lưới của mọi thứ" bao trùm. Ngày nay, quyền truy cập của chúng ta vào các nhu cầu cơ bản của sự tồn tại sinh học, như không khí sạch, nước sạch, thực phẩm giàu protein, đất liền khô ráo và khí hậu sống được, không thể tách rời khỏi các thực hành, niềm tin và thái độ của những người khác trên khắp thế giới.

Với sự thay đổi này, xu hướng chỉ linh hoạt với những người mà chúng ta có chung quan niệm đặc biệt về cuộc sống tốt đẹp không còn khả thi nữa. Ngay cả câu thần chú tự do 'sống và hãy sống cũng không nắm bắt được khuynh hướng linh hoạt mới mà chúng ta cần trau dồi nếu chúng ta muốn tiếp tục sống trong tư cách một loài; vì câu thần chú lỗi thời đó cho rằng chúng ta vẫn có sự xa xỉ thực tế là để người khác tự lo liệu và tránh xa họ. Thay vào đó, chúng ta phải đối mặt với một thế giới đã thay đổi, trong đó số phận cá nhân và địa phương của chúng ta phần lớn bị quy định bởi những gì con người thực hành chung và trên toàn cầu. Cuộc sống tốt đẹp không thể được đảm bảo một cách đáng tin cậy cho bất kỳ ai trong chúng ta nếu không có sự phối hợp toàn cầu của các hành động công nghệ xã hội thực tế khôn ngoan diễn ra theo cách ổn định và được hướng dẫn thông minh trong thời gian tương đối dài hạn, trong nhiều trường hợp, trong khoảng thời gian dài hơn đáng kể so với tuổi thọ trung bình của con người. Tuy nhiên, chúng ta vẫn tiếp tục sống cuộc sống cá nhân của mình trong các cộng đồng địa phương dựa trên những lịch sử trầm tích khác nhau về ý nghĩa và giá trị đạo đức. Tính linh hoạt mới mang tính công nghệ có thể đóng vai trò gì trong tất cả những điều này?

Khi bắt đầu phần này, chúng tôi đã định nghĩa tính linh hoạt của công nghệ là một khuynh hướng đáng tin cậy và khéo léo để điều chỉnh hành động, niềm tin và cảm giác theo yêu cầu của các điều kiện công nghệ xã hội mới lạ, không thể đoán trước, bức bối hoặc không ổn định. Bây giờ chúng tôi nói thêm rằng ngày nay, điều này đòi hỏi một điều gì đó không được các truyền thống cổ điển coi là đạo đức: một khuynh hướng thông minh và quen thuộc để ngăn chặn những hệ thống giá trị văn hóa và niềm tin không làm suy giảm đáng kể khả năng của những người sở hữu chúng trong việc trau dồi và rèn luyện trí tuệ thực tế trong các vấn đề của mỗi quan tâm công nghệ xã hội toàn cầu. Trong chương 6, chúng ta đã xây dựng một nhóm các đức tính có thể cùng nhau tạo nên đặc tính của công nghệ toàn cầu, và tính linh hoạt về mặt công nghệ là một phần quan trọng trong đó.

Do đó, năng lực của cơ quan công nghệ toàn cầu là một tiêu chí hợp lý để quyết định những khác biệt nào trong các chuẩn mực văn hóa đảm bảo sự khoan dung lẫn nhau vì lợi ích của nền văn minh toàn cầu và sự phát triển bốn phương, và những chuẩn mực nào không thể được dung thứ một cách an toàn bởi vì chúng có hại một cách khách quan đối với cơ quan đó và do đó đối với sự phát triển bốn phương. của loài người và hành tinh của chúng ta. Ví dụ, bất kỳ quan niệm địa phương nào về “đức hạnh nữ tính” không phù hợp với giáo dục hoặc tầm nhìn công dân của phụ nữ đều không thể chấp nhận được trên toàn cầu theo tiêu chí này. Phụ nữ định hình các tập quán và thói quen công nghệ xã hội của mọi nền văn hóa – do đó, việc loại trừ họ một cách có hệ thống khỏi các quá trình thảo luận nhằm hướng dẫn một cách thận trọng những thực hành đó là tự chuốc lấy thất bại trên toàn cầu.

Tương tự như vậy, một chuẩn mực văn hóa chỉ cho phép một nhóm thiểu số giàu có hoặc kỹ trị tiếp thu và thực hiện các đức tính của công chúng là không thể chấp nhận được trên toàn cầu; vì một lần nữa, chính toàn bộ các dân tộc, chứ không chỉ một số ít người có quyền lực, là những người thực hiện trong cuộc sống hàng ngày những tập quán và thói quen công nghệ xã hội mà giờ đây phải được định hướng một cách thông minh. Chính sách công nghệ xã hội toàn cầu được tạo ra mà không có sự đóng góp mạnh mẽ của các bên liên quan và sự tham gia có chủ ý sẽ hoàn toàn không hiệu quả và có hại ở mức tồi tệ nhất, chưa kể còn vô cùng bất công. Chúng ta có thể tìm thấy bằng chứng về điều này ở quy mô nhỏ hơn trong hàng loạt luật điều chỉnh Internet không hiệu quả hoặc phản tác dụng đã được thông qua bởi các cơ quan lập pháp thiếu chuyên môn kỹ thuật hoặc nền tảng kiến thức mở rộng của người dùng cần thiết để xây dựng một luật thận trọng quản lý Internet.

Tất nhiên, có nhiều lý do đạo đức khác, được cho là mạnh mẽ hơn, để không chấp nhận việc tước quyền công dân có hệ thống đối với phụ nữ hoặc người nghèo. Quan điểm của tôi chỉ đơn giản là nhu cầu ngày càng tăng về việc trau dồi năng lực công nghệ và trí tuệ toàn cầu mang lại cho tất cả chúng ta một động lực mới để đẩy lùi những kẻ ngăn cản sự trau dồi đó trong người dân của họ. Trong hợp đồng, các bên có sự bất đồng về văn hóa về việc liệu quyền riêng tư dữ liệu cá nhân có phải là quyền bất khả xâm phạm của con người (quan điểm được phổ biến rộng rãi ở Liên minh Châu Âu) hay là một thứ xa xỉ ích kỷ (quan điểm chung ở một số quốc gia Đông Á) có đủ khả năng thừa nhận và ít nhất là tạm thời bỏ qua những khác biệt về mặt triết học này vì lợi ích của các cuộc đàm phán thiện chí về các thỏa thuận quốc tế và tiêu chuẩn công nghệ toàn cầu vốn nhất thiết ảnh hưởng đến quyền riêng tư cá nhân của người dân các nước họ. Ở đây, tính linh hoạt tạo cơ hội cho các lợi ích và giá trị văn hóa đa dạng có tiếng nói trong cuộc tranh luận mà không có hàm ý rằng bất kỳ thỏa hiệp nào đạt được cuối cùng sẽ quyết định câu hỏi về giá trị cơ bản hoặc tuyên bố vô hiệu các cam kết giá trị chân thành của bất kỳ nhóm cụ thể nào.

Do đó, chúng ta phải đặt mục tiêu nuôi dưỡng tính linh hoạt về mặt công nghệ, một đứa con của đức tính tự do khoan dung nhằm tạo điều kiện cho sự hợp tác xã hội của con người trở lên đa dạng. Tuy nhiên, không giống như một phiên bản của sự khoan dung, tự do chỉ

khuyến chúng ta 'sống và hãy sống', tính linh hoạt về mặt công nghệ đòi hỏi chúng ta phải trau dồi năng lực toàn cầu để cùng nhau chủ động cân nhắc và đồng ý về các đường hướng hành động công nghệ xã hội thận trọng, ngay cả với những người có quan niệm về cuộc sống tốt đẹp, khác biệt đáng kể so với của chúng ta. Điều này sẽ tạo ra xung đột không thể tránh khỏi, trong chừng mực chúng ta có thể không đồng ý. Tuy nhiên, đặc điểm nổi bật của thực tế công nghệ xã hội hiện nay là điểm phân biệt nó với tình thế tiến thoái lưỡng nan của chủ nghĩa tự do, là không cộng đồng nào có thể chọn “ra khỏi tàu”. Số phận trước mắt của chúng ta giờ đây gắn bó chặt chẽ với số phận của những hành khách khác trên cùng 1 con tàu. Trong mỗi chương còn lại, những thách thức về tính linh hoạt về mặt công nghệ trong thời đại truyền thông mới, công nghệ giám sát, robot và con người cải cách sẽ được bàn đến.

6.10 Quan điểm: Giữ vững Tổng Thể Đạo Đức

[Các Đức Tính Liên Quan: Suy Xét, Sự Chú Ý, Hiểu Biết]

Khái niệm về quan điểm đạo đức như một đức tính không có bản gốc cụ thể trong thời kỳ cổ điển. Quan điểm đạo đức chính xác được ngụ ý bởi đức tính tổng thể hơn của sự khôn ngoan thực tế (*phronēsis*) trong triết học của Aristotle, cũng như bởi đức tính khôn ngoan hoặc 'sự nhận thức thông minh' (*zhi*) trong đạo đức Khổng giáo, và khái niệm về khôn ngoan (*prajñā*) trong Phật giáo. Tuy nhiên, nó cũng có liên kết với khả năng nhìn thấu của sự chú ý đạo đức mà chúng ta đã thảo luận trong chương 4. Quan điểm đạo đức có thể được định nghĩa đại khái là một tinh thần ổn định để chú ý đến, phân biệt và hiểu biết các hiện tượng đạo đức như các phần có ý nghĩa của một tổng thể đạo đức. Các ứng dụng kỹ thuật xã hội của quan điểm đạo đức sẽ thu hút sự chú ý của chúng ta ở đây, nhưng vì quan điểm đạo đức là toàn diện theo định nghĩa, việc thực hành nó không thể bị giới hạn chỉ vào những hiện tượng kỹ thuật xã hội hẹp hòi.

Học giả Phật giáo so sánh Nicolas Bommarito đã phát triển một bản kiến thức hữu ích về quan điểm đạo đức như một cái nhìn cơ bản để cơ sở cho các đức tính quen thuộc như kiên nhẫn và khiêm tốn. Trong cuộc thảo luận về chiều chiếm hữu của kiên nhẫn Phật giáo (*ksānti*), Bommarito mô tả quan điểm đạo đức như là việc không chỉ có một cái nhìn cá nhân về thế giới và giá trị của nó (theo cách một người nói tiếng Anh có thể nói "đó là quan điểm của tôi,"), mà thay vào đó là một "ý thức về tỉ lệ" đạo đức thích hợp. Ví dụ, tỉ lệ này được kích hoạt khi tôi phản ứng kiên nhẫn khi chuyến bay của tôi trễ lên vì đọc trên laptop về chuyến bay vừa rơi xuống biển đã "mang lại cho tôi một cái nhìn toàn cảnh." Quan điểm đạo đức giúp chúng ta ước lượng sự quan trọng tương đối của các giá trị và mong muốn cạnh tranh và cung cấp cho chúng ta "một cái nhìn về vị trí của chúng ta trong một bối cảnh lớn hơn," như khi một binh sĩ có thể nói, "Khi tôi nhìn thấy bức ảnh của đơn vị của mình, nó mang lại cho tôi một cái nhìn toàn cảnh và tôi cảm thấy mình là một phần của điều quan trọng hơn bản thân."

Quan điểm đạo đức cho phép tôi nhìn thấy làm thế nào mong muốn của riêng mình tại một thời điểm nhất định (ví dụ, mong muốn lên chuyến bay 'của tôi' sớm hơn) được tính tỉ lệ một cách đúng đắn hơn trong bức tranh tổng thể của những mong muốn và giá trị mà tôi giữ trong tầm nhìn. Đó là việc 'giữ trong tầm nhìn' đó là việc thực hành quan điểm đạo đức. Trong ví dụ của chúng ta, một người có đức lành sẽ có khả năng giữ trong tầm nhìn mong muốn riêng của mình là không muốn là một người ích kỷ, thiếu kiên nhẫn, hoặc thô lỗ, cũng như các mong muốn và giá trị của nhân viên công và hành khách cùng cảm thấy bức bối, và các cơ trưởng và phi hành đoàn đều đúng khi đặt an toàn lên trên mọi thứ. Quan điểm đạo đức là một tinh thần thiết yếu của một người có đức; Tôi không thể là một người kiên nhẫn, trung thực, trầm ẩn hoặc công bằng trừ khi tôi hành động theo những cách này một cách khá đáng tin cậy, và dường như tôi không thể làm được điều đó trừ khi tôi có thể duy trì quan điểm đạo đức một cách đáng tin cậy khi tôi suy nghĩ và hành động. Như Bommarito nhấn mạnh, duy trì quan điểm đạo đức khó hơn nhiều so với giữ kiến thức đạo đức. Tôi có thể hiểu biết và tin rằng nhu

cầu và mong muốn của tôi không phải là đặc biệt hoặc quan trọng trong 'bức tranh tổng thể', nhưng điều đó không có nghĩa là tôi sẽ thực sự có thể nhìn thế giới từ góc độ đó khi mong muốn của tôi được kích hoạt.

Tuy nhiên, quan điểm của tôi cần phải thành công từ quan điểm kognitiv - tức là, phản hồi với hiện thực của tổng thể đạo đức mà nó giữ trong tâm trí. Ví dụ, Bommarito lưu ý rằng một người có xu hướng nhút nhát và không bao giờ đặt nhu cầu của mình lên trên những người khác không phải là một người có đức, vì họ không giữ mong muốn và nhu cầu của mình một cách đúng đắn trong môi trường đạo đức của mình. Một người như vậy có thể lo lắng về rủi ro của sự an toàn của bản thân và chỉ tránh làm phiền hoặc làm khó chịu một người nào đó. Điều này sẽ là tội lỗi, là sự sợ hãi, không phải là đức hạnh.

Ở cuối chương 5, chúng ta đã thảo luận về những bài tập Phật giáo trong việc “chụp quan điểm” giàu trí tưởng tượng nhằm nuôi dưỡng việc thực hành đạo đức nhằm mở rộng mối quan tâm đồng cảm một cách thích hợp. Chúng tôi cũng đề cập đến các kỹ thuật diễn đạt tường thuật và nghệ thuật thể tục khác như những cách để mở rộng ý thức của chúng tôi về tổng thể đạo đức; nhìn thấy và 'lưu ý' nhiều hơn về các mối quan hệ, nghĩa vụ và sự phụ thuộc lẫn nhau quan trọng giữa chúng ta và những người khác; nhận thức và cảm nhận ý nghĩa đạo đức về nhu cầu, mong muốn và lợi ích của người khác cùng với lợi ích của chúng ta. Vì vậy, một khuynh hướng đáng tin cậy để có quan điểm đạo đức phù hợp, ngoài việc tạo điều kiện cho các đức tính khác, còn là một đức tính có thể được trau dồi một cách có chủ ý theo đúng nghĩa của nó. Tuy nhiên, quan điểm đạo đức đúng đắn là gì? Chẳng phải điều này giả định trước một quan điểm đúng đắn duy nhất về thực tại đạo đức, một thang đo thực sự để đánh giá tầm quan trọng của mong muốn và lợi ích của chúng ta và của người khác sao? Chẳng phải điều này rõ ràng là không tương thích với

chủ nghĩa đa nguyên đạo đức toàn cầu mà chúng ta đã tán thành? Có, nhưng thực sự là không. Đúng, bởi vì có nhiều sự đồng thuận rộng rãi về thang đo đạo đức hơn những gì chúng ta thừa nhận.

Thang đo đạo đức của kẻ sát nhân lâm sàng sẽ được đại đa số các thẩm phán có hiểu biết đồng tình. Người tự ái bệnh hoạn cũng vậy. Tương tự như vậy, người nổi cơn thịnh nộ với các nhân viên công bắt cứ khi nào cuộc chiến của 'cô ấy' bị trì hoãn, người lạng lã và cố ý đổ hàng gallon bùn độc hại vào dòng suối địa phương thay vì đem đi xử lý an toàn, hoặc người cố tình xây trường học bằng bê tông kém chất lượng để kiếm thêm vài đô la. Mặc dù sự đồng thuận sẽ không bao giờ hoàn hảo, ngay cả ở cấp độ địa phương, nhưng vẫn có một ý thức toàn cầu về quan điểm đạo đức đúng đắn và một số lượng lớn các hành vi và phán xét của con người được nhiều người coi là trái ngược với nó.

Tuy nhiên, bất chấp tất cả các thỏa thuận này, vẫn có những khác biệt về cá nhân, địa phương và văn hóa trong quan điểm đạo đức không thể bỏ qua, và chúng ta cho rằng không chỉ nên dung thứ mà còn phải hoan nghênh. Ở mức độ phân biệt đối xử cao nhất, không

có thang đo thực sự duy nhất về mong muốn, giá trị và lợi ích, và cũng không cần phải có để chúng ta không có những quan niệm được chia sẻ rộng rãi, thậm chí có tiếng vang trên toàn cầu về đạo đức. Tất cả những gì chúng ta cần cho phần sau là sự hiểu biết về những thói quen nào thường có lợi cho sự tự tu dưỡng của con người, những điều kiện vật chất và xã hội công nghệ nào là cần thiết nhất cho sự phát triển của chúng ta cùng nhau như một gia đình nhân loại toàn cầu và phụ thuộc lẫn nhau, và những điều kiện nào trong số những tầm nhìn khác nhau của chúng ta về điều tốt đẹp. cuộc sống phù hợp với mục đích đó. Vậy thì ý nghĩa rõ ràng về mặt kỹ thuật của đức tính của quan điểm đạo đức là gì? Sự phụ thuộc lẫn nhau ngày càng tăng của chúng ta trong một thế giới nối mạng đòi hỏi chúng ta sẽ phải đối mặt với ngày càng nhiều sự lựa chọn mà những tác động của chúng có phạm vi toàn cầu. Nhu cầu về quan điểm đạo đức đúng đắn trở nên rõ ràng hơn bao giờ hết khi hành động của chúng ta và hậu quả của chúng ngày càng tăng lên về quy mô; khi tác động tiềm tàng của các lựa chọn công nghệ xã hội của chúng ta ngày càng mở rộng, những mong muốn, giá trị và lợi ích xuất hiện trong tầm mắt trở nên nhiều hơn và thách thức chúng ta xếp hạng hơn. Những cân nhắc như vậy có ý nghĩa đạo đức lớn hơn bao giờ hết, liên quan đến sự tồn tại và sức sống trước mắt và lâu dài của chúng ta và các loài khác – thậm chí cả khả năng hành tinh này có thể hỗ trợ sự sống. Trong thế kỷ 21, công việc giữ quan điểm đạo đức đúng đắn vừa khó khăn hơn vừa quan trọng hơn bao giờ hết.

Hơn nữa, các công nghệ mới nổi đưa ra những cách thức luôn mới mẻ để vừa làm xói mòn vừa làm phong phú thêm quan điểm đạo đức của chúng ta. Từ sự nổi lên của tính năng 'selfie' phổ biến cho phép bạn tự cười toe toét trong các đám tang và nổi tiếng là ngay cả trong trại tập trung, không có ứng dụng tự theo dõi nào cho phép bạn bị ám ảnh bởi mọi thứ, từ số bước bạn đi trong một ngày cho đến số bước bạn đi những người 'thích' ảnh mèo của bạn, cuộc sống công nghệ xã hội có thể khiến góc nhìn của chúng ta dường như nhỏ bé đến ngột ngạt. Tuy nhiên, nó cũng có thể được sử dụng như một công cụ để mở rộng quan điểm đạo đức của chúng ta bằng sự hài hước – như với hashtag #firstworldproblems phổ biến rộng rãi trên Twitter – hoặc với sự thân mật, như với nhiều cách sử dụng mạng xã hội và thậm chí cả giám sát kỹ thuật số để tạo ra trải nghiệm, mong muốn và lợi ích của các dân tộc và tầng lớp bị gạt ra ngoài lề xã hội được thể hiện rõ ràng và trực tiếp hơn trên toàn cầu. Mục đích của chúng ta trong Phần III sẽ là xem xét kỹ hơn xem quan điểm đạo đức tốt hơn có thể cải thiện việc sử dụng những công nghệ này và các công nghệ khác như thế nào, và đến lượt việc sử dụng có đạo đức các công nghệ mới nổi có thể hỗ trợ chúng ta trong nỗ lực mở rộng và làm phong phú quan điểm đạo đức của chúng ta như thế nào.

6.11 Trí tuệ Kỹ thuật Đạo đức: Đoàn kết các Đức Tính Kỹ thuật Đạo đức

Phẩm chất vĩ đại nhất là một phẩm chất mà chúng ta sẽ nói ít nhất về nó, vì nó bao gồm tổng thể của những gì đã được nói. Có những cuốn sách nguyên tác đã được viết về khái niệm của Aristotle về trí tuệ thực hành hoặc phronēsis, nhưng giống như khái niệm về nhân ái của Khổng Tử trong việc sử dụng rộng hơn, sự khôn ngoan đạo đức được hiểu tốt nhất như là một thuật ngữ cho 'đức tính toàn diện,' đại diện cho sự tích hợp thành công của các thói quen đạo đức, kiến thức và phẩm chất của một người một cách thông minh, chân thực

và chuyên môn. Do đó, một người có sự khôn ngoan đạo đức hay thực hành không chỉ là một người luôn luôn thực hiện một cách đáng tin cậy bảy thói quen đạo đức được nêu trong Phần II, và người đã sử dụng những thói quen đó để nuôi dưỡng và tích hợp các phẩm chất cần thiết để thịnh vượng trong thế giới đạo đức của họ. Một người như vậy không hoàn hảo nhưng vẫn là một người gương mẫu - có nhược điểm nhưng tốt hơn hầu hết, tìm thấy nhiều niềm vui và hạnh phúc trong cuộc sống tốt và đúng đắn hơn so với hầu hết chúng ta khi sống một cách tồi tệ hoặc không suy nghĩ, và thể hiện những tia sáng của vẻ đẹp đạo đức chân thực trong hành động khiến chúng ta phải suy nghĩ.

Do đó, trí tuệ Kỹ thuật Đạo đức là một phẩm chất ở một ý nghĩa khác so với các phẩm chất khác. Nó không phải là một phẩm chất cụ thể hoặc tâm tính, mà là một điều kiện tổng quát của chuyên môn đạo đức được nuôi dưỡng và tích hợp tốt đẹp, thể hiện thành công - và một cách thông minh, thông tin và chân thực - mỗi phẩm chất đạo đức khác nhau mà chúng ta, cả cá nhân và tập thể, cần để sống tốt với các công nghệ mới nổi. Mỗi trong số mười một phẩm chất Kỹ thuật Đạo đức khác nhau đều tìm thấy sự biểu hiện cao nhất khi được tích hợp trong các hành động của một người có trí tuệ Kỹ thuật Đạo đức.

Sau khi đã đề xuất và thiết lập lý do, khung nhìn khái niệm và nội dung cho một tài khoản về các phẩm chất Kỹ thuật Đạo đức, sự quan tâm của chúng ta trong Phần III sẽ hẹp hơn và cụ thể hơn: xác định cách mỗi phẩm chất Kỹ thuật Đạo đức một cách riêng lẻ, và trí tuệ Kỹ thuật Đạo đức nói chung, có thể giúp chúng ta trong việc đối phó với sự xuất hiện nhanh chóng của các quyền lực công nghệ mới từ một tầm nhìn kỹ thuật xã hội ngày càng mờ mịt và không đoán trước được.

Technology and the Virtues, 2016, Trang 120-155

6.12 Sự Hào Hiệp: Lãnh Đạo Đạo Đức

[Các Đức Tính Liên Quan: Bình Tĩnh, Can Đảm, Tham Vọng]

Đức tính Aristotelian của lòng hào hiệp, hoặc *megalopsuchia* (lòng hào hiệp hoặc tinh thần vĩ đại), đã là đối tượng của rất nhiều sự phê phán hiện đại. Thường được liên kết với một cảm giác được phép của sự ưu tú chính trị và cá nhân, và ý tưởng rằng một người có đạo đức nên tin và cảm thấy mình 'cao cả' hơn những rắc rối và mối quan tâm của người khác. Hiểu theo nghĩa này, chúng ta có thể thấy lòng hào hiệp như là một thù địch của các đức tính kỹ thuật đạo đức như công bằng, thông cảm, quan tâm, lịch sự và quan điểm mà chúng ta đã nêu bật ở trên, và do đó là một ứng cử viên tốt hơn cho một trạng thái kỹ thuật đạo đức. Vậy độc giả nên làm gì khi gặp phải sự hiện diện của nó ở đây?

Trước hết, chúng ta nên nhận thấy rằng trong khi phân tích được đưa ra ở trên có thể đã mô tả một số thành viên của cộng đồng Athens mà Aristotle rất ngưỡng mộ, điều này sẽ là kết quả của việc Aristotle không đúng đắn áp dụng khái niệm của mình. Trước hết, khái niệm

của ông về lòng hào hiệp hoặc 'vĩ đại' là một khái niệm rõ ràng đạo đức, do đó loại trừ tình trạng chính trị và kinh tế như điều kiện của sự hài lòng của nó, trừ khi trong một xã hội cụ thể những điều này ngẫu nhiên là tiên đề cho sự phát triển đạo đức của một người (như Aristotle cho rằng một số mức độ về may mắn vật chất và chính trị). Điểm ở đây là một cảm giác tự phụ, hoặc một cái dựa trên tình trạng chính trị hoặc kinh tế của một người thay vì bản tính của mình, là theo định nghĩa trái ngược với đức tính lòng hào hiệp. Chỉ một người có đạo đức xuất sắc đã rèn luyện đức tính đến một mức độ đặc biệt (là công bằng, trung thực, khôn ngoan, v.v.) mới có thể là một *megalopsuchos* ('người có tinh thần vĩ đại').

6.13 Lòng Hào Hiệp: Lãnh Đạo Đạo Đức

[Các Đức Tính Liên Quan: Bình Tĩnh, Can Đảm, Tham Vọng]

"Lòng Hào Hiệp" (*Magnanimity*) như một khía cạnh của lãnh đạo đạo đức. Được tương quan với các đức tính khác như Bình Tĩnh, Can Đảm, và Tham Vọng, lòng hào hiệp được mô tả là một phẩm chất Aristotelian, nhưng đã gặp nhiều chỉ trích trong thời đại hiện đại vì thường được liên kết với sự tự cao và kiêu căng. Tuy nhiên, tác giả lập luận rằng lòng hào hiệp, khi được hiểu đúng, không phải là sự kiêu căng dựa trên địa vị chính trị hay kinh tế, mà là một phẩm chất đạo đức rõ ràng, chỉ có thể được đạt được bởi người có đức tính xuất sắc và đã rèn luyện các đức tính đạo đức đến mức độ cao. Điều này cho thấy lòng hào hiệp không phải là một phẩm chất tiêu cực khi được hiểu và thực hiện đúng cách.

Hơn nữa, theo nghĩa "người có tâm hồn vĩ đại" hay cao thượng "ở trên" thì người bình thường chủ yếu quan tâm đến sự thiếu nhỏ mọn của họ – việc họ không sẵn sàng làm ô uế đức hạnh của mình bằng cách bởi móc những lợi ích tầm thường, danh dự, chức danh, giải thưởng hoặc những chuyện vật vãnh nâng cao cái tôi khác. Người có tâm hồn vĩ đại không bỏ qua những điều này bởi vì anh ta muốn vượt lên trên những người khác, mà anh ta ở trên những người khác chỉ vì anh ta có xu hướng bỏ qua những điều này. Những điều có tâm hồn vĩ đại

giá trị con người có giá trị hơn. Người cao thượng là người có ý thức về sự cao thượng và giá trị bản thân được hình thành từ những nỗ lực cả đời về mặt đạo đức và xã hội chứ không phải là những cuộc tranh giành cái tôi có tổng bằng 0 tương đối vô nghĩa. Người rộng lượng có thể có tinh thần rộng lượng ở những nơi mà người khác không có. Anh ta có thể chịu đựng một sự xúc phạm nhỏ nhất mà không cần phải trả ơn. Anh ta có thể chào đón nồng nhiệt người giả vờ như không nhận thấy sự xuất hiện của anh ta. Anh ta có thể để chiếc xe kia lao vào chỗ đậu xe của 'anh ta' tại trung tâm thương mại mà không phản ứng như một con chó đại.

Tất nhiên, không còn nghi ngờ gì nữa rằng quan niệm về lòng cao thượng của Aristotle chứa đầy sự thiên vị không thể bào chữa được về giới tính, sắc tộc và giai cấp. Những người đàn ông Hy Lạp sở hữu tài sản có thể có tâm hồn vĩ đại. Phụ nữ, người Ba Tư và nô lệ

thì không thể. Cũng đúng là văn hóa Hy Lạp cổ đại đã khuyến khích những hành động cao thượng cụ thể mà nhiều công dân đương thời của các xã hội bình đẳng hơn sẽ cho rằng đó là điều đáng ghét hoặc tục tĩu. Nhưng liệu điều đó có làm cho quan niệm đương thời về con người có “tâm hồn vĩ đại” hay cao thượng trở nên thiếu mạch lạc? Tôi hy vọng độc giả của tôi sẽ thừa nhận rằng, cho dù các nhà tư tưởng Hy Lạp chưa được khai sáng có quan tâm đến chủ đề ai có thể hoặc không thể được coi là hào hùng, thì họ vẫn đứng về mặt này: có rất nhiều điều đáng ngưỡng mộ ở một người có cái tôi không phải là người khổng lồ, hút hổ đen của nhu cầu, cũng không chất đầy những vinh dự và ‘thành công trống rỗng về mặt đạo đức.’ Một cảm giác cao quý về mặt đạo đức tương tự được thể hiện trong lý tưởng Nho giáo của quân tử,

người nhiều lần được mô tả là nhỏ nhen và không đánh giá quá cao cũng như không đánh giá thấp giá trị đạo đức của mình. Trong Phật giáo, khái niệm này còn có vấn đề hơn, vì chính khái niệm về “giá trị bản thân” hay “tâm hồn vĩ đại” là sai lầm về mặt siêu hình và do đó có tính hủy hoại về mặt đạo đức. Tuy nhiên, có một hành vi tương đương với tính cao thượng trong hình ảnh Phật giáo về một con người gương mẫu, người chắc chắn “vượt lên trên” những mối quan tâm nhỏ mọn và những tranh chấp cái tôi, và là người đã trau dồi đạo đức.

nguồn lực để hấp thụ sự nhỏ mọn của người khác mà không bị xù lông hay cảm động vì sự bình tĩnh, bình thản (upeksā).

Vậy thì lý tưởng cổ điển này có liên quan gì đến cuộc sống thế kỷ 21? Ai còn nói hay nghĩ đến việc trở nên ‘cao quý’ nữa? Đây chính xác là quan điểm của tôi. Lòng cao thượng tạo điều kiện và khuyến khích tham vọng đạo đức và khả năng lãnh đạo có đạo đức, hai điều vô cùng thiếu trong môi trường công nghệ xã hội đương đại của chúng ta. Tham vọng đạo đức có thể được mô tả là khả năng “nghĩ lớn” về mục tiêu đạo đức của một người. Những người cao thượng, những người có tham vọng đạo đức chính đáng, có thể vượt xa những gì hầu hết chúng ta có thể thực hiện được trong lĩnh vực đạo đức (thường hơn một chút so với câu nói ‘Tôi sẽ cố gắng tỏ ra tử tế một chút.

ngày nay bớt ích kỷ hơn.’) Người cao thượng có thể theo đuổi và lãnh đạo người khác trong những dự án đạo đức đòi hỏi lòng can đảm bền bỉ, trí tuệ sâu sắc, sự đồng cảm rộng rãi, sự quan tâm đặc biệt và khả năng chịu đựng những thất vọng và xung đột lớn lao – bởi vì họ đã trau dồi thành công những đức tính này như những nguồn lực cho những dự án như vậy.

Tất nhiên, hầu hết những người tự coi mình là những nhà lãnh đạo đạo đức vĩ đại đều có nhiều khả năng mắc phải mặc cảm tự cao về đáng cứu thế, một lý do khiến nhiều người trong chúng ta coi bất kỳ ai tự nhận mình là người dẫn đường đạo đức với sự nghi ngờ dễ hiểu. Cũng không phải ai sinh ra hoặc được định sẵn là có tâm hồn vĩ đại, mặc dù tâm lý bẩm sinh hoặc hoàn cảnh sống của một số người có thể mang lại những điều kiện thuận lợi hơn cho sự phát triển đạo đức phi thường. Tuy nhiên, những người đã cố gắng trau dồi

bản thân tốt có thể phối hợp với những người khác đảm nhận những dự án mà một người có đạo đức bình thường có thể lãnh đạo sẽ gây khó khăn không thể tưởng tượng được: thúc đẩy hòa bình và thiện chí giữa các nhóm tham chiến có lịch sử lâu dài về sự tàn bạo lẫn nhau; thay đổi định kiến của cả một nền văn hóa về một nhóm dân tộc, phụ nữ hoặc người LGBT bị coi thường; chấm dứt chế độ nô lệ hoặc săn trộm động vật hoang dã. Những con người hoặc những nhân cách đạo đức bình thường có thể và nên đóng góp nhiều cho những mục tiêu này, và đại đa số chúng ta tham gia vào những nỗ lực đó chỉ là những người bình thường về mặt đạo đức đang cố gắng hết sức và thoát ra khi những thất vọng và thất vọng trở nên quá sức chịu đựng của chúng ta. Tuy nhiên, thật khó để thấy làm thế nào những dự án như vậy có thể được duy trì và điều phối một cách đáng tin cậy trong thời gian dài mà không có năng lượng đạo đức của những người thực sự hào phóng. Những người cao thượng là những người đã giành được sự tin tưởng về mặt đạo đức của người khác một cách đúng đắn, những người có thể truyền cảm hứng, hướng dẫn, cố vấn, và dẫn dắt phần còn lại của chúng ta ít nhất đến một nơi nào đó trong vùng lân cận của những điều tốt đẹp. Đó không phải là một lý tưởng viễn vông.

Đã có rất nhiều người như vậy trong lịch sử, một số người nổi tiếng và bị lãng quên một cách bất công nhất, những người vẫn chưa hoàn hảo nhưng tốt hơn hầu hết mọi người và đã giúp đỡ người khác trở nên tốt hơn. Tuy nhiên, thế giới công nghệ xã hội đương đại của chúng ta nuôi dưỡng và ủng hộ tham vọng của các nhà lãnh đạo đạo đức chân chính không? Liệu chúng ta có thể kể tên những cá nhân cụ thể đang sống mà chúng ta tin tưởng sẽ dẫn dắt ta một cách khôn ngoan và có đạo đức vượt qua hàng loạt các vấn đề nan giải của xã hội công nghệ toàn cầu mà nhân loại đang phải đối mặt không? Ai có thể hướng dẫn chúng ta một cách đáng tin cậy trong việc đưa ra những lựa chọn thận trọng về việc mở rộng các công cụ giám sát kỹ thuật số toàn cầu, robot vũ trang, hệ thống phần mềm tự động? Nếu người đọc nhìn thấy bằng chứng rõ ràng rằng sự dẫn đầu về công nghệ toàn cầu đang được cung cấp rất nhiều hoặc thậm chí đầy đủ thì tôi rất vui khi đã sai. Nhưng nếu tôi không sai, thì đã đến lúc đặt câu hỏi làm thế nào sự phát triển của con người trong thế kỷ 21 có thể được hưởng lợi từ sự hồi sinh của lòng cao thượng như một đức tính kỹ thuật và làm thế nào chúng ta có thể đạt được điều đó.

8 Nguyên tắc thiết kế để thành công chung

Tám nguyên tắc thiết kế để thành công chung do cố giáo sư Elinor Ostrom đề xuất trong cuốn sách của bà, Quản lý tài sản chung: Sự phát triển của các thể chế cho hành động tập thể (1990). Đã có những nội dung chi tiết và đề xuất sửa đổi đối với các quy tắc này, nhưng chúng vẫn là một bộ hướng dẫn tham khảo mang tính bước ngoặt để hiểu lý do tại sao các quy tắc chung thành công hay thất bại.

- 1. Ranh giới được xác định rõ ràng: Các cá nhân hoặc hộ gia đình có quyền rút các đơn vị tài nguyên khỏi CPR phải được xác định rõ ràng, cũng như ranh giới của chính CPR (common pool resources). Điều này giúp tránh những tranh chấp về quyền lợi sử dụng tài nguyên và giúp người dùng hiểu rõ hơn về phạm vi của tài nguyên mà họ có thể sử dụng.*
- 2. Sự phù hợp giữa các quy tắc phân bổ, cung cấp và điều kiện địa phương: Các quy tắc phân bổ hạn chế thời gian, địa điểm, công nghệ và/hoặc số lượng các đơn vị nguồn lực có liên quan đến các điều kiện địa phương và các quy tắc cung cấp yêu cầu lao động, vật chất và/hoặc tiền bạc. Nguyên tắc này nhấn mạnh việc phải đảm bảo rằng các quy định về việc sử dụng tài nguyên (lợi dụng) phải phản ánh chính xác các điều kiện địa phương, cũng như các quy định về cung cấp tài nguyên phải liên quan chặt chẽ đến các điều kiện địa phương.*
- 3. Thỏa thuận lựa chọn tập thể: Hầu hết các cá nhân bị ảnh hưởng bởi các quy tắc hoạt động đều có thể tham gia sửa đổi các quy tắc hoạt động. Nguyên tắc này nói về việc cho phép tất cả các cá nhân bị ảnh hưởng bởi quy định vận hành tham gia vào quá trình sửa đổi và xây dựng quy định đó.*
- 4. Giám sát: Những người giám sát, những người tích cực kiểm tra các điều kiện CPR và hành vi của người chiếm đoạt, chịu trách nhiệm trước những người chiếm đoạt hoặc là người chiếm đoạt.*
- 5. Các biện pháp trừng phạt theo mức độ: Người chiếm đoạt vi phạm các quy tắc hoạt động có thể sẽ bị áp dụng các biện pháp trừng phạt theo mức độ (tùy thuộc vào mức độ nghiêm trọng và bối cảnh của hành vi phạm tội) bởi những người chiếm đoạt khác, bởi các quan chức chịu trách nhiệm trước những người chiếm đoạt này, hoặc cả hai.*
- 6. Cơ chế giải quyết xung đột: Người chiếm đoạt và các quan chức của họ có quyền truy cập nhanh vào các đấu trường địa phương với chi phí thấp để giải quyết xung đột giữa những người chiếm đoạt hoặc giữa những người chiếm đoạt và quan chức. Đây là việc cung cấp các cơ chế để giải quyết các xung đột giữa người sử dụng tài nguyên hoặc giữa họ và các nhà quản lý một cách nhanh chóng và chi phí thấp.*

7. *Sự công nhận tối thiểu về quyền tổ chức: Quyền của những người chiếm đoạt được thành lập các tổ chức của riêng họ không bị các cơ quan chính phủ bên ngoài thách thức. Đối với CPR là một phần của hệ thống lớn hơn. Nguyên tắc này đề cập đến việc tôn trọng quyền của người sử dụng để tự quyết định và tự thiết kế các tổ chức cho riêng mình mà không bị can thiệp từ các cơ quan chính phủ bên ngoài.*

8. *Các doanh nghiệp lồng nhau: Các hoạt động chiếm dụng, cung cấp, giám sát, thực thi, giải quyết xung đột và quản trị được tổ chức ở nhiều lớp trong các doanh nghiệp lồng nhau. Nguyên tắc này ám chỉ việc tổ chức các hoạt động quản lý tài nguyên ở nhiều tầng lớp khác nhau, từ cấp độ cơ sở đến cấp độ quốc gia hoặc quốc tế. Điều này giúp tăng cường hiệu suất quản lý và giải quyết các vấn đề đa chiều của tài nguyên chung.*

Cái chung không tồn tại trong một thế giới hoàn hảo, mà tồn tại trong một thế giới thù địch với cái chung. Vì vậy, điều quan trọng là mỗi người phải ý thức được kho báu mình đang nắm giữ trong tay, để gìn giữ và giúp nó ngày càng phát triển.

1. *Là một thường dân, tôi hiểu rõ mình cần quan tâm đến những nguồn lực nào và chia sẻ trách nhiệm này với ai. Tài nguyên chung là những tài nguyên mà chúng ta cùng nhau tạo ra, được chúng ta duy trì như một món quà của thiên nhiên hoặc được đảm bảo cho mọi người sử dụng.*

2. *Chúng tôi sử dụng các tài nguyên chung mà chúng tôi tạo ra, chăm sóc và duy trì. Chúng tôi sử dụng các phương tiện (thời gian, không gian, công nghệ và số lượng tài nguyên) có sẵn trong bối cảnh nhất định. Là một thường dân, tôi hài lòng rằng có một mối quan hệ công bằng giữa những đóng góp của tôi và những lợi ích mà tôi nhận được.*

3. *Chúng tôi tham gia hoặc sửa đổi các quy tắc và cam kết của riêng mình và mọi người dân đều có thể tham gia vào quá trình này. Các cam kết của chúng tôi nhằm mục đích tạo ra, duy trì và bảo tồn tài sản chung nhằm đáp ứng nhu cầu của chúng tôi.*

4. *Chúng tôi tự mình giám sát việc tôn trọng các cam kết này và đôi khi chúng tôi ủy quyền cho những người khác mà chúng tôi tin tưởng giúp đạt được mục tiêu này. Chúng tôi liên tục đánh giá lại liệu các cam kết của chúng tôi có còn phục vụ mục đích của chúng hay không.*

5. *Chúng tôi xây dựng các quy định phù hợp để xử lý các hành vi vi phạm cam kết của mình. Chúng tôi xác định liệu có áp dụng các hình thức xử phạt nào hay không, tùy thuộc vào bối cảnh và mức độ nghiêm trọng của hành vi vi phạm.*

6. *Mọi người dân thường đều có thể tận dụng không gian và phương tiện để giải quyết xung đột. Chúng tôi tìm cách giải quyết những xung đột giữa chúng tôi theo cách dễ dàng tiếp cận và đơn giản.*

7. Chúng tôi tự điều chỉnh công việc của mình và các cơ quan bên ngoài tôn trọng điều đó.

8. Chúng tôi nhận ra rằng mọi tài sản chung đều là một phần của một tổng thể lớn hơn. Vì vậy, cần có các tổ chức khác nhau hoạt động ở quy mô khác nhau để phối hợp quản lý và hợp tác với nhau.

Patterns of Commoning, 2015, Trang 47

Atala PRISM

XIN CẢM ƠN